

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình
đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Định, tháng 9 năm 2020



**ĐANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

(Kèm theo Quyết định số 84/QĐ-DHQN ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS. TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS. TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Lê Xuân Việt	TS, Trưởng khoa CNTT	Phó Chủ tịch	
4	Ông Hồ Văn Lâm	TS, Phó Trưởng khoa CNTT	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng KT&BDCL	Thành viên	
6	Ông Lê Xuân Vinh	TS, Thành viên Hội đồng Trường, Trưởng phòng ĐTDH	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Thanh Bình	TS, Phó Trưởng khoa CNTT	Thành viên	
8	Ông Trần Thiên Thành	TS, Trưởng bộ môn, Khoa CNTT	Thành viên	
9	Ông Lê Quang Hùng	TS, Trưởng bộ môn, Khoa CNTT	Thành viên	
10	Ông Phạm Văn Việt	TS, Trưởng bộ môn, Khoa CNTT	Thành viên	
11	Ông Vũ Sơn Lâm	ThS, Giảng viên, Bí thư Liên chi đoàn Khoa CNTT	Thành viên	
12	Bà Nguyễn Thị Tuyết	ThS, Giảng viên Khoa CNTT	Thành viên	
13	Ông Mai Xuân Miên	TS, Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS, Giám đốc TT. Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp	Thành viên	
15	Ông Huỳnh Tín Trọng	Sinh viên K41, Khoa CNTT	Thành viên	

(Danh sách gồm có 15 người).

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề.....	1
2. Tổng quan chung	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	16
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	16
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	16
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.....	18
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	21
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	23
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật	24
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....	25
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	27
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	30
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	30
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.	34
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	36
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	38
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan	38
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....	41
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.	43

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	45
<i>Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra</i>	<i>45</i>
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học</i>	<i>47</i>
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng</i>	<i>50</i>
<i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....</i>	<i>52</i>
<i>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.</i>	<i>54</i>
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	56
<i>Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>57</i>
<i>Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>61</i>
<i>Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	<i>63</i>
<i>Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.</i>	<i>65</i>
<i>Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	<i>67</i>
<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>	<i>69</i>
<i>Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>71</i>

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	74
<i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>74</i>
<i>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	<i>76</i>
<i>Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.</i>	<i>78</i>
<i>Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	<i>79</i>
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.	83
<i>Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.....</i>	<i>84</i>
<i>Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.</i>	<i>86</i>
<i>Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.</i>	<i>88</i>
<i>Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.</i>	<i>91</i>
<i>Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....</i>	<i>95</i>
Tiêu chuẩn 9. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật....	98
<i>Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</i>	<i>99</i>
<i>Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	<i>100</i>
<i>Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</i>	<i>103</i>
<i>Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>	<i>104</i>

<i>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....</i>	<i>106</i>
<i>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....</i>	<i>109</i>
<i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.</i>	<i>109</i>
<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>111</i>
<i>Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.</i>	<i>113</i>
<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.</i>	<i>116</i>
<i>Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>117</i>
<i>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>120</i>
<i>Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....</i>	<i>123</i>
<i>Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>123</i>
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>125</i>
<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>129</i>
<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>	<i>131</i>
<i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>133</i>
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	136
<i>1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo.....</i>	<i>136</i>
<i>2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo.....</i>	<i>142</i>
<i>3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.....</i>	<i>146</i>

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo152

PHẦN IV. PHỤ LỤC 1

Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO1

Phụ lục 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC.....31

*Phụ lục 3. DANH MỤC CÁC MINH CHỨNG***Error! Bookmark not defined.**

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CĐR	Chuẩn đầu ra
CTĐT	Chương trình đào tạo
CNTT	Công nghệ thông tin
ĐHQN	Đại học Quy Nhơn
GDDH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
PGS	Phó giáo sư
SĐH	Sau đại học
TS	Tiến sĩ
ThS	Thạc sĩ
TSKH	Tiến sĩ khoa học
YKPH	Ý kiến phản hồi
SV	Sinh viên
GV	Giảng viên

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng yêu cầu của thời đại công nghiệp 4.0, phát triển kinh tế - xã hội, việc thẩm định, đánh giá chất lượng CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là một nhiệm vụ rất cần thiết. Với tầm quan trọng và ý nghĩa đó, Trường Đại học Quy Nhơn - Khoa Công nghệ thông tin đã đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thông tin dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT, tuân thủ đầy đủ các quy định trong khung đào tạo Quốc gia đã ban hành. Những người liên quan đến chương trình đào tạo này xem đây là cơ hội tốt để tự xem xét, đánh giá một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT đại học ngành Công nghệ thông tin để thấy rõ thực trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả sử dụng của CTĐT; từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, tiến tới điều chỉnh mục tiêu CTĐT theo hướng đạt chuẩn khu vực, quốc tế đáp ứng được nhu cầu nguồn lực trong thời đại công nghiệp 4.0.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá

CTĐT ngành Công nghệ thông tin bao gồm 4 phần:

- Phần I. Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thông tin (cấu trúc, nội dung chính, cách mã hóa minh chứng...);

+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa Công nghệ thông tin (tóm tắt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng thực hiện CTĐT ngành Công nghệ thông tin...).

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thông tin với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn.....

Mở đầu

Tiêu chí....

- + Mô tả (Mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của tiêu chí...)
- + Điểm mạnh (Nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT)
- + Điểm tồn tại (Nêu những điểm tồn tại của CTĐT)
- + Kế hoạch hành động (Kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại...)
- + Tự đánh giá

Kết luận về Tiêu chuẩn...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT ngành Công nghệ thông tin; những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

- Phần IV. Phụ lục (Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thông tin theo Thông tư 04/2016, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng).

Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá chương trình đào tạo

Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Nhà trường, đơn vị. Đây là quá trình để Khoa Công nghệ thông tin dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành Công nghệ thông tin, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành Công nghệ thông tin; từ đó tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT; đồng thời đăng ký đánh giá ngoài để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thông tin.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định của Nhà trường, của đơn vị. Đồng thời để Khoa tiếp tục xây dựng và phát triển, trở thành một trong những đơn vị có vị thế trong khu vực Miền Trung - Tây Nguyên nói riêng và trong cả nước về việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về Công nghệ thông

tin, NCKH và ứng dụng Công nghệ thông tin trong các lĩnh vực khác nhau, từng bước làm chủ được tri thức, công nghệ vươn tới tầm quốc gia, khu vực và quốc tế.

Nội dung và phạm vi tự đánh giá

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thông tin gồm 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và được hướng dẫn cụ thể trong Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD thay thế Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Cục Quản lý chất lượng. Nội dung cụ thể gồm: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Đội ngũ GV, NCV; Đội ngũ nhân viên; Người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

Phạm vi tự đánh giá: Giai đoạn 2015-2020.

Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ đánh giá

Quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thông tin của Khoa Công nghệ thông tin được thực hiện dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quá trình tự đánh giá CTĐT được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các giải thích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Trong quá trình tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Công nghệ thông tin, Khoa Công nghệ thông tin đã huy động cán bộ chủ chốt của Khoa tham gia tập huấn tự đánh giá chất lượng CTĐT do Nhà trường tổ chức; lên kế hoạch chi tiết và tổ chức họp viên chức toàn khoa để phổ biến kế hoạch, phân công nhiệm vụ rõ ràng và triển khai thực hiện các mảng công việc chính như: Thu thập thông tin của các bên liên quan thường xuyên liên lạc, thu thập dữ liệu từ sinh viên năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Quá trình tiến hành tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thông tin, nhất là viết báo cáo tự đánh giá đều có sự thống nhất và tham gia của tất cả các thành viên trong Khoa; đồng thời huy động một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thông tin.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã minh chứng) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ: H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.05.05: là minh chứng thứ 5 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

2. Tổng quan chung

Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn

Trường Đại học Quy Nhơn (tên tiếng Anh: Quy Nhơn University - QNU), tiền thân là cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn trực thuộc Bộ Giáo dục, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường phổ thông trung học”. Năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 đổi tên thành Trường Đại học Quy Nhơn, “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội; 2. Nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Quy Nhơn ngày càng mở rộng, ổn định về quy mô và lĩnh vực đào tạo; bảo đảm và nâng cao trình độ, chất lượng đào tạo; đội ngũ giảng viên, viên chức không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học (NCKH) được đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ, chuẩn hóa; công tác NCKH và hợp tác quốc tế không ngừng mở rộng, đi vào chiều sâu...

Trường đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, nhất là giáo viên THPT; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao, góp phần to lớn vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao dân trí của khu vực và cả nước.

Trường Đại học Quy Nhơn đã xác định rõ **triết lý giáo dục, sứ mệnh, tầm nhìn và hệ giá trị cốt lõi**, làm nền tảng để Nhà trường hướng tới trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững trong tương lai.

Triết lý giáo dục của Nhà trường là: “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp” (Ban hành kèm theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn), với ý nghĩa sau.

Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường (Ban hành kèm theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn). được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước; được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

Sứ mệnh: “Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của

khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

Hệ giá trị cốt lõi Nhà trường hướng tới là: “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.”

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác;
- Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, các viện nghiên cứu; các phân hiệu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học;
- Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện nghiên cứu khoa học và công nghệ; các trung tâm dịch vụ đào tạo; các doanh nghiệp; các cơ sở kinh doanh.

Nhà trường hiện có 12 khoa, 15 đơn vị chức năng (trong đó có 10 phòng, 01 văn phòng Đảng - Đoàn thể, 02 trung tâm, 01 thư viện, 01 viện khoa học giáo dục), 05 đơn vị trực thuộc (04 trung tâm, 01 viện nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ) và các tổ chức, đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức.

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Nhà trường bảo đảm về số lượng và phát triển về chất lượng. Tính đến tháng 9/2020, Trường có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 giảng viên, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 NCS (81 NCS trong nước và 36 NCS nước ngoài), số còn lại hầu hết có trình độ thạc sĩ; tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ chiếm 37,27%, vượt 12,27% chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Nhà trường đến năm 2020.

Về ngành nghề và quy mô đào tạo, Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực gồm: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, nhất là giáo viên THPT; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao; trong đó đào tạo giáo viên (sư phạm) là thế mạnh của Trường. Trường hiện đào tạo 46 ngành đại học với quy mô hơn 19.000 SV (hệ chính quy và không chính quy); đào tạo 22 chuyên ngành thạc sĩ và 3 chuyên ngành tiến sĩ với quy mô hơn 1.200 học viên, NCS.

Hoạt động NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ là một nhiệm vụ quan trọng được Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả đáng kể. Trong 5 năm trở lại đây, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đã chủ trì và thực hiện thành công hàng chục đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh; có hàng trăm bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế danh tiếng như SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế, thu hút đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài.

Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và phát triển **hợp tác quốc tế** theo chiều sâu trong liên kết đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới, tạo cơ hội để giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tiếp cận các nền khoa học và giáo dục tiên tiến trên thế giới như: Bỉ, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan...

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, Nhà trường có diện tích đất là 24 ha; trong đó gần 13,2 ha là cơ sở chính ở tại trung tâm thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, và gần 11 ha là Khu Nghiên cứu và Thực nghiệm Nông nghiệp theo hướng công nghệ cao Nhơn Tân ở tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, cách Trường khoảng 40 km. Trường có hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng lab học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có đủ hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn. Thư viện của Trường có đủ đầu sách, giáo trình, tài liệu, được kết nối với hệ thống Thư viện quốc và các trường đại học. Nhà luyện tập thể dục thể thao với diện tích sàn gần 1.800m² phục vụ tốt cho việc dạy học, các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của sinh viên.

Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được chú trọng đầu tư ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo. Các phần mềm được triển khai ứng dụng: Cổng thông tin điện tử - Portal; Quản lý nhân sự - HRM; Quản lý khảo sát ý kiến sinh viên - eSurvey; Quản lý tạp chí khoa học - JMS; Quản lý văn bản, công việc - eOffice; Quản lý tuyển sinh đại học chính quy online;... Mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại các khu KTX; triển khai

E-Learning. Thực hiện công tác truyền thông trên công thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

Về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, năm 2016-2017, Trường đã thực hiện kiểm định và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Năm 2019-2020, thực hiện kiểm định và được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho ba ngành đào tạo Sư phạm Toán học, Sư phạm Hóa học và Kỹ thuật điện (các Quyết định số 91/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020, Quyết định số 92/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020, Quyết định số 93/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Hiện nay Trường đang tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài 09 chương trình đào tạo. Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời công khai, giải trình với các bên liên quan và xã hội trong quá trình tiến tới tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

Tháng 8 năm 2020 Trường Đại học Quy Nhơn được gắn 4 Sao trong kết quả đối sánh chất lượng và gắn sao các cơ sở giáo dục đại học khu vực ASEAN năm 2020 của Hệ thống Đối sánh Chất lượng Giáo dục đại học UPM. UPM gồm 8 nhóm tiêu chuẩn tương ứng với 8 lĩnh vực được cụ thể hoá thành 54 tiêu chí, thực hiện đánh giá và gắn sao trường đại học theo 2 định hướng: nghiên cứu hoặc ứng dụng. Kết quả đánh giá bao gồm điểm số tổng thể cho toàn trường và điểm số cho từng lĩnh vực, từng tiêu chí tương ứng với số Sao đạt được từ 1 – 5.

Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường đảm bảo và nâng cao chất lượng các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành Công nghệ thông tin.

Giới thiệu về Khoa Công nghệ thông tin

**** Quá trình hình thành và phát triển***

Năm 1992, nhận thấy Tin học là một ngành đào tạo mà xã hội có nhu cầu, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn (nay là trường Đại học Quy Nhơn - ĐHQN) đã liên kết với Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội) đào tạo cử nhân ngành Tin học, và đây được xem là khởi đầu cho việc hình thành khoa Công nghệ thông tin (CNTT) hiện nay. Với việc liên kết đào tạo

này, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn đã là nơi đào tạo ngành Tin học khá sớm của khu vực miền Trung và Tây nguyên. Cũng từ đó, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn bắt đầu đào tạo cán bộ, chuẩn bị cơ sở vật chất nhằm đáp ứng cho việc đào tạo một ngành mới đó là ngành Tin học.

Với nhu cầu ngày càng tăng của nhân lực Tin học, sự gia tăng nhanh chóng về số lượng sinh viên theo học ngành Tin học cho thấy xu hướng phát triển và tầm quan trọng của lĩnh vực Tin học trong phát triển Khoa học công nghệ và Kinh tế xã hội của đất nước. Trên cơ sở đó, ngày 14 tháng 5 năm 1999, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra Quyết định số 1649/QĐ-BGDĐT về việc thành lập Khoa Tin học, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn. Lúc này, đội ngũ giảng viên của Khoa chủ yếu là các giảng viên từ tổ Toán ứng dụng thuộc khoa Toán được cử đi đào tạo về Tin học và một số sinh viên Tin học giỏi sau khi tốt nghiệp được giữ lại Khoa. Và cũng trong năm học 1999 - 2000, sau 7 năm liên kết đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn chính thức được tuyển sinh đào tạo và cấp bằng cử nhân Tin học. Đây là bước ngoặt lớn có ý nghĩa tác động mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Khoa sau này.

Cùng với sự phát triển của Trường Đại học Quy Nhơn và sự phát triển nhanh chóng của CNTT, đến năm 2010, Khoa đổi tên thành Khoa CNTT nhằm định hướng đào tạo gắn với công nghệ và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Đến nay, sau một thời gian xây dựng và phát triển, vượt qua những khó khăn ban đầu, Khoa CNTT đã và đang khẳng định vị thế trong đào tạo lĩnh vực CNTT ở Việt Nam. Hiện nay, Khoa CNTT được biết đến như một đơn vị với đội ngũ trẻ, năng động, đoàn kết, với chiến lược đào tạo và quyết tâm phát triển hướng tới tiêu chuẩn chất lượng và đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội. Từ chỗ chỉ có một ngành đào tạo trình độ đại học, đến nay Khoa đã đào tạo thạc sĩ ngành Khoa học máy tính, 2 ngành đào tạo trình độ đại học là CNTT (với 4 chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo, Hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm, Mạng máy tính), Kỹ thuật phần mềm (hệ kỹ sư) và hỗ trợ tham gia đào tạo ngành Sư phạm Tin học của Khoa sư phạm. Để đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngoài việc đào tạo sinh viên chính quy, Khoa còn tham gia đào tạo hình thức vừa làm vừa học liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành CNTT, Sư phạm Tin học cho các tỉnh trong khu vực miền Trung và Tây nguyên như Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng, góp phần quan trọng vào đào tạo nhân lực CNTT cho các tỉnh trong khu vực và trên cả nước.

Nhiều sinh viên của Khoa sau khi ra trường đã tiếp tục học tập nâng cao trình độ và đang tham gia giảng dạy trong các trường đại học, các viện nghiên cứu, đang giữ những vị trí quan trọng trong các cơ quan nhà nước, các công ty chuyên về CNTT, các

tập đoàn đa quốc gia,... Nhiều cựu sinh viên đã quay lại giúp Khoa trong việc đào tạo các thế hệ sinh viên tiếp theo với kinh nghiệm làm việc thực tế của mình.

Hiện nay, Khoa đã xây dựng được một đội ngũ gồm 27 cán bộ, giảng viên trong đó có 9 tiến sĩ, 4 nghiên cứu sinh, 14 thạc sĩ. Nhiều giảng viên của Khoa được đào tạo tại các nước có nền CNTT phát triển mạnh như Pháp, Đài Loan, Rumani,... Khoa CNTT được tổ chức thành 3 bộ môn là Bộ môn Mạng và Khoa học máy tính, Bộ môn Hệ thống thông tin, Bộ môn Công nghệ phần mềm.

Trong những năm qua, Khoa CNTT đã đào tạo được hơn 4000 sinh viên, học viên. Hằng năm, Khoa tuyển sinh hơn 300 sinh viên đại học, học viên cao học. Những sinh viên của Khoa sau khi tốt nghiệp đã góp phần đáp ứng được nhu cầu nhân lực ngày càng cao của ngành CNTT trong khu vực cũng như trên cả nước. Bên cạnh đó, tập thể cán bộ và giảng viên của Khoa đã tham gia giảng dạy bộ môn Tin học cho hàng chục ngàn sinh viên của Trường, tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi tin học cho các học sinh chuyên Tin học của tỉnh Bình Định, Phú Yên và đạt nhiều thành tích cao. Song song với việc đào tạo, đội ngũ cán bộ của Khoa còn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đã tham gia chủ trì 6 đề tài cấp Bộ và tương đương, công bố trên 100 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành, tham gia phản biện, đánh giá nhiều đề tài, dự án khoa học công nghệ cho tỉnh Bình Định. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng đào tạo và bắt kịp với tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, Khoa đã xây dựng một chương trình đào tạo linh hoạt, cập nhật, kết hợp giữa kiến thức cơ bản với các nội dung hiện đại, các công nghệ mới trong lĩnh vực CNTT, định hướng chuyên sâu, nhằm đào tạo được nguồn nhân lực CNTT có chất lượng, phù hợp với xu thế phát triển công nghệ trong khu vực và thế giới.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) đang hình thành và phát triển, nhu cầu nhân lực về CNTT rất lớn. Đây vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với Khoa. Nắm bắt được cơ hội đó, Khoa CNTT nhanh chóng cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo, liên kết, hợp tác với các công ty sản xuất và nghiên cứu về công nghệ thông tin trong nước, các đơn vị sử dụng lao động CNTT để phối hợp đào tạo, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Trong năm 2017, được sự đồng ý của Trường, Khoa đã đề xuất Trường ký kết thỏa thuận hợp tác với các công ty FPT Software Đà Nẵng, GameLoft Đà Nẵng, TMA Solutions - Tp. Hồ Chí Minh, Fujinet. Trong năm 2020 Khoa tiếp tục mở rộng sự hợp tác với doanh nghiệp cụ thể hóa bằng những MoU mới với các đối tác cũ, thêm những điều khoản mang lại giá trị cho hai bên và ký kết với các công ty, doanh nghiệp mới để tận dụng được nguồn lực phát huy được thế mạnh của các bên liên quan. Sự hợp tác này sẽ hứa hẹn nhiều đổi mới trong công

tác giảng dạy, tạo ra những giá trị mới và cùng nhau chia sẻ những giá trị đó. Việc ký kết biên bản ghi nhớ này không chỉ mở đầu quan hệ hợp tác, mà còn là sự chia sẻ tầm nhìn công nghệ, sự hỗ trợ trong đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực. Khoa CNTT kỳ vọng vào những bước đi mang tính thực tiễn này nhằm tìm kiếm giải pháp, định hướng đào tạo mang lại hiệu quả cao nhất.

Dựa trên mục tiêu và sứ mệnh của Trường ĐHQN, Khoa CNTT đã không ngừng phấn đấu, nỗ lực để thành công với sứ mệnh đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành CNTT có chất lượng; Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến trên cơ sở phát huy thế mạnh về khoa học cơ bản; Tiếp cận các chuẩn mực giáo dục đại học trong nước và khu vực. Trở thành địa chỉ tin cậy về đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT. Hợp tác với các tập đoàn công nghệ, các công ty phần mềm có uy tín trong nước trong việc phối hợp đào tạo, triển khai thực hiện các dự án CNTT thực tế ngay trong môi trường giáo dục. Sáng tạo và chuyển giao những kết quả, sản phẩm khoa học công nghệ; tạo ra các hướng nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT. Đó là những định hướng chiến lược lâu dài hướng đến của Khoa CNTT.

****Sứ mệnh và tầm nhìn***

Để phát triển theo định hướng nêu trên, Khoa Công nghệ thông tin đã lập kế hoạch chiến lược phát triển với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ ưu tiên... thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của Khoa như sau:

Sứ mệnh: Khoa Công nghệ thông tin Trường ĐHQN là đơn vị đào tạo đại học, sau đại học, cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ thông tin chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực miền Trung- Tây Nguyên. Khoa cũng là đơn vị quan trọng trong nghiên cứu khoa học, phát triển ứng dụng và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Khoa Công nghệ thông tin Trường ĐHQN trở thành đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học uy tín của cả nước, có vai trò nòng cốt trong đào tạo, nghiên cứu, và chuyển giao các sản phẩm đào tạo về CNTT của Trường ĐHQN.

**** Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên***

- Cơ cấu tổ chức của Khoa được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường đại học. Cụ thể:

+ Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa

+ Hội đồng khoa

+ Bộ môn

Khoa Công nghệ thông tin hiện có 01 Trưởng khoa, 02 Phó Trưởng khoa; Hội đồng khoa gồm: Chủ tịch Hội đồng và 08 thành viên; 03 Bộ môn gồm: Mạng và Khoa học máy tính, Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin. Bên cạnh đó, Khoa còn có Chi bộ Đảng, Công đoàn bộ phận, Liên chi đoàn Thanh niên và Liên chi hội Sinh viên.

- Đội ngũ giảng viên của Khoa ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao trình độ, chất lượng, được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao, có phương pháp sư phạm tốt và tận tâm với công việc. Hiện nay, Khoa có đội ngũ viên chức cơ hữu gồm 27 người; trong đó có 26 giảng viên với 9 TS, 14ThS, 04 NCS. Đặc biệt, số giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên chiếm tỷ lệ 33% trên tổng số giảng viên cơ hữu, trong đó có 44% TS được đào tạo ở nước ngoài, chủ yếu ở các nước Pháp, Rumani, Đài Loan.

**** Quy mô và chương trình đào tạo***

Trải qua 21 năm xây dựng và phát triển, Khoa CNTT đã đào tạo được hơn 4000 sinh viên, học viên. Hằng năm, Khoa tuyển sinh hơn 300 sinh viên đại học ngành CNTT và Kỹ thuật phần mềm, học viên cao học chuyên ngành Khoa học máy tính. Những sinh viên của Khoa sau khi tốt nghiệp đã góp phần đáp ứng được nhu cầu nhân lực ngày càng cao của ngành CNTT trong khu vực cũng như trên cả nước. Bên cạnh đó giảng viên còn tham gia giảng dạy bộ môn Tin học cho hàng chục ngàn sinh viên của Trường, tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi tin học cho các học sinh chuyên Tin học của tỉnh Bình Định, Phú Yên và đạt nhiều thành tích cao.

Hiện nay, Khoa đang đào tạo 831730 sinh viên ngành CNTT và 80 sinh viên ngành Kỹ thuật phần mềm, hơn 60 học viên cao học ngành Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu ứng dụng và đào tạo tin học cơ bản cho các ngành còn lại trong trường.

Các chuyên ngành và trình độ đào tạo hiện nay Khoa đang đảm nhiệm gồm:

Trình độ Đại học chính quy và liên thông, gồm các ngành: Công nghệ thông tin (chia các chuyên ngành hẹp: Khoa học máy tính, Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính), Kỹ thuật phần mềm.

Trình độ Thạc sĩ chuyên ngành: Khoa học máy tính và từ năm 2020 cùng các khoa Toán thống kê và Kỹ thuật & Công nghệ đảm nhận chuyên ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng.

CTĐT ngành CNTT với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các tri thức chuyên sâu về CNTT và có đầy đủ các

kỹ năng về ngoại ngữ, kỹ năng mềm giúp sinh viên sau khi ra trường có thể đảm nhận được những vị trí việc làm của một cử nhân ngành CNTT tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp. Chương trình trang bị cho người học khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các lĩnh vực của CNTT và khả năng ứng dụng CNTT vào giải quyết những bài toán thực tế làm nền tảng cho công việc của các cử nhân CNTT sau này đồng thời cũng có cơ hội tiếp tục học lên cao hơn ở bậc trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.

CTĐT ngành CNTT được thiết kế đảm bảo người học được cung cấp thông tin, kiến thức, được rèn luyện phương pháp tư duy cũng như các kỹ năng tác nghiệp, các kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ thông qua các học phần mang tính liên ngành và chuyên sâu của CNTT. CTĐT ngành CNTT có tham khảo từ Trường Đại học trong nước Đại học Khoa học Tự nhiên- ĐHQG TP Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa Đà Nẵng và một số trường đại học uy tín ở Mỹ và châu Âu; đồng thời định kỳ 2 năm một lần được rà soát, điều chỉnh, cập nhật, đổi mới thông qua thực tế đào tạo và các thay đổi về chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT.

**** Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Hiện tại Khoa Công nghệ thông tin đang hình thành các nhóm nghiên cứu và vận hành thông qua các đề tài nghiên cứu các cấp đồng thời tích cực ký kết hợp tác với các doanh nghiệp, các đơn vị trong nước để chuyển giao các kết quả nghiên cứu ra thực tế. Với những kết quả thành công trong nghiên cứu, hằng năm nhiều giảng viên của Khoa đã đảm nhận các đề tài nghiên cứu và nghiệm thu với chất lượng từ khá trở lên, bên cạnh đó giảng viên trong Khoa cũng tích cực viết bài, các kết quả nghiên cứu báo cáo tại các Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Các công trình nghiên cứu được xuất bản trên những tạp chí quốc tế có chỉ số IF cao, từ năm 2015 đến nay, giảng viên của Khoa thực hiện 13 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp Bộ và 3 đề tài cấp Tỉnh, đã đăng tải 45 bài báo khoa học trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước; trong đó có 09 công trình được đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI.

Bên cạnh đó, Khoa đã đăng cai tổ chức các Hội khoa học quốc gia và cấp Trường, thu hút nhiều các nhà khoa học uy tín trong và ngoài nước về tham dự và trao đổi khoa học, gây tiếng vang lớn như: Hội Thảo quốc gia Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông @ năm 2017, Hội thảo khoa học cấp trường Các vấn đề hiện đại của Công nghệ thông tin năm 2019. Ngoài ra Khoa cũng phối hợp các Ban tổ chức các cuộc thi trí tuệ cho sinh viên ngành CNTT để tổ chức huấn luyện cho sinh viên và cử sinh viên tham gia như cuộc thi “Cuộc đua số - xe tự hành năm 2018” do FPT phối

hợp Ban khoa học kỹ thuật VTV tổ chức, cuộc thi Codewar khu vực miền trung do FPT Software tổ chức.

Về hợp tác quốc tế, thông qua các cán bộ học tập ở nước ngoài, các doanh nghiệp trong là đối tác của Khoa, bước đầu Khoa cũng đã liên lạc, thiết đặt quan hệ, hợp tác trong nghiên cứu, đào tạo và nghiên cứu tạo ra những sản phẩm ứng dụng cho các bài toán của các đối tác quốc tế đưa ra như Công ty Visual Japan, Hitachi, ... Với xu thế toàn cầu hóa, kinh tế số và quá trình số hóa các lĩnh vực khác nhau đem đến nhiều cơ hội lớn cho việc kết nối, hợp tác, triển khai các dự án mang tính toàn cầu cho cán bộ giảng viên trong Khoa CNTT.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin (CNTT) có xuất phát điểm là chương trình đào tạo ngành Tin học do Khoa Tin học (nay là Khoa CNTT) xây dựng năm 1999 sau 7 năm liên kết đào tạo ngành Tin học với Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm 2010 Khoa Tin học đổi tên thành Khoa CNTT, chương trình đào tạo ngành Tin học được đổi thành chương trình đào tạo ngành CNTT cho phù hợp với mã ngành đào tạo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Một điểm thay đổi lớn là chương trình đào tạo ngành CNTT năm 2010 được thay đổi để phù hợp với hình thức đào tạo mới của Trường Đại học Quy Nhơn là đào tạo theo tín chỉ. Chương trình qua nhiều lần cập nhật, thay đổi cho phù hợp với thực tế, chương trình được đánh giá là chương trình đào tạo ngành CNTT được ban hành năm 2015 và được cập nhật mới nhất vào tháng 7 năm 2020.

Ý thức được tầm quan trọng của chương trình đào tạo cũng như mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nên ngay từ khi xây dựng chương trình Khoa CNTT đã tập trung vào việc xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo theo đúng mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. Qua quá trình triển khai, mục tiêu và chuẩn đầu ra cũng được cập nhật cho phù hợp với thị trường lao động và sứ mạng, tầm nhìn của Trường và Khoa. Có thể nói chương trình đào tạo đại học chính quy ngành CNTT đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học, với sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn, Khoa CNTT và là kim chỉ nam để xây dựng và cập nhật khung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần. Chương trình đào tạo ngành CNTT tuân thủ đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Quy Nhơn và được sự nhất trí cao của tập thể giảng viên trong Khoa CNTT, được Nhà trường và doanh nghiệp ủng hộ.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành CNTT trong chương trình được ban hành vào năm 2020 [H1.01.01.01] bao gồm:

- Về kiến thức

- + Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh.
- + Có kiến thức cơ sở và chuyên sâu của ngành Công nghệ thông tin.
- + Có kiến thức về một số hướng nghiên cứu cơ bản và ứng dụng của công nghệ thông tin trong thực tế.

- Về kỹ năng

- + Có các kỹ năng về lập trình giải quyết các bài toán khoa học và thực tế.
- + Có kỹ năng phân tích, thiết kế, cài đặt hệ thống thông tin cho một cơ quan, công ty hoặc tổ chức xã hội.
- + Có kỹ năng xây dựng, quản lý và điều hành hoạt động của một hệ thống mạng máy tính cho cơ quan, công ty hoặc tổ chức xã hội.
- + Có kỹ năng khởi nghiệp và lãnh đạo; làm việc độc lập; làm việc nhóm và tổ chức làm việc theo nhóm.
- + Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp, hoạt động chuyên môn và có kỹ năng giao tiếp.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

- + Nhận thức rõ về ý thức tự học và nghiên cứu suốt đời; đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với công việc, cộng đồng và xã hội.

Mục tiêu của chương trình là rõ ràng và phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học được quy định tại điều 5 khoản 2 [H1.01.01.02]. Bản mô tả chương trình đào tạo [H1.01.01.03] đã thể hiện chương trình đào tạo ngành CNTT là một cụ thể hóa của sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Quy Nhơn được công bố vào năm 2017 [H1.01.01.04]. Bản mô tả chương trình đào tạo cũng thể hiện được ma trận kỹ năng đáp ứng của từng nhóm môn học đối với mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Trên cơ sở của mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần đã cụ thể hóa mục tiêu chương trình đào tạo [H1.01.01.05]. Đề cương mỗi học phần đều có mục tiêu của từng học phần và theo đúng định hướng mục tiêu chương trình đào tạo.

Để hoàn thành việc cập nhật chương trình đào tạo năm 2020, Khoa CNTT đã dựa vào Kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật, chương trình đào tạo đại học chính quy [H1.01.01.06]. Để cập nhật mục tiêu chương trình đào tạo Khoa đã dựa vào báo

cáo nhân lực ngành CNTT năm 2019, 2020 của VietnamWorks [H1.01.01.07] để phân tích nhu cầu thị trường lao động cũng như định hướng đầu ra cho chương trình đào tạo. Khoa CNTT cũng đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm đại diện các doanh nghiệp CNTT, cựu sinh viên của Khoa, và giảng viên đang giảng dạy tại Khoa [H1.01.01.08]. Chương trình cũng được góp ý, nghiệm thu bởi Hội đồng Khoa [H1.01.01.09].

Chương trình đào tạo ngành CNTT đã được công khai trên website của Khoa CNTT ở địa chỉ kcntt.qnu.edu.vn để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Như vậy, với mục tiêu đào tạo cử nhân ngành CNTT có trình độ chuyên sâu trong các lĩnh vực chuyên ngành, đáp ứng được nhu cầu xã hội, CTĐT đã cụ thể hóa được sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

Mục tiêu của CTĐT được rà soát, điều chỉnh và cập nhật định kỳ dựa trên yêu cầu ngày một thay đổi về nguồn nhân lực của xã hội và nhu cầu phát triển của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát về mục tiêu CTĐT của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng chưa được thực hiện thường xuyên, chưa đầy đủ và theo một quy trình cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Xây dựng quy trình, công cụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên thuộc khoa. Từ năm học 2020 – 2021, Khoa CNTT xây dựng quy trình, công cụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng về các nội dung cụ thể trong mục tiêu CTĐT để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển của thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả

Khoa CNTT đã xây dựng CDR của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Nhà trường về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT đại học đáp

ứng yêu cầu của việc đào tạo tín chỉ được xác định dựa vào công văn 2196/BGDĐT-GDDH về việc hướng dẫn xây dựng và công bố CDR [H1.01.02.01]; Quyết định về việc ban hành quy định CDR của trường ĐH Quy Nhơn [H1.01.02.02]; Quyết định về việc phê duyệt tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường ĐH Quy Nhơn [H1.01.02.03] được công khai trên Website của trường trong mục công khai cam kết chất lượng đào tạo và website của khoa CNTT mục “Giới thiệu các chương trình đào tạo” [H1.01.02.04]. Khoa CNTT đã xây dựng CDR của CTĐT đại học ngành CNTT hệ chính quy năm 2015, 2017 [H1.01.02.05], cập nhật sửa đổi năm 2020 [H1.01.02.06] thể hiện rõ năng lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ), phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe của người học, cụ thể là:

- Có đầy đủ sức khỏe, lý luận chính trị, đạo đức, phẩm chất cần thiết để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Có khả năng vận dụng được các kiến thức về thuật toán và lập trình, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu từ đó có thể xây dựng các ứng dụng giải quyết nhu cầu thực tế; có thể triển khai, duy trì hoạt động của một hệ thống thông tin cho một tổ chức;

- Có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản về xác suất, thống kê, đại số và giải tích để phát triển các phần mềm, các hệ thống thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế;

- Có tư duy sáng tạo để luôn tìm tòi, sáng tạo ra những sản phẩm phần mềm và các giải pháp công nghệ tin học mới;

- Khả năng tổng hợp và trình bày một vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực Công nghệ thông tin hoặc có thể xây dựng ứng dụng, hệ thống thông tin cho một bài toán quản lý cụ thể của thực tế;

- Có khả năng phân tích, xử lý những vấn đề trong lĩnh vực Công nghệ thông tin;

- Có năng lực phát triển các phần mềm, các hệ thống thông tin để phục vụ công việc;

- Có khả năng tìm tòi kỹ thuật, công nghệ mới để sáng tạo phần mềm, sản phẩm mới;

- Khả năng vận hành và quản lý các hệ thống CNTT;

- Khả năng tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm.

CDR của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt bao gồm 4 phần cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp:

- Kiến thức và lập luận ngành: Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành giải quyết các bài toán thực tế liên quan đến CNTT.

- Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp: có kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực CNTT, nhận diện và xác định các yêu cầu thực tế, từ đó thiết kế thực hiện và đánh giá một hệ thống CNTT áp dụng cho nhu cầu phát triển doanh nghiệp hiệu quả, bền vững trong môi trường cạnh tranh hội nhập quốc tế.

- Kỹ năng hoạt động trong môi trường nhà trường và xã hội: bao gồm kỹ năng hoạt động trong môi trường nhà trường, kỹ năng hoạt động trong môi trường xã hội.

- Năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nhà trường và xã hội: Sinh viên tốt nghiệp ngành CNTT có ý thức, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc tích cực, chủ động và hiệu quả, tự tiếp thu kiến thức nghề nghiệp và học tập suốt đời; khả năng làm việc độc lập và hoạt động hiệu quả trong các nhóm đồng thời có phương pháp làm việc khoa học, có khả năng xây dựng các phương pháp luận và có tư duy mới trong các hoạt động khoa học.

CĐR của CTĐT ngành CNTT cũng xác định những kỹ năng và yêu cầu chuyên biệt như: khả năng thiết kế, xây dựng, quản trị hệ thống mạng nội bộ của doanh nghiệp, khả năng xây dựng các ứng dụng desktop, ứng dụng di động,... mà SV các chuyên ngành phải đạt được **[H1.01.02.07]**.

CĐR được cập nhật thường xuyên theo quy định cho phù hợp với các yêu cầu thực tế **[H1.01.02.08]**, **[H1.01.02.09]**, **[H1.01.02.10]**, **[H1.01.02.11]**. CĐR này được phân công cho GV biên soạn, thảo luận, đóng góp ý kiến; sau đó tiến hành họp lấy ý kiến của các GV trong bộ môn, của Hội đồng khoa CNTT **[H1.01.02.12]**, lấy ý kiến của các bên liên quan và được chính thức ban hành và công bố công khai với xã hội **[H1.01.02.13]**.

CĐR của CTĐT ngành CNTT được triển khai ở cấp độ 3 và xác định mức năng lực cho mỗi chủ đề thuận tiện cho việc đo lường và đánh giá. Ma trận kỹ năng thể hiện mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT và các học phần cũng được thiết lập **[H1.01.02.14]**. Thông qua việc nắm bắt CĐR, bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các học phần và ma trận kỹ năng, người học có thể sử dụng các công cụ đăng ký trực tuyến cho cá nhân để có thể tự đăng ký các học phần, tự chọn lớp học tập, tự chọn GV giảng dạy nhằm đáp ứng các yêu cầu của CĐR và hoàn thành khối lượng kiến thức toàn khóa học **[H1.01.02.15]**, **[H1.01.02.16]**. Với CĐR đã nêu và sau khi hoàn thành CTĐT, người học có thể công tác tại:

- Các công ty chuyên về phần mềm, về hệ thống máy tính và các giải pháp về CNTT.

- Chuyên viên quản lý CNTT tại các cơ quan, tổ chức hay doanh nghiệp. Với các vị trí như quản trị mạng, tổ chức và quản trị hệ thống thông tin, lập trình ứng dụng
- Giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng hay trung cấp chuyên nghiệp.
- Các viện nghiên cứu chuyên về CNTT và Truyền thông.

Với việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR dựa trên việc tham khảo từ các nguồn thông tin, ý kiến đóng góp nhiều chiều, Khoa đã hệ thống lại được khung CTĐT và đưa ra được bộ CĐR phù hợp, hoàn thiện. Qua đó, GV, người học và doanh nghiệp dễ dàng nắm bắt được đầy đủ thông tin, hiểu rõ hơn và đánh giá đúng chất lượng dạy và học ngành CNTT.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNTT được xác định rõ ràng, đảm bảo tỷ lệ khối lượng kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR được xây dựng đúng quy định, đúng quy trình của BGD&ĐT và của Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp, các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CĐR của CTĐT ngành CNTT vẫn chưa được thực hiện định kỳ, thường xuyên và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021 Khoa CNTT phối hợp với Phòng Khảo thí và ĐBCL hoàn thiện quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR của CTĐT. Đồng thời, CĐR của CTĐT cũng sẽ được Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật từng học phần và sẽ cùng Hội đồng khoa học Khoa đánh giá, rà soát, đề xuất điều chỉnh CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận quốc tế và đáp ứng với những biến đổi về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, chính trị tại Việt Nam.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Theo định kỳ cập nhật, rà soát, điều chỉnh CTĐT, Trường đã ban hành kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT vào tháng 05/2015 và cử cán bộ tham gia tập huấn “Xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR” [H1.01.03.01]. Theo đó, CĐR của CTĐT ngành CNTT được xây dựng và điều chỉnh theo đúng quy định về việc xây dựng điều chỉnh

CĐR của trường ĐH Quy Nhơn. CĐR của CTĐT được thể hiện rõ trong CTĐT ngành Công nghệ thông tin và bản mô tả đề cương chi tiết học phần nhằm cụ thể hóa các hoạt động có thể đạt được các CĐR đã đề ra [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. CĐR của CTĐT ngành CNTT được chú trọng đến việc trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp năng lực của người học theo đúng qui định về đào tạo tín chỉ thể hiện trong ma trận kỹ năng [H1.01.03.04].

Việc điều chỉnh và rà soát định kỳ CĐR của CTĐT được thực hiện đúng quy trình gồm các bước sau: Nhà trường lên kế hoạch tổ chức tập huấn về xây dựng CĐR cho GV theo kế hoạch [H1.01.03.05], Nhà trường giao nhiệm vụ cho Khoa Công nghệ thông tin xây dựng CĐR của ngành CNTT; Khoa giao nhiệm vụ cho các tổ bộ môn xây dựng dự thảo CĐR [H1.01.03.06], [H1.01.03.07], [H1.01.03.08] và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan để hoàn thiện CĐR cho ngành [H1.01.03.09]; Hội đồng khoa học Khoa hoàn thiện CĐR và báo cáo Hội đồng khoa học - đào tạo Trường [H1.01.03.010]; Hội đồng khoa học - đào tạo Trường tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo CĐR ngành CNTT [H1.01.03.11]. Đến năm 2018, khoa đã triển khai và thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra CTĐT căn cứ vào các ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa về CTĐT [H1.01.03.12]. CĐR sau khi được tiếp thu, hoàn thiện được công bố thông qua website của khoa [H1.01.03.13] giúp GV, người học dễ dàng tiếp cận và nắm bắt được các kiến thức, trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành, một trình độ về chuẩn năng lực nghề nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ và đạo đức nghề nghiệp mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp [H1.01.03.14], [H1.01.03.15].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNTT được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên những ý kiến góp ý từ việc lấy ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của ngành CNTT. Chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNTT được công khai rộng rãi, tạo điều kiện thuận lợi cho người học dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Việc xây dựng CĐR của CTĐT có tham khảo ý kiến của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên đang theo học tại Trường nhưng chưa được thực hiện thường xuyên, chưa thể hiện thành quy trình cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Khoa và các bộ môn triển khai xây dựng kế hoạch mời các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia góp ý trong quá trình xây dựng CĐR thường xuyên trong các đợt cập nhật chương trình cũng như thông quan sự hợp tác trong đào tạo. Trong những năm gần đây Khoa đã ký kết thỏa thuận hợp tác đào tạo với doanh nghiệp, đây là cầu nối quan trọng giúp cho người học có thể tiếp cận với các doanh nghiệp ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Kế hoạch hàng năm Khoa sẽ kết nối thêm nhiều doanh nghiệp uy tín để tạo điều kiện tốt nhất cho người học sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

CTĐT ngành CNTT có mục tiêu đào tạo rõ ràng, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, Khoa; phù hợp với mục tiêu của GDĐH. Nội dung chương trình dạy học đáp ứng yêu cầu xã hội, trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất đạo đức về lĩnh vực CNTT được thể hiện rõ ràng thông qua CĐR. CTĐT ngành CNTT được điều chỉnh, rà soát định kỳ và công bố công khai, giúp người học tiếp cận dễ dàng. Bên cạnh đó, các bên liên quan có thể tham gia đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Việc xây dựng CĐR của CTĐT có tham khảo ý kiến của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu SV và SV đang theo học tại Trường nhưng chưa được thực hiện thường xuyên. Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT tự đánh giá tiêu chuẩn 1 đạt 3/3 tiêu chí, với mức đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành Công nghệ thông tin (theo hệ thống tín chỉ) được xây dựng năm 2010, được điều chỉnh và cập nhật vào các năm 2013, 2015, 2017 và 2020 để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường và yêu cầu của xã hội theo từng giai đoạn. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá học phần. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp người học và học viên có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT; giúp cho nhà tuyển dụng lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức và các kỹ năng mềm mà người học đã được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các

kết quả học tập dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là cơ sở cho việc thu nhận thông tin phản hồi từ phía sinh viên đang học, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, giúp cho việc cải tiến CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được các kết quả học tập dự kiến.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

CTĐT khối ngành Công nghệ được quy định theo Thông tư 37/2009, Thông tư 08/2011 của BGD&ĐT ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Công nghệ trình độ đại học và cao đẳng và những quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng, quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03].

Từ năm 2010, Trường ĐHQN chuyển từ hình thức đào tạo theo hệ thống niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. CTĐT ngành Công nghệ thông tin theo hệ thống tín chỉ được ban hành vào ngày 10/9/2010, sau đó được chỉnh sửa, cập nhật vào các năm 2010, 2013, 2015 và 2017, 2020, [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H2.02.01.06], [H2.02.01.07]. Tuy nhiên, trong cả 3 bản mô tả CTĐT năm 2010, 2013 và 2015, các quy định về CDR rất hạn chế và bản mô tả CTĐT vẫn còn thiếu ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của chương trình. Nhận thấy được điều đó, theo chỉ đạo của Trường ĐHQN, Khoa Công nghệ thông tin tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa CTĐT vào năm 2020 với mục tiêu đào tạo và CDR cụ thể, được thể hiện trong bản mô tả CTĐT, ma trận các kỹ năng và các học phần trong CTĐT, phương pháp đánh giá và cập nhật nhiều môn chuyên đề tự chọn mới, phù hợp với xu thế mới, đáp ứng nhu cầu của người học và của các nhà tuyển dụng [H2.02.01.08], [H2.02.01.09].

Bản mô tả CTĐT ngành Công nghệ thông tin có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết theo quy định của Bộ GD&ĐT. Cụ thể, bản mô tả CTĐT có các thông tin: tên trường; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; mã ngành; tên tiếng Anh; loại hình đào tạo; hình thức đào tạo; thời gian đào tạo; mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; tiêu chí tuyển sinh, CDR, ma trận kỹ năng; khối lượng kiến thức toàn khóa và đề cương tổng quát của các học phần.

Các thông tin này đảm bảo CTĐT cung cấp đầy đủ các nội dung chính: mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến; cấu trúc khóa học; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của chương trình và các bản mô tả học phần. Điểm khác biệt giữa bản mô tả CTĐT năm 2020 so với các bản mô tả CTĐT các năm trước là quy định cụ thể về CDR của CTĐT. CDR được truyền tải vào CTĐT và các học phần

thông qua ma trận tích hợp CDR (hay còn gọi là ma trận kỹ năng) nhằm góp phần đạt CDR của chương trình.

Bản mô tả CTĐT liên tục được cập nhật, Khoa Công nghệ thông tin còn dựa trên ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng đào tạo, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo để điều chỉnh, cập nhật CTĐT [H2.02.01.10], [H2.02.01.11], [H2.02.01.12], [H2.02.01.13]. Các học phần mới được cập nhật, thời lượng các học phần văn hóa được thay đổi để hoàn thiện các kỹ năng cần thiết, đáp ứng yêu cầu của người học và của các nhà sử dụng lao động. CTĐT ngành Công nghệ thông tin được Khoa Công nghệ thông tin biên soạn kỹ lưỡng và được thông qua sau các cuộc họp, góp ý và thống nhất từ Hội đồng khoa học khoa Công nghệ thông tin và Hội đồng Khoa học & Đào tạo Trường ĐHQN [H2.02.01.14], [H2.02.01.15].

2. Điểm mạnh

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành CNTT đầy đủ thông tin và tường minh. Bản mô tả thường xuyên được cập nhật và điều chỉnh theo xu hướng đào tạo và nghiên cứu ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng. Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng, tuân thủ theo đúng quy định của các cấp quản lý.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù bản mô tả CTĐT được xây dựng theo đúng quy định, quy trình và đã được rà soát điều chỉnh, tuy nhiên công cụ khảo sát chưa hoàn thiện và tần suất rà soát chưa hợp lý, do đó hạn chế trong cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến khảo sát định kỳ của các bên liên quan như GV, sinh viên, nhà tuyển dụng về bản CTĐT cần được tiến hành thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, Khoa CNTT sẽ tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên, doanh nghiệp, tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học nổi tiếng về chất lượng sinh viên ra trường để tiếp tục cập nhật chỉnh sửa CTĐT nhằm đáp ứng tốt nhu cầu Công nghệ thông tin của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương các học phần là bản mô tả nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CDR của học phần, đóng vai trò là bản cam kết giúp GV và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi bài học đều gắn liền với một mức

độ nhất định của CĐR. Từng bản mô tả CTĐT đều có các đề cương chi tiết học phần tương ứng.

Sau khi chương trình khung chi tiết trong bản mô tả CTĐT được thông qua, Khoa CNTT đã tiến hành xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo những quy trình, văn bản hướng dẫn như quyết định về việc ban hành Quy định về xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học và Quyết định về việc điều chỉnh CTĐT các ngành học theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN [H2.02.02.01], [H2.02.02.02].

Mỗi học phần có trong CTĐT [H2.02.02.03], [H2.02.02.04] đều được mô tả chi tiết trong các bản đề cương chi tiết học phần [H2.02.02.05], [H2.02.02.06]. Tất cả các đề cương chi tiết học phần đều được viết đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo kế hoạch của Trường ĐHQN [H2.02.02.07], [H2.02.02.08]. Mỗi đề cương chi tiết học phần bao gồm các thông tin: tên trường; tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên học phần; số tín chỉ; mục tiêu; CĐR của học phần thể hiện trong ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của ngành học [H2.02.02.09]; các yêu cầu đối với giảng viên và sinh viên; cấu trúc học phần; kế hoạch giảng dạy chi tiết; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và được thể hiện ở các CĐR của từng học phần. Đề cương chi tiết học phần đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần, phương pháp giảng dạy - học tập để có thể đạt được các CĐR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy.

Đề cương chi tiết học phần của ngành CNTT liên tục được rà soát và cập nhật. Sau khi rút kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy, dựa vào phiếu khảo sát và báo cáo về việc khảo sát ý kiến sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo các năm học 2015-2016, 2017-2018 và kế hoạch khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2017 của trường ĐHQN [H2.02.02.10]. Khoa CNTT tiến hành rà soát, bổ sung, sửa đổi CTĐT và đề cương chi tiết học phần năm 2020 theo Quyết định về việc phân công giảng viên tham gia biên soạn đề cương chi tiết các học phần ngành CNTT [H2.02.02.011]. Quá trình bổ sung, sửa đổi đều dựa trên các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, các đề cương chi tiết học phần được thực hiện sau khi Hội đồng khoa học Khoa thống nhất ý kiến trong các cuộc họp [H2.02.02.12], [H2.02.02.13].

Cuối cùng, đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai trên website của trường ĐHQN cũng như của khoa CNTT [H2.02.02.14], [H2.02.02.15].

2. Điểm mạnh

Tất cả đề cương chi tiết học phần của ngành CNTT được xây dựng dựa trên kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên và theo phản hồi của các bên liên quan, thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và CDR của chương trình. Các đề cương chi tiết học phần đáp ứng xu thế phát triển hiện nay về các lĩnh vực chuyên ngành CNTT. Đa số các học phần đều giới thiệu tài liệu tham khảo cả tiếng Việt và tiếng Anh để sinh viên có nhiều lựa chọn. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần đều được cung cấp đầy đủ để sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

Đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT theo quy định của BGD&ĐT và của Trường ĐHQN.

3. Điểm tồn tại

Một số giáo trình bằng tiếng Anh được giới thiệu trong các đề cương chi tiết học phần không được phổ biến ở Việt Nam. Hơn nữa, cũng giống CTĐT, việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên đang học, cựu sinh viên về đề cương chi tiết học phần diễn ra thường xuyên nhưng việc lấy ý kiến từ các nhà sử dụng lao động chưa được thực hiện thường xuyên và theo quy trình cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, khoa CNTT sẽ triển khai việc rà soát, cập nhật, bổ sung đề cương chi tiết của một số học phần. Khoa tiếp tục kiến nghị Nhà trường bổ sung các đầu sách cần thiết và phổ biến để đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập. Bên cạnh đó, khoa CNTT tiếp tục lấy ý kiến người học, các cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng một cách chuyên nghiệp và thường xuyên hơn để có thêm thông tin cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc phổ biến CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách rộng rãi, sau khi bản mô tả CTĐT theo CDR ngành CNTT được Trường ĐHQN ban hành, Khoa CNTT đã công bố công khai cho các bên liên quan nội dung của Bản mô tả CTĐT [H2.02.03.01] và đề cương chi tiết học phần [H2.02.03.02]

bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Khoa CNTT; trong các tài liệu giới thiệu về Trường; tại các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông; trong các thông báo của Nhà trường cho cán bộ và sinh viên; giới thiệu cho sinh viên mới nhập học trong các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa thông qua sổ tay sinh viên và các buổi gặp mặt tân sinh viên đầu khóa của Khoa [H2.02.03.03], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05]; niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại các bản thông báo của Khoa. Từ đó đưa ra những điều chỉnh hợp lý trong bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần mới nhất (năm 2020). Những điều chỉnh, bổ sung mới đều được cập nhật trên website của Khoa CNTT. Hơn nữa, đề cương chi tiết học phần đều được các giảng viên cung cấp cho sinh viên ngay khi bắt đầu học phần. Việc công bố bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp các bên liên quan như nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, học sinh, phụ huynh,... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Việc này giúp các nhà sử dụng lao động biết được nội dung sinh viên học được để có kế hoạch tuyển dụng hợp lý, giúp giảng viên chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi giảng dạy, giúp sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học, giúp cựu sinh viên có thông tin để góp ý cho việc cập nhật CTĐT lần sau; giúp học sinh và phụ huynh tìm hiểu về ngành để có các quyết định đúng đắn. Ý kiến phản hồi từ các nhà sử dụng lao động, sinh viên, cựu sinh viên là cơ sở quan trọng để ban soạn thảo CTĐT và đề cương chi tiết học phần có được thông tin cần thiết để rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành CNTT được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, góp ý, xây dựng như: sinh viên, cựu sinh viên, các đơn vị tuyển dụng và các nhà chuyên môn để Khoa có nhiều thông tin rà soát và sửa đổi CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan cần được thực hiện một cách có hiệu quả hơn, xây dựng quy trình hợp lý, các đối tượng được lấy ý kiến phản hồi còn chưa đa dạng. Điều này làm giảm sự tương tác giữa Nhà trường, Khoa và các bên liên quan và ảnh hưởng ít nhiều đến hiệu quả của công tác rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành CNTT.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2021, Khoa sẽ tiếp tục kết hợp với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Phòng Công tác chính trị và sinh viên của Nhà trường mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, giảng viên trong và ngoài khoa, cựu sinh viên, học viên cao học và sinh viên năm cuối về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDR của ngành CNTT và quốc tế hóa CTĐT. Bên cạnh đó, Khoa sẽ cập nhật lại CTĐT theo Chương trình giáo dục phổ thông mới để đáp ứng nhu cầu của xã hội, đồng thời tổ chức các hội nghị, tọa đàm chuyên môn để rút kinh nghiệm trong công tác dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành Công nghệ thông tin được xây dựng theo đúng quy trình, quy định của Bộ GD&ĐT, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, phù hợp với nhu cầu xã hội ở Việt Nam. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Công nghệ thông tin được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới về lĩnh vực Công nghệ thông tin. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của Hội đồng khoa học Khoa, cựu sinh viên, giảng viên, học viên cao học, các chuyên gia, các sở giáo dục hay viện nghiên cứu. Ma trận hiển thị kết quả chương trình CDR được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần. Đề cương chi tiết học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHQN. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm học và trong toàn khóa học. Mặc dù vậy, vẫn còn một số tồn tại như sau: Các đề cương chi tiết học phần chưa có tính mở; việc xuất bản và thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách có hiệu quả nhất; việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu sinh viên để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần đã được thực hiện, nhưng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa được đa dạng. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả của bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần. Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của

tiêu chuẩn này, ngành Công nghệ thông tin đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7 và 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.

Mở đầu

Hiện nay, ngành Công nghệ thông tin là một trong những ngành học được chú trọng trong hệ thống đào tạo của trường Đại học Quy Nhơn. Nó được xem là ngành đào tạo mũi nhọn hướng đến sự phát triển của công nghệ và khoa học kỹ thuật trong thời đại số hóa ngày nay. Với nhận thức cấu trúc và nội dung chương trình dạy học là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo, Khoa CNTT, trường Đại học Quy Nhơn đã thực hiện xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT liên tục định kỳ hai năm một lần.

Cấu trúc của CTĐT được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường và BGD&ĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành CNTT đáp ứng nhu cầu nhân lực ngành CNTT ngày nay.

Chương trình dạy học (CTDH) là cốt lõi của CTĐT. CTDH có cấu trúc, trình tự logic và được thiết kế theo trật tự các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành. Nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, theo trình tự từ thấp lên cao và đặc biệt nội dung giữa các học phần mang tính kế thừa, liên kết, mở rộng và thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. CTDH của ngành CNTT được thiết kế với các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá nhằm hỗ trợ sinh viên đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTDH ngành CNTT đã được Nhà trường công bố năm 2015 sau khi được hội đồng Khoa nghiệm thu và được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung dựa theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường [H3.03.01.01].

Cụ thể, trong bản mô tả CTĐT, CTDH ngành CNTT được ban hành sau khi Hội đồng Khoa, Hội đồng Khoa học cấp Trường nghiệm thu theo Quyết định ban hành cập nhật chương trình đào tạo năm 2020, bao gồm các nội dung [H3.03.01.02]:

- Mục tiêu đào tạo: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, vị trí việc làm.
- Chuẩn đầu ra đối với ngành học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa gồm khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành, khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức bổ trợ, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế).

- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

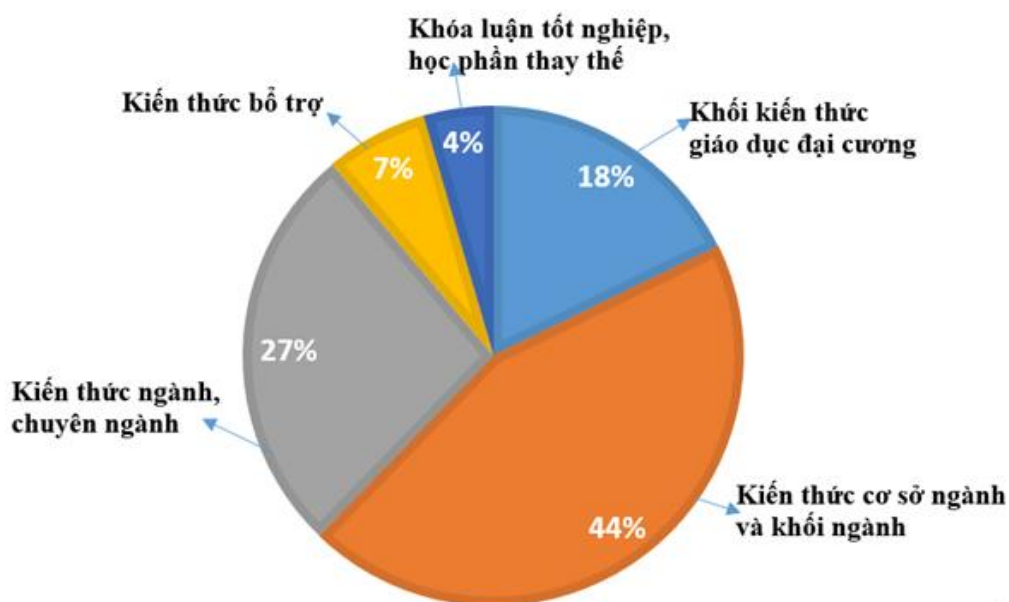
- Cách thức đánh giá, thang điểm

- Cấu trúc chương trình được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm chia làm 8 học kỳ với đầy đủ các học phần quy định rõ ràng bắt buộc hay tự chọn.

- So với chương trình đào tạo năm 2015 thì CTĐT năm 2020 có thêm ma trận chuẩn đầu ra của các học phần thể hiện sự tương quan với chuẩn đầu ra của CTĐT.

- Đề cương chi tiết học phần. Khối lượng kiến thức toàn khóa trong CTDH ngành CNTT năm 2020 gồm có 135 tín chỉ (không bao gồm giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh), trong đó kiến thức đại cương có 24 tín chỉ (chiếm 17.78%) và kiến thức chuyên nghiệp có 111 tín chỉ (chiếm 82.22%, bao gồm: kiến thức cơ sở ngành: 60 tín chỉ, kiến thức chuyên ngành: 36 tín chỉ, kiến thức bổ trợ: 9 tín chỉ và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 6 tín chỉ).

TỶ LỆ CÁC KHỐI KIẾN THỨC TRONG CTĐT



Hình 3.1: Biểu đồ thể hiện tỷ lệ của các khối kiến thức trong CTĐT

Cấu trúc của các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ giữa khối kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên nghiệp, mỗi học phần đóng vai trò nhất định để đạt được chuẩn đầu ra CTĐT. Các học phần trong mỗi khối kiến thức thể hiện tính gắn kết với nhau; hỗ trợ

và bổ sung cho nhau, kết hợp giáo dục kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ với việc rèn luyện kỹ năng, thái độ nhằm đạt được CĐR.

Phương pháp giảng dạy, học tập đa dạng, với nhiều hình thức phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học như: thuyết giảng, đàm thoại, vấn đáp, thực hành, báo cáo, thảo luận, làm việc nhóm,... Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau như kiểm tra trắc nghiệm, thi tự luận, báo cáo thuyết trình bài tập nhóm, thi thực hành trên máy tính, vấn đáp,... nhằm đạt được CĐR của CTĐT **[H3.03.01.03]**. Các học phần lý thuyết được đánh giá dựa vào nhiều tiêu chí như đánh giá quá trình tham dự lớp, chuyên cần, thái độ học tập; đánh giá quá trình học tập thông qua bài tập, kiểm tra, tiểu luận, báo cáo,... và thi kết thúc học phần. Học phần thực hành được đánh giá dựa vào điểm trung bình các bài kiểm tra. Các học phần có cả lý thuyết và thực hành được đánh giá theo tiêu chí điểm chuyên cần, quá trình và thi kết thúc học phần và tùy theo phân bổ số giờ lý thuyết và thực hành trong học phần mà tỷ lệ đánh giá được đánh trọng số phù hợp. Trong quá trình thực hiện CTDH, Khoa luôn có kế hoạch đánh giá để có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp.

Cùng với việc trang bị kiến thức cho SV, cấu trúc của chương trình được xây dựng nhằm đảm bảo cho người học được trang bị các kỹ năng nghề nghiệp: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, thiết kế và xây dựng thành sản phẩm công nghệ có tính ứng dụng thực tế... Các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp được lồng ghép trong nội dung của các môn học, để người học tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, thể hiện sự chuyên nghiệp trong quá trình học tập và làm việc sau khi tốt nghiệp **[H3.03.01.04]**.

Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH. Cụ thể, kế hoạch giảng dạy các học phần của ngành được thực hiện một cách khoa học, rõ ràng và được thông báo công khai, chi tiết đến các bên liên quan **[H3.03.01.05]**. Thêm vào đó, đội ngũ viên chức cơ hữu của Khoa luôn tuân thủ theo đúng kế hoạch và tiến độ giảng dạy của Trường và Khoa quy định từ đầu năm học. Điều này được thể hiện rất chi tiết trong hồ sơ giảng dạy của giảng viên **[H3.03.01.06]**.

Việc đánh giá mức độ phù hợp giữa CĐR và CTDH có thể thực hiện dựa vào kế hoạch lên lớp của GV, kết quả học tập của sinh viên, thống kê sinh viên tốt nghiệp ngành CNTT và các ngành khác trong trường. Ngoài ra, để đảm bảo tính khách quan khi đánh giá, Khoa còn tham khảo thêm ý kiến của các bên liên quan như SV, cựu SV, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng,... Việc lấy ý kiến của cựu SV về vị trí việc làm của SV sau khi ra trường giúp Khoa có cái nhìn chính xác hơn về ngành nghề đào tạo. Những phản hồi

của doanh nghiệp về sinh viên thực tập giúp Khoa có thể đối chiếu với CĐR và đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Ngoài ra, Khoa còn tham khảo các CTĐT của các trường đại học khác cũng như ý kiến của các nhà tuyển dụng để CĐR của CTĐT của ngành CNTT có thể đáp ứng được nhu cầu xã hội. Ý kiến của các bên liên quan giúp Khoa có cái nhìn khách quan hơn về CTĐT, nhờ đó có những điều chỉnh phù hợp trong những lần bổ sung, chỉnh sửa tiếp theo [H3.03.01.07].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành CNTT được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực. Trong đó, cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa khối kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên nghiệp. Nội dung giảng dạy và mục tiêu của các học phần có sự gắn kết hợp lý, khoa học đáp ứng CĐR của CTĐT.

CTDH đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. CTDH được cập nhật định kỳ, có những học phần liên kết đào tạo với nhà tuyển dụng, nhằm thu hẹp khoảng cách đào tạo của Nhà trường và yêu cầu của nhà tuyển dụng, giúp người học phát triển toàn diện, nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi và nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan, tuy nhiên, các thông tin phản hồi của người học về chất lượng CTDH chưa đầy đủ và liên tục. Thiếu sự phản ánh kịp thời, đồng bộ của các đơn vị sử dụng nguồn lao động.

Việc áp dụng một số công nghệ mới trong quá trình giảng dạy các học phần chuyên ngành còn hạn chế vì cơ sở vật chất chưa được trang bị kịp với tốc độ phát triển của ngành CNTT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, khoa CNTT tiếp tục xây dựng kế hoạch phối hợp với các bên liên quan thu thập ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên, nhà tuyển dụng trong việc rà soát và điều chỉnh CTDH. Khoa cũng xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà trường đầu tư trang thiết bị, công nghệ hỗ trợ trong dạy học các môn chuyên ngành nhằm tiếp cận sớm và nhanh chóng với xu hướng phát triển của ngành CNTT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả

CTDH của ngành CNTT ban hành năm 2020 được xây dựng, cập nhật dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn và các khóa tập huấn của Trường ĐHQN, được cấu trúc bởi các khối kiến thức theo trình tự từ đại cương, cơ sở ngành đến chuyên ngành [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Các học phần được sắp xếp, bố trí trong các học kỳ theo trình tự khoa học và logic, đảm bảo sự kế thừa, bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Các học phần xã hội và kỹ năng cơ bản nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức và ý thức cho SV. Các học phần khoa học tự nhiên, toán, ngoại ngữ cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Các học phần cơ sở ngành lại là nền tảng cho các học phần chuyên ngành. Cụ thể, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành là phần bắt buộc phải học trước, cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản để sinh viên có thể học các học phần chuyên ngành chuyên sâu, nâng cao. Mỗi học phần được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành cân đối, logic và chặt chẽ, tăng cường khả năng tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng tư duy của sinh viên. Điều này được thể hiện thông qua bản mô tả CTDH và bản mô tả học phần [H3.03.02.03].

Mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà người học tiếp nhận, phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành CNTT. Đề cương chi tiết của từng học phần đều có phần mục tiêu và CĐR của học phần, cụ thể những yêu cầu cần đạt được khi kết thúc học phần về mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên. Sự gắn kết giữa CĐR của mỗi học phần với CĐR của ngành được thể hiện rõ thông qua ma trận kỹ năng của CTDH [H3.03.02.04]. 100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

Để góp phần hoàn thiện CTĐT của ngành CNTT, năm 2019, Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần, bổ sung thêm CĐR học phần và phương pháp kiểm tra đánh giá đối với người học nhằm đảm bảo sự tương thích giữa các học phần và để đạt được CĐR của chương trình học. Phương pháp đánh giá của mỗi học phần được quy định trong đề cương chi tiết. Cụ thể là, đối với học phần lý thuyết gồm 2 phần: điểm đánh giá quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần (thi tự luận/trắc nghiệm hoặc vấn đáp) chiếm 70%. Đối với học phần thực hành có điểm đánh giá là trung bình điểm các bài thực hành. Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành thì điểm đánh giá quá trình chiếm 40%, thi kết thúc học phần chiếm 60% [H3.03.02.03].

Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường cũng thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH nhằm hỗ trợ tốt cho việc đạt được CĐR của CTDH [H3.03.02.05]. Cụ thể, CTDH của ngành được thực hiện một cách khoa học, rõ ràng, đúng tiến độ và được thông báo công khai, chi tiết đến các bên liên quan.

Sau mỗi học kỳ, năm học, bộ môn và Khoa CNTT thực hiện những tổng kết đánh giá hiệu quả của từng học phần, của cả CTĐT trong quá trình giảng dạy cho sinh viên; tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên... [H3.03.02.06]. Trên cơ sở đó có những điều chỉnh, bổ sung nội dung các học phần cho phù hợp với nhu cầu thực tế và xu hướng phát triển của ngành.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH ngành CNTT được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Các học phần cơ sở và chuyên ngành phù hợp, bổ trợ cho nhau. Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng trong các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy - học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CĐR của ngành là chưa thực sự rõ ràng, thường xuyên và đầy đủ, chủ yếu là những góp ý chung chung về nội dung của toàn chương trình, về cấu trúc nội dung của các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa CNTT tiếp tục xây dựng quy trình cụ thể để triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, chuyên gia, cựu sinh viên về vai trò của từng học phần trong CTDH, đánh giá mức độ đóng góp của từng học phần trong việc đảm bảo CĐR của CTĐT.

Khảo sát tỷ lệ SV tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành học sau mỗi học kỳ, năm học, để xây dựng CĐR cho các học phần phù hợp hơn với CĐR của CTĐT, đáp ứng yêu cầu của ngành CNTT trong thực tế. Bên cạnh đó để đảm bảo việc giảng dạy và học tập đạt được CĐR của chương trình, Khoa CNTT cũng cần xây dựng kế hoạch thường xuyên kiểm tra giám sát quá trình giảng dạy của GV trong từng học phần, đảm bảo đúng nội dung chương trình, nội dung đề cương học phần để góp phần đạt được CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành Công nghệ thông tin, Trường Đại học Quy Nhơn được thiết kế theo quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Quy Nhơn [H3.03.03.01]. Kế hoạch giảng dạy hàng năm được xây dựng theo các công văn hướng dẫn của Nhà trường.

CTDH ngành CNTT năm 2015 có tổng số tín chỉ là 140 và CTDH ngành CNTT năm 2020 (đã được cập nhật) có tổng số tín chỉ là 135 (chưa bao gồm GDTC và GDQP-AN) [H3.03.03.02]. Cả hai chương trình được kiến trúc thành 4 khối cơ bản: khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành và cuối cùng là khối Khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế.

Cả 4 khối kiến thức này đều có sự gắn kết chặt chẽ và liền mạch. Khối kiến thức chung (kiến thức giáo dục đại cương) trang bị cho người học những kiến thức chung nhất, chung cho tất cả mọi ngành và chuyên ngành. Khối kiến thức cơ sở ngành (kiến thức chuyên ngành chung) trang bị cho người học những kiến thức nền tảng để chuẩn bị bước vào chuyên ngành. Khối kiến thức chuyên ngành trang bị cho người học những kiến thức đặc thù cho từng chuyên ngành (như công nghệ phần mềm, mạng máy tính, hệ thống thông tin, ..). Cuối cùng, khối Khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế cho phép người học hoặc là làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần để thay thế vì việc làm khóa luận chỉ dành cho một số ít người học thỏa những ràng buộc nhất định. Như vậy các khối kiến thức được sắp xếp theo chiều chuyên biệt hóa.

Ngoài thứ tự chuyên biệt hóa giữa các khối kiến thức, điều kiện tiên quyết của từng học phần cũng được thể hiện trong CTDH ngành CNTT. Hơn nữa, khối kiến thức chuyên ngành còn được tổ kiến trúc thành những môn bắt buộc và tùy chọn, cho phép người học linh hoạt hơn trong chọn môn học.

CTDH ngành CNTT theo hệ thống tín chỉ được bắt đầu từ năm 2015. Theo chủ trương của Nhà trường, định kỳ ít nhất 2 năm một lần, tất cả các học phần đều phải được rà soát, cập nhật để điều chỉnh, bổ sung các kiến thức phù hợp với sự thay đổi của công nghệ và của nhu cầu của thị trường việc làm ngành CNTT [H3.03.03.03].

Theo đó, từ năm 2015 đến nay, Khoa CNTT đã tiến hành cập nhật CTĐT và ĐCCT các học phần thường xuyên để có được chương trình năm 2020, sẵn sàng triển

khai vào năm tới [H3.03.03.04]. So với chương trình CNTT năm 2015, điểm nổi bật nhất trong chương trình CNTT năm 2020 là sự ra đời chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo, đáp ứng xu hướng phát triển của công nghệ thông tin trong thời đại Công nghiệp 4.0. Ngoài ra, thời lượng phân bổ cho khối kiến thức chuyên ngành cũng tăng lên. Ví dụ, hầu hết chuyên ngành tăng từ 23 tín chỉ thành 36 tín chỉ. Trọng số đánh giá các học phần cũng thay đổi, theo hướng tăng cường đánh giá quá trình và giảm trọng số đánh giá bài thi cuối kỳ [H3.03.03.05].

Trong quá trình điều chỉnh, Khoa cũng có tham khảo chương trình dạy học của một số trường có uy tín trong đào tạo Công nghệ thông tin và tuân theo những quy định về xây dựng, phát triển CTĐT [H3.03.03.06], [H3.03.03.07].

Ngoài ra, để có thể thay đổi nội dung chương trình phù hợp, Khoa CNTT đã tiến hành lấy ý kiến của các sinh viên năm cuối [H3.03.03.08], tổ chức hội thảo với doanh nghiệp để lắng nghe những ý kiến đóng góp từ phía người sử dụng sinh viên sau khi ra trường [H3.03.03.09].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành CNTT phản ánh rõ mục tiêu đào tạo và yêu cầu của chuẩn đào tạo đại học. Chương trình có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức. Đồng thời, CTDH cũng có tính cập nhật, đảm bảo cho sinh viên có khả năng tiếp nhận những tri thức mới và cần thiết, trên cơ sở đó sinh viên có thể đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực Công nghệ thông tin.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, đặc biệt là các đơn vị sử dụng lao động chưa được thực hiện trên quy mô lớn. Ngoài ra, việc tham khảo CTĐT của một số cơ sở đào tạo còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là những đơn vị tuyển dụng sinh viên ra trường làm việc trong lĩnh vực Công nghệ thông tin có uy tín để có thể điều chỉnh CTDH tốt hơn. Đồng thời, Khoa cũng sẽ nghiên cứu các chương trình đào tạo Công nghệ thông tin ở một số cơ sở đào tạo tiên tiến để cập nhật vào chương trình của Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành CNTT được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực, phản ánh rõ mục tiêu đào tạo và yêu cầu của chuẩn đào tạo đại học, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Chương trình có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức. Đồng thời, CTDH cũng có tính cập nhật, đảm bảo cho sinh viên có khả năng tiếp nhận những tri thức mới và cần thiết, trên cơ sở đó sinh viên có thể đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực Công nghệ thông tin.

Việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, đặc biệt là các đơn vị sử dụng lao động chưa được thực hiện trên quy mô lớn. Việc áp dụng một số công nghệ mới trong quá trình dạy học các học phần chuyên ngành còn hạn chế vì cơ sở vật chất chưa được trang bị kịp thời.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, khoa CNTT đánh giá tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí đạt, trong đó có 01 tiêu chí đạt 4/7 và 02 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp dạy và học đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa CNTT đã duy trì việc thu nhận ý kiến đóng góp từ người học, giảng viên, cựu sinh viên và các doanh nghiệp cho việc đổi mới chương trình đào tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm đạt được mục tiêu đào tạo ngành Công nghệ thông tin mà Khoa đã xác định. Khoa CNTT đã xây dựng được CTĐT ngành Công nghệ thông tin và phổ biến đến giảng viên, sinh viên nhằm đạt được CĐR, đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Đồng thời, qua các hoạt động ngoại khóa trong Trường và tại các doanh nghiệp, sự hỗ trợ của giảng viên, hướng dẫn người học hình thành ý thức học tập chủ động, khả năng tự học, tự nghiên cứu để góp phần nâng cao khả năng học tập lâu dài.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Trường ĐHQN đã ban hành văn bản công bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi trong Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn [H4.04.01.01]. Hơn nữa, triết lý giáo dục của Trường cũng đã được công bố

trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn [H4.04.01.02], với nội dung “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp”, và đã được triển khai rộng rãi đến toàn thể công chức, viên chức, sinh viên, học viên trong toàn trường. Nội dung “Toàn diện” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội; nội dung “Khai phóng” được xác định theo nghĩa hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. Nội dung “Thực nghiệp” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố rõ ràng trong chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.03]. Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN năm 2016 đã giúp cho cán bộ, giảng viên, người học và xã hội biết đến mục tiêu giáo dục của Nhà trường và qua đó khẳng định vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H4.04.01.04].

Triết lý giáo dục Trường Đại học Quy Nhơn được công khai qua các kênh như: Hội nghị, hội thảo, Website, bảng biểu ở các khu nhà trung tâm, hội trường, văn bản gửi về các đơn vị, nội dung sinh hoạt lớp,... Trong các buổi học tập quán triệt nghị quyết thường kỳ, hội nghị cán bộ công chức Nhà trường đều đặn nhắc đến triết lý giáo dục để cán bộ, giảng viên và nhân viên thực hiện. Đối với người học, triết lý giáo dục của Nhà trường cũng thường xuyên được nhắc đến trong những buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng.

Trên cơ sở triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục chung, ngành Công nghệ thông tin hướng đến việc đào tạo những cử nhân có đạo đức, tri thức, sức khỏe, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về CNTT, có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các giải pháp, có năng lực xây dựng và quản trị các hệ thống CNTT, có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, có thái độ nghề nghiệp phù hợp và có năng lực tự học để đáp ứng được các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo còn trang bị thêm cho người học nhiều kỹ năng mềm như:

Kỹ năng về giao tiếp, thuyết trình, lập kế hoạch, phân tích và tổng hợp thông tin, làm việc nhóm, quản lý điều hành và kỹ năng nghiên cứu. Bên cạnh đó, Khoa CNTT cũng phổ biến sứ mệnh – tầm nhìn của Khoa đến giảng viên và người học với nội dung: Khoa Công nghệ thông tin Trường ĐHQN là trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực miền Trung- Tây Nguyên. Khoa cũng là đơn vị quan trọng trong nghiên cứu khoa học, phát triển ứng dụng và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Và tầm nhìn đến năm 2030, Khoa Công nghệ thông tin Trường ĐHQN trở thành đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học uy tín của cả nước, có vai trò nòng cốt trong đào tạo, nghiên cứu, và chuyển giao các sản phẩm đào tạo về CNTT của Trường ĐHQN **[H4.04.01.05]** **[H4.04.01.06]**.

Mục tiêu đào tạo và CDR về các mặt kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ của người học được phổ biến rộng rãi đến sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng,... thông qua nhiều kênh khác nhau. Hằng năm Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khoá nhằm giúp cho sinh viên năm thứ nhất tiếp cận với các hoạt động dạy và học **[H4.04.01.07]**. Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức những hoạt động ngoại khóa nhằm hỗ trợ cho công tác đào tạo, chẳng hạn, các buổi gặp gỡ sinh viên đầu năm học **[H4.04.01.08]**. Ngoài ra, giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu người học dễ dàng tiếp cận triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường thông qua website chính thức của Nhà trường cũng như website Khoa CNTT **[H4.04.01.09]**.

Để đưa ra được mục tiêu phù hợp, Nhà trường và Khoa CNTT đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan **[H4.04.01.10]**. Kết quả khảo sát được tiếp thu và làm cơ sở cho việc rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản tuyên bố mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục và phổ biến đến các bên liên quan qua nhiều kênh khác nhau.

Mục tiêu, CDR chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin đã được công bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi tới người học, giảng viên, cộng đồng và xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên cho mục tiêu giáo dục còn hạn chế về mức độ thường xuyên và số lượng doanh nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Để khắc phục những điểm tồn tại như đã nêu ở trên, từ năm học 2020 - 2021, Khoa CNTT sẽ tăng cường việc quảng bá thông tin, tổ chức bài bản việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các doanh nghiệp, giảng viên và cựu sinh viên cho mục tiêu giáo dục, chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin của Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Từ năm học 2009-2010, Trường ĐHQN thực hiện chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03]. Do vậy, Khoa CNTT có nhiều điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với học chế mới và nhu cầu thực tại của xã hội [H4.04.02.04].

Giảng viên của Khoa đã chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, chẳng hạn sử dụng thuyết trình kết hợp với vấn đáp gợi mở, thảo luận và làm việc nhóm. Trong quá trình giảng dạy, tùy theo từng bối cảnh cụ thể người dạy đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên [H4.04.02.05].

Ngoài ra, Nhà trường cũng trang bị website, cổng thông tin đào tạo để cung cấp nhiều dịch vụ thuận tiện cho người học như đăng kí tín chỉ, xem điểm, nộp học phí, xem thông báo, tin tức... [H4.04.02.06].

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, hàng năm Trường ĐHQN tạo điều kiện để các giảng viên tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức [H4.04.02.07]. Để đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, Nhà trường tiến hành song song nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên theo định kỳ hàng tháng, đồng thời thực hiện lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học trong từng học kỳ cũng như cả năm học thông qua website đào tạo tín chỉ [H4.04.02.08].

Trên cơ sở kế hoạch chung của Nhà trường, hàng năm Khoa CNTT khuyến khích sinh viên có năng lực và đam mê tham gia các đề tài NCKH sinh viên [H4.04.02.09]. Một số đề tài NCKH sinh viên của Khoa có chất lượng chuyên môn tốt đã được chọn tham gia nghiệm thu đề tài NCKH sinh viên cấp cao hơn và đạt được thành tích đáng khích lệ [H4.04.02.10]. Ngoài ra, để truyền thêm cảm hứng học tập cho sinh viên, Khoa

CNTT thường tổ chức cho sinh viên tham gia các cuộc thi do Khoa và các doanh nghiệp tổ chức [H4.04.02.11].

Nhằm giúp sinh viên có cơ hội tiếp xúc, làm quen với kỹ năng và nghiệp vụ sau khi tốt nghiệp, CTĐT của ngành có cấu trúc phù hợp giữa các học phần chung, học phần khoa học và học phần nghiệp vụ [H4.04.02.05]. Sinh viên được tham gia các học phần thực tập nhận thức và thực tập tốt nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp có hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Cuối mỗi đợt thực tập, thông tin tổng hợp được thu thập nhằm giúp cho Nhà trường có những đánh giá sơ bộ về khả năng đáp ứng yêu cầu công tác thực tiễn của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H4.04.02.12]. Đồng thời, Khoa cũng đã phối hợp với phòng ban có liên quan khảo sát ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên, tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và các doanh nghiệp để Khoa có thêm cơ sở đánh giá về chất lượng đào tạo của ngành Công nghệ thông tin [H4.04.02.13].

Tất cả những cố gắng trên nhằm giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập nhằm đạt được CĐR của CTĐT và đáp ứng được nhu cầu xã hội.

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên của Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức cũng như kỹ năng kinh nghiệm nhằm tạo điều kiện tốt nhất giúp sinh viên lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như nghề nghiệp. Khoa CNTT đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nhằm đáp ứng CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, cơ sở vật chất trang thiết bị vẫn còn chưa đáp ứng kịp với nhu cầu hiện đại hóa phương pháp giảng dạy, chất lượng đầu vào không đồng đều, sự thay đổi nhanh chóng của ngành CNTT tạo nên những rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa chú trọng công tác hoàn thiện, cải tiến CTĐT theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn; kiến nghị Nhà trường hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ dạy học cũng như đẩy mạnh công tác tuyển sinh nhằm cải tiến chất

lượng sinh viên đầu vào; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ; tăng cường hợp tác hơn nữa với các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả

Các hoạt động từ dạy và học lý thuyết đến thực hành, hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hành làm việc nhóm, thảo luận, đi thực tế và thực tập ở các công ty làm về Công nghệ thông tin đều nhằm mục tiêu là hình thành khả năng nhận biết, phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề trong thực tiễn. Từ đó, nó hình thành cho người học tư duy phản biện, khả năng lập kế hoạch một vấn đề nào đó. Do vậy, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và đề cương chi tiết của các học phần đều có những thay đổi để phù hợp [H4.04.03.01].

Chương trình đào tạo bổ sung thêm học phần Kỹ năng giao tiếp và học phần Khởi nghiệp. Trong đề cương chi tiết các học phần, tỷ lệ đánh giá cho phần thực hành được nâng lên đối với những môn đòi hỏi kỹ năng thực hành.

Để tăng cường việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu cũng như kỹ năng mềm cho người học, hoạt động thực tế và thực tập tại các công ty sẽ giúp người học có cơ hội trải nghiệm [H4.04.03.02]. Khi được thực tập tại những công ty này, đặc biệt là những công ty phát triển phần mềm, người học sẽ được tham gia vào các dự án thực tế. Qua đó, người học thu nhận được những kỹ năng cứng và cả những kỹ năng mềm. Ngoài ra, hoạt động nghiên cứu khoa học cũng giúp người học rèn luyện vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, được thể hiện thông qua các thành tích nghiên cứu khoa học [H4.04.03.03].

Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các hoạt động chuyên môn như nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia vào các cuộc thi do các doanh nghiệp tổ chức để thử thách bản thân với những kiến thức và kỹ năng quan trọng, hay vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề cụ thể mà doanh nghiệp đưa ra [H4.04.03.04].

Về phía người dạy, giảng viên luôn tích cực tìm tòi học hỏi trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau để nâng cao chất lượng bài giảng của mình, sử dụng thành thạo và hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.05].

Ngoài ra, để thực hiện được các mục tiêu này, người học có thể sử dụng công nghệ thông tin học tập trực tuyến để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu online, chẳng hạn người học có thể sử dụng trang tin chỉ của Nhà trường để tự đăng ký các học phần vào đầu học kỳ, xem kết quả học tập, download tài liệu học tập, giáo trình, ... trực tiếp từ website của Khoa Công nghệ thông tin và website của Trường Đại học Quy Nhơn **[H4.04.03.06]**.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học thông qua các môn học bắt buộc trong chương trình cũng như các hoạt động ngoại khóa.

3. Điểm tồn tại

Khả năng tiếp cận một vấn đề mới và khả năng phản biện một vấn đề tương đối khó của người học chưa thực sự cao. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất chưa tạo được sự linh động cho việc áp dụng các bài tập nhóm.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, Khoa sẽ tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa ĐCCT theo định kỳ hàng năm và bổ sung thêm các tiêu chí “Khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tự duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập một số học phần phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhà trường có văn bản tuyên bố mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục và phổ biến đến các bên liên quan qua nhiều kênh khác nhau. Mục tiêu, CDR chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin đã được công bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi.

Hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên của Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức cũng như kỹ năng kinh nghiệm nhằm tạo điều kiện tốt nhất giúp sinh viên lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như nghề nghiệp, tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Tuy nhiên, việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên cho mục tiêu giáo dục còn hạn chế về mức độ thường xuyên và số lượng doanh nghiệp. Cơ sở vật chất trang thiết bị vẫn còn chưa đáp ứng kịp với nhu cầu hiện đại hóa

phương pháp giảng dạy, chất lượng đầu vào không đồng đều, sự thay đổi nhanh chóng của ngành CNTT tạo nên những rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, khoa CNTT đánh giá tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí, trong đó có 01 tiêu chí đạt 4/7 và 02 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những hoạt động quan trọng nhất, nhằm xác định mức độ kiến thức của người học đạt được so với chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần và chương trình đào tạo (CTĐT), có ảnh hưởng lớn đến việc học tập và kế hoạch học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập, quy trình khiếu nại được xây dựng rõ ràng. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ tin cậy và sự khách quan.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học cần được thiết kế theo hướng gắn liền với CĐR và đo lường mức độ đạt được CĐR của người học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà trường. Việc đánh giá sinh viên (SV) được thực hiện xuyên suốt quá trình học tập qua từng học phần và đánh giá SV tốt nghiệp đầu ra. Tùy giai đoạn đánh giá (quá trình, đầu ra), Nhà trường xây dựng các quy trình đánh giá người học nhằm đạt CĐR của CTĐT.

Tuyển sinh đầu vào: mỗi kỳ tuyển sinh hàng năm Nhà trường đều xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó xác định phương thức tuyển sinh [H5.05.01.01]. Các phương thức tuyển sinh theo đề án tuyển sinh hàng năm được công bố rộng rãi, công khai qua các kênh như: trang thông tin điện tử của Trường, chương trình tư vấn hướng nghiệp [H5.05.01.02].

Đánh giá quá trình và đầu ra (tốt nghiệp): Nhà trường đã ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.03], Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ

[H5.05.01.04], Quy định tổ chức và quản lý thực tập **[H5.05.01.05]**, Quy định về việc giao đề án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên đại học hệ chính quy **[H5.05.01.06]**.

Tương ứng với mỗi giai đoạn đánh giá (quá trình, đầu ra), các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế để có thể đo lường mức độ đạt được CĐR:

(i) Đánh giá quá trình: Để có thể đánh giá chính xác quá trình học tập của SV, cần phải kết hợp nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT ngành Công nghệ thông tin (CNTT) được chia thành ba loại chính: đánh giá chuyên cần, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Phương pháp kiểm tra, đánh giá được quy định trong đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần **[H5.05.01.07]**. Hình thức đánh giá tùy theo tính đặc thù của từng học phần (tự luận, thực hành, vấn đáp, tiểu luận,...) nhằm đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học **[H5.05.01.08]**.

(ii) Đánh giá đầu ra: Việc đánh giá đầu ra khóa học của SV được thực hiện thông qua các học phần Thực tập tốt nghiệp và Chuyên đề hoặc Khóa luận tốt nghiệp, đồng thời căn cứ trên tổng số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy của SV trong toàn khóa học và các điều kiện CĐR về Ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường đối với từng khóa học **[H5.05.01.09]**.

Thực tập tốt nghiệp được tiến hành theo hình thức thực tập toàn thời gian tại doanh nghiệp trong thời gian 12 tuần **[H5.05.01.10]**. Cuối kỳ thực tập, SV báo cáo thực tập tốt nghiệp có sự xác nhận, đánh giá của cơ sở thực tập và giảng viên (GV) trực tiếp hướng dẫn **[H5.05.01.11]**.

Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) dành cho các SV đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nhà trường, các trường hợp còn lại sẽ học các Chuyên đề tốt nghiệp **[H5.05.01.12]**. Đối với KLTN, SV được đánh giá bởi Hội đồng do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập **[H5.05.01.13]**. Việc đánh giá KLTN dựa trên các tiêu chí: hình thức & bố cục, phương pháp nghiên cứu, nội dung & ý nghĩa khoa học, trình bày báo cáo trước Hội đồng **[H5.05.01.14]**.

Kết quả của toàn khóa học, SV phải tích lũy đủ các học phần quy định của CTĐT, có điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên trên thang điểm 4, có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất và có các chứng chỉ đạt CĐR của Nhà trường **[H5.05.01.15]**. Để xác nhận SV đạt CĐR và đủ điều kiện tốt nghiệp, Nhà trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp để đánh giá SV **[H5.05.01.16]**.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để có thể đo lường được mức độ đạt được CĐR về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ [H5.05.01.17]. Về kiến thức, các yêu cầu về kiến thức trong các đề thi kiểm tra đánh giá bám sát ĐCCT học phần nhằm đáp ứng được CĐR của từng học phần. Về kỹ năng, với các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng (bài kiểm tra trên lớp, thi tự luận, thi thực hành, thi vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài báo cáo thực tập, ...) rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho SV (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng làm việc nhóm...). Về thái độ, việc điểm danh thường xuyên sẽ đánh giá thái độ lên lớp của SV. Bên cạnh đó, việc đánh giá điểm rèn luyện định kỳ cũng được thực hiện để đánh giá ý thức, thái độ của SV về học tập, chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường, tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, các hoạt động cộng đồng [H5.05.01.18].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học từ khâu tuyển sinh đầu vào đến quá trình đào tạo và đầu ra được thiết kế phù hợp, bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần để có hướng điều chỉnh thích hợp. CĐR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ cập nhật lại CTĐT và điều chỉnh cách đánh giá người học về thái độ thông qua các hoạt động giảng dạy trên lớp; triển khai đánh giá chất lượng của các đề thi kết thúc học phần; tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được Khoa thực hiện theo đúng Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], Quy định đào tạo đại học, cao

đăng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.03], Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.02.04], Quy định về việc giao KLTN cho SV cuối khóa hệ chính quy [H5.05.02.05], [H5.05.02.06], [H5.05.02.07]. Các quy định này và bản mô tả CTĐT [H5.05.02.08], đề cương chi tiết các học phần [H5.05.02.09] được thông báo công khai cho người học trên website của Nhà trường, Khoa và Sổ tay SV [H5.05.02.10], [H5.05.02.11], [H5.05.02.12]. Phương thức kiểm tra đánh giá học phần được quy định rõ ràng trong đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành CNTT. Điểm đánh giá học phần bao gồm 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 20% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 70% [H5.05.02.03], [H5.05.02.13] và đã cập nhật trọng số đánh giá cho chương trình đào tạo năm 2020. Cách thức đánh giá điểm chuyên cần, điểm đánh giá quá trình học tập được công bố trên lớp cho người học khi bắt đầu học phần. GV thông báo công khai điểm đánh giá quá trình cho người học trên lớp trước khi kết thúc thời gian học.

Nhà trường, Khoa có quy định rõ ràng về cách đánh giá KLTN, thiết kế KLTN đại học ngành CNTT trong đó quy định rõ về số lượng thành viên hội đồng đánh giá, trách nhiệm của SV và GV hướng dẫn SV thực hiện KLTN, cách trình bày nội dung KLTN, quy trình chấm KLTN, phiếu chấm KLTN, phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện. Cách tính điểm của học phần KLTN cụ thể như sau: Điểm đánh giá KLTN là điểm trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng chấm KLTN, điểm của GV hướng dẫn và điểm của GV phản biện [H5.05.02.02], [H5.05.02.14].

Thời gian kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần được thể hiện rõ trong kế hoạch đào tạo [H5.05.02.15], [H5.05.02.16] và được Nhà trường phê duyệt hàng năm sau đó được công bố cho SV ngay từ đầu năm học. Cuối học kỳ Phòng KT&ĐBCL lập kế hoạch tổ chức thi, phân phòng thi và thông báo cho SV thông qua tài khoản cá nhân ít nhất là 02 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu [H5.05.02.17]. Mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức thi tập trung một lần, SV có lý do chính đáng như: ốm đau, bệnh tật, tai nạn được làm đơn đề nghị Nhà trường bố trí thi lại ở học kỳ phụ hoặc ở kỳ thi gần nhất nhằm đảm bảo tiến độ học tập [H5.05.02.18].

Trợ lý khoa nhập điểm chuyên cần và giữa kỳ (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và điểm thi kết thúc học phần (7 ngày sau khi thi kết thúc học phần) và công bố công khai cho người học [H5.05.02.19]. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình [H5.05.02.20].

Với mục tiêu ĐBCL, Nhà trường đã ban hành Quy định CDR ngoại ngữ, tin học đối với SV đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ SV được biết [H5.05.02.21].

SV của Nhà trường khi được công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy phải đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, CDR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông riêng đối với sinh viên ngành CNTT không yêu cầu chuẩn về Tin học.

Thông qua kết quả khảo sát YKPH của người học về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Nhà trường, Khoa cho thấy hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần đã được GV thông báo và giải thích rõ ràng trước khi học; đa số người học đánh giá số lượng bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời gian, thời lượng kiểm tra và các tiêu chí đánh giá của Nhà trường, Khoa đều đáp ứng yêu cầu [H5.05.02.22].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành CNTT được thông báo công khai với người học ngay từ khi nhập học và khi bắt đầu mỗi môn học. Bộ phận trợ lý đào tạo của Khoa, các CVHT, GV thực hiện tốt công việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập của người học.

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường, Khoa đều thực hiện khảo sát ý kiến của người học về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập và được người học đánh giá tốt.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương môn học, được GV phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên trang web của Nhà trường, tuy nhiên do hosting không ổn định khiến tốc độ truy cập web bị giảm, dẫn đến lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế. Bên cạnh đó, hình thức đánh giá chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ tăng cường sử dụng website đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho người học chủ động truy cập phục vụ học tập và nghiên cứu. Nhà trường, Khoa và các bộ môn tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo công khai cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt, Mức 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập được xác định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ [H5.05.03.01], Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.03.02], Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.03.03], Quy định về việc giao KLTN, KLTN cho SV cuối khóa hệ chính quy [H5.05.03.04]. Hình thức đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng, đáp ứng mục tiêu môn học, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm thi viết (tự luận, trắc nghiệm), vấn đáp (thực hành), làm bài tập lớn, đồ án hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Đề thi tự luận hay trắc nghiệm đều phải đảm bảo kiểm tra được kiến thức, kỹ năng cơ bản của học phần, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Khảo thí và ĐBCL xây dựng kế hoạch thi, Khoa quản lý học phần tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi. Mỗi bài thi đều do hai CB chấm thi độc lập, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh, bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai GV chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa để đảm bảo sự khách quan, công bằng trong công tác chấm bài [H5.05.03.01].

Trợ lý khoa quản lý học phần ráp phách và lên bảng điểm học phần cho các học phần thi viết. Các bài thi vấn đáp, đồ án, thực hành được chấm bởi hai GV. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình [H5.05.03.05].

Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần [H5.05.03.06]. Hàng năm, Nhà trường, Khoa đều có những hướng dẫn chi tiết về việc thiết kế, đánh giá câu hỏi và đề thi cho các học phần. Tất cả các học phần trong CTĐT đều xác định rõ ràng hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các học phần trong CTĐT trình độ đại học được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 20% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 70%, đã được cập trọng số đánh giá trong chương trình đào tạo ngành CNTT cập nhật năm 2020. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được GV sử dụng rất đa dạng: Điểm danh, tham gia hỏi đáp trong các buổi học đối với đánh giá chuyên cần; bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa

kì; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, đồ án đối với đánh giá cuối kì nhằm đạt được CDR của học phần và hướng đến tính khách quan, công bằng.

Với KLTN, Khoa thực hiện theo Quy định về việc giao KLTN cho SV cuối khóa hệ chính quy, quy trình chấm KLTN, phiếu chấm KLTN, phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện [H5.05.03.04], [H5.05.03.7]. Việc chấm KLTN có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, phương pháp sử dụng, kết quả thực tiễn, kỹ năng báo cáo, trả lời câu hỏi của SV,... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá KLTN. Cách tính điểm của học phần KLTN cụ thể như sau: Điểm đánh giá KLTN là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm KLTN, điểm của GV hướng dẫn và điểm của GV phản biện [H5.05.03.02].

Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị bàn về công tác thi và đánh giá kết quả học tập của SV theo hệ thống tín chỉ [H5.05.03.08], tổng hợp ý kiến phản hồi về CTĐT và hoạt động giảng dạy của SV [H5.05.03.09], [H5.05.03.10], qua đó xác định phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng: kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình.... Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Đa số YKPH của người học hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV.

3. Điểm tồn tại

Hình thức thi trắc nghiệm chỉ mới được triển khai ở một số học phần, do hình thức thi trắc nghiệm vẫn còn một số hạn chế như: SV không chú trọng nhiều vào việc trình bày mà chỉ tập trung vào kết quả; khó đánh giá được năng lực thực sự của SV vì sẽ có thành tố may rủi, điều này sẽ không công bằng cho các thí sinh khác. Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường sẽ ban hành các quy định mới về việc tổ chức thi kết thúc học phần, quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng trong đánh giá kết quả người học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Kết quả học tập của người học được tổng hợp và đưa vào báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Khoa [H5.05.04.01]. Trong đó có thống kê tỷ lệ SV khá giỏi các khóa, tỷ lệ SV tốt nghiệp của từng ngành, khóa và kết quả xét lên lớp hàng năm nhằm xem xét sự thay đổi thành tích học tập của SV sau các năm học [H5.05.04.02]. SV khi nhập học được Nhà trường cung cấp một cuốn “Sổ tay SV”, trong đó thông tin đầy đủ về quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ bao gồm những quy định chung, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp, nơi làm việc sau khi ra trường [H5.05.04.03].

Quy định về việc giao đề tài đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho SV thuộc đại học, cao đẳng hệ chính quy được Nhà trường ra Quyết định ban hành [H5.05.04.04]. Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, kết quả đánh giá được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến GV và người học để thực hiện và kiểm tra giám sát được thực hiện theo quy định của Quyết định số 03/QĐ-ĐHQN, ngày 03/01/2012 và bổ sung sửa đổi năm 2018 [H5.05.04.05].

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời, công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên trang web của Trường qua tài khoản của người học để người học có thể phản hồi và cải thiện việc học tập. Đồng thời, sau khi có KQHT mỗi học kỳ của người học, Ban chủ nhiệm Khoa triển khai đến các CVHT tiến hành tổ chức họp lớp để khuyến khích, động viên SV có KQHT tốt, đối với những SV bị thôi học và trong trường hợp vị cảnh báo, CVHT đều liên lạc trực tiếp đến phụ huynh để phối hợp với Nhà trường nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt; giải đáp những thắc mắc của người học trong học tập; tư vấn cho người học phương pháp học có hiệu quả.

Thực hiện văn bản hợp nhất số 17/VBHN- BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT Quyết định ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ nhằm giúp SV có KQHT kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H5.05.04.06]. Kết quả học tập của người học được

lưu giữ đầy đủ theo đúng quy định. Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của Bộ GD&ĐT.

Kết thúc mỗi khoá học người học được nhận bằng tốt nghiệp và ký nhận tại Sổ cấp bằng có dán ảnh và các thông tin liên quan. Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo giúp trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Kết quả học tập của người học được trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, được sao lưu định kỳ vào hệ thống và hệ thống máy chủ [H5.05.04.07]. Sau mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra - Pháp chế đều kiểm tra khâu lên điểm, ráp phách và nhập điểm vào phần mềm và làm biên bản có xác nhận của Khoa và Phòng Thanh tra - Pháp chế [H5.05.04.08]. Trong quá trình học, người học có quyền đề nghị Khoa, Nhà trường cấp bằng điểm tạm thời của một hoặc nhiều kỳ đã học. Bảng điểm này ghi KQHT (đạt hoặc không đạt) cho tất cả các môn học mà người học đã học trong các kỳ.

Ngoài ra, Nhà trường còn có các quy trình hướng dẫn SV về thủ tục xin nghỉ học tạm thời, trở lại học tập, chuyển trường, thôi học của SV hệ chính quy [H5.05.04.09]. Hàng năm, Nhà trường triển khai lấy YKPH của SV đại học và cao đẳng hệ chính quy về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối mỗi học kỳ theo “Quy định về việc lấy YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV Trường ĐHQN”. Nhằm tạo điều kiện cho tất cả SV được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV ở tất cả các học phần, từ năm học 2013 -2014 đến nay, Nhà trường tổ chức khảo sát YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV bằng hình thức trực tuyến trên website [H5.05.04.10]. Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng KT&ĐBCL tổng hợp dữ liệu, xử lý và báo cáo kết quả phản hồi của người học cho lãnh đạo Nhà trường và các khoa nắm bắt tình hình giảng dạy của GV, giúp GV có những điều chỉnh, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học [H5.05.04.11]. Vào học kỳ 2 hàng năm, Phòng KT&ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng ngành đào tạo với nội dung phiếu khảo sát thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh phù hợp với tình hình hiện tại [H5.05.04.12]. Ngoài ra thông qua các ý kiến đóng góp của SV năm cuối hàng năm, Khoa kịp thời có những biện pháp khắc phục những điểm còn tồn tại và cải tiến.

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Sau mỗi kỳ thi Khoa đều triển khai cho cố vấn học tập tổ chức

họp lớp để khuyến khích, động viên SV có KQHT tốt, giải đáp thắc mắc của SV và tư vấn cho SV phương pháp học có hiệu quả.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù điểm giữa kì được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải thiện kết quả học tập. Tuy nhiên, việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm, do có một số học phần của thỉnh giảng. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp bị tắt nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề xuất với Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kì để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn. Nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả

Nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học, trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo các quy định, quy trình khiếu nại [H5.05.05.01]. Đối với điểm quá trình, người học khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm trên phần mềm không chính xác thì người học làm đơn gửi Văn phòng khoa đề nghị xem xét lại [H5.05.05.02]. Văn phòng Khoa phối hợp với GV phụ trách học phần để giải quyết cho SV theo quy định. Bài thi sau khi chấm phúc khảo được ghi vào biên bản, có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi và ý kiến của Trưởng khoa. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho SV và cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu nếu có sai sót [H5.05.05.03]. Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học

theo kênh thông tin trên trang web của Trường qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập [H5.05.05.04]. Đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, người học đều nhận được bảng điểm để đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót. Ngoài ra, để tiếp nhận những khiếu nại về kết quả học tập của người học thì nhà trường đã có hòm thư để người học có thể gửi trực tiếp những ý kiến của người học vào đó. Số lượng sinh viên phúc khảo bài thi qua từng kỳ được thống kê cụ thể.

2. Điểm mạnh

Khoa đã giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường. SV được cấp 01 tài khoản truy cập cổng thông tin đào tạo riêng và có thể xem điểm một cách nhanh chóng. Cuối mỗi học kỳ, SV được cấp bảng điểm để kiểm tra, đối chiếu KQHT và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót.

3. Điểm tồn tại

Người học chưa thực sự được tiếp cận với quy trình khiếu nại và việc công bố điểm cuối kỳ cho người học đôi khi còn chậm do một số học phần của thỉnh giảng; do đó, điều này ảnh hưởng đến việc phúc tra điểm của người học. Việc công bố kết quả học tập sau mỗi kỳ thi còn chậm, quy trình thủ tục khiếu nại chưa phân định rõ ràng giữa đơn vị Phòng ban và Khoa trong việc tiếp nhận đơn của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường sẽ ban hành cụ thể quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trong sổ tay người học nhằm giúp người học tiếp cận dễ dàng hơn quy trình này. Đồng thời, Khoa cũng tiến hành tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và công bố công khai quy trình này trên website của Khoa để người học nắm bắt rõ.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập người học theo CTĐT ngành CNTT được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, phù hợp với CDR được ban hành và được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên việc tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của người học chưa được thuận lợi.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành CNTT đã đạt yêu cầu 5/5, trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 04 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.

Mở đầu

Trường Đại học Quy Nhơn với 43 năm hình thành và phát triển, Trường luôn đặt mục tiêu sẽ trở thành một trong các trường thuộc top trên các trường đại học trong nước và sánh ngang với các trường uy tín trong khu vực và quốc tế, để mục tiêu này được hoàn thành thì một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định việc thực hiện thành công mục tiêu này chính là đội ngũ giảng viên và kế hoạch xây dựng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và cán bộ quản lý ở các khoa, các viện đạt chuẩn chất lượng tương đương với các đại học hàng đầu trong nước và trên thế giới.

Ban lãnh đạo cùng với đội ngũ giảng viên, nhân viên của Trường đồng lòng, đoàn kết và quyết tâm thực hiện sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Qua các thời kỳ phát triển, Nhà trường luôn ý thức và có kế hoạch phát triển lực lượng giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH để có thể thực hiện thành công sứ mệnh của Trường đối với Xã hội. Chính vì vậy, Nhà trường luôn xác định rõ công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên ở các khoa là một nhiệm vụ cốt lõi và phải được thực hiện một cách liên tục bài bản theo kế hoạch đã đề ra.

Khoa CNTT Với đội ngũ giảng viên có độ tuổi trung bình thấp và đã được đào tạo chuyên môn từ các trường đại học uy tín trong và ngoài nước đảm bảo về chuyên môn, năng lực NCKH, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực quản lý cùng với lòng tận tụy yêu nghề. Khoa cũng có những giảng viên có thành tích NCKH đã đảm nhận các đề tài nghiên cứu các cấp, cùng với doanh nghiệp triển khai nghiên cứu và chuyển giao công nghệ được các đơn vị đánh giá cao. Đặc biệt, với đặc thù của ngành CNTT đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện CTĐT ngành CNTT của Khoa phải luôn trao dồi, nâng cao trình độ chuyên môn, vận dụng kiến thức chuyên môn cho các dự án thực tế, tự trang bị ngoại ngữ để đáp ứng mọi yêu cầu trong quá trình thực hiện CTĐT và nhiệm vụ NCKH. Để xây dựng được đội ngũ giảng viên có chất lượng Khoa CNTT đã thực hiện việc quy hoạch, tuyển dụng giảng viên luôn đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khoa căn cứ trên trình độ chuyên môn, thành tích NCKH, kinh nghiệm giảng dạy và kỹ năng của giảng viên để thực hiện phân công trách nhiệm đào tạo, trách nhiệm quản lý rõ ràng, phù hợp đối với từng giảng viên; đồng thời Khoa thực hiện một cách công khai, đúng quy định, quy trình việc tuyển dụng và đề bạt cán bộ để tạo được sự đồng thuận, nhất trí cao. Bên cạnh đó, Khoa thực hiện quản lý, đánh giá theo kết quả công việc và ghi nhận kịp thời thành tích của giảng viên. Điều này đã giúp các giảng viên của Khoa có động lực lớn để phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng được giao.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trong các cơ sở giáo dục đại học việc đảm bảo đội ngũ giảng viên (GV) và nghiên cứu viên (NCV) luôn được đặt lên hàng đầu của những yếu tố dẫn đến hiệu quả của chương trình đào tạo, với tầm quan trọng như vậy khoa CNTT xem việc quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa là nhiệm vụ quan trọng và cần phải làm thường xuyên để có thể luôn đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng. Chính vì vậy, Khoa thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng giảng viên, đánh giá nhu cầu công việc giảng dạy nghiên cứu khoa học trong Khoa để bổ sung, thay thế cho các giảng viên đã nghỉ hưu, sắp nghỉ hưu hoặc chuyển công tác và dựa trên chiến lược phát triển Nhà trường và Khoa để bổ sung kịp thời đội ngũ giảng viên và NCV [H6.06.01.01]. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá và thực trạng của đội ngũ giảng viên trong Khoa, Khoa tiến hành đề xuất với Nhà trường có kế hoạch tuyển đủ về số lượng và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng giảng viên để đáp ứng được yêu cầu của CTĐT và vận hành CTĐT đạt được hiệu quả, đảm bảo các tiêu chuẩn đánh giá. Hiện tại đội ngũ giảng viên của Khoa không chỉ xây dựng đáp ứng được về số lượng và có cơ cấu chuyên môn phù hợp giữa các tổ bộ môn, mà còn có trình độ chuyên môn cao, năng lực NCKH và nghiệp vụ sư phạm vững vàng, kinh nghiệm và các kỹ năng thực tế tốt nhằm đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong việc thực hiện CTĐT của Khoa, Trường.

Trong thời đại công nghiệp 4.0 ngành CNTT là một trong những ngành có đóng góp lớn cho sự phát triển của thời đại và tại Trường ĐHQN hằng năm cũng đào tạo cho xã hội một lượng lớn nguồn nhân lực về CNTT góp phần giải quyết nhu cầu nhân lực cho khu vực và cả nước. Nhu cầu đào tạo của Trường ĐHQN được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn từ 2016 đến 2020, tầm nhìn đến năm

2030 [H6.06.01.01] và trong tuyên bố về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường [H6.06.01.02], việc đào tạo và phát triển nguồn lực CNTT chất lượng cao là nhiệm vụ hàng đầu, theo hướng đáp ứng nguyện vọng của người học và nhu cầu xã hội trong thời kỳ công nghiệp 4.0. Trong chủ trương của Nhà trường và của Khoa, hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện rõ ở công tác giảng dạy, đào tạo và hoạt động NCKH [H6.06.01.01].

Khoa CNTT từng bước chủ động trong công việc quy hoạch đội ngũ giảng viên nhằm đáp ứng cho nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc thực hiện quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa theo quy trình chặt chẽ và phù hợp với quy định chung của Nhà trường [H6.06.01.03] và theo nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên [H6.06.01.04].

Đội ngũ viên chức hiện nay của Khoa gồm 25 người (nam: 13; nữ: 12), đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình đào tạo CNTT 27 giảng viên được chia làm 03 tổ bộ môn (tổ Mạng và Khoa học máy tính, tổ Công nghệ phần mềm, tổ Hệ thống thông tin) và 01 chuyên viên [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Hiện cán bộ cơ hữu của Khoa có độ tuổi bình quân là 36,5 [H6.06.01.06]. Số cán bộ giảng viên có học hàm PGS, TSKH: 0 (chiếm 0%), số cán bộ đạt trình độ TS: 09 (chiếm 32%), số cán bộ đang làm NCS trong và ngoài nước là 04 (chiếm 14%). Phân hạng giảng viên, bao gồm giảng viên cao cấp: 0, giảng viên chính: 13, giảng viên: 14, chuyên viên: 01 [H6.06.01.06].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Lãnh đạo Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển đội ngũ cán bộ trong 5 năm. Đây là căn cứ để Lãnh đạo Khoa xây dựng lộ trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên các quy chế, quy hoạch của Nhà trường; đề án việc làm của Khoa; khối lượng công việc đang thực hiện của giảng viên và lực lượng cán bộ của Khoa [H6.06.01.07], [H6.06.01.08], [H6.06.01.09].

Đội ngũ giảng viên của Khoa không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn mà còn tích cực trong công tác NCKH, nỗ lực nâng cao kiến thức chuyên môn thông qua việc dự các hội nghị, hội thảo, seminar trong và ngoài nước [H6.06.01.10]. Hằng năm giảng viên của Khoa có nhiều bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành uy tín hàng đầu thế giới (SCI, SCIE) [H6.06.01.10]. Hơn thế nữa, một số giảng viên của Khoa được các doanh nghiệp mời hợp tác trong công tác nghiên cứu và triển khai các dự án nghiên cứu [H6.06.01.11]. Khoa có đội ngũ giảng viên trẻ được đào tạo sau đại học ở nước ngoài, có trình độ tiếng Anh tốt nên đủ khả năng để giảng dạy tiếng Anh ở các học phần chuyên ngành. Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ

chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên luôn được Khoa rất quan tâm và có hình thức hỗ trợ phù hợp. Các giảng viên của Khoa được tạo mọi điều kiện thuận lợi để đi học tập, nghiên cứu sau đại học và tham gia các khóa học bồi dưỡng tại Trường **[H6.06.01.12]**, **[H6.06.01.13]**, **[H6.06.01.14]**.

Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho các giảng viên trẻ luôn được Khoa CNTT quan tâm hỗ trợ và nhiệm vụ này do các tổ bộ môn đảm nhận. Mỗi giảng viên trẻ trước khi đứng lớp đều được tổ bộ môn phân công một giảng viên có kinh nghiệm lâu năm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn **[H6.06.01.15]** nên chuyên môn và nghiệp vụ của các giảng viên trẻ được đảm bảo chắc chắn.

Ngoài ra, trong thực hiện CTĐT cho các hệ Đại học và Sau Đại học, Khoa còn có sự hợp tác rộng rãi với nhiều giảng viên thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên có uy tín đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu hàng đầu trong nước và ngoài nước **[H6.06.01.16]**.

Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, đúng quy trình, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. Nhà trường có ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN **[H6.06.01.03]**. Quy định này được thực hiện thống nhất trong Nhà trường. Trưởng bộ môn được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ dựa trên các tiêu chí về trình độ, năng lực và thành tích NCKH của cán bộ giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như năng lực NCKH **[H6.06.01.03]**.

Khoa luôn kịp thời đề nghị Nhà trường ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch theo quy định đối với trường hợp giảng viên hết thời gian tập sự **[H6.06.01.17]**; hay đề nghị Nhà trường cử đi thi nâng ngạch nếu giảng viên của Khoa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước **[H6.06.01.18]**.

Nhà trường thực hiện hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hằng năm. Căn cứ trên kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa tiến hành kiểm tra, họp tổng kết, đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên trong Khoa nhằm chấn chỉnh những mặt còn tồn tại đồng thời cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo. Theo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đội ngũ giảng viên của Khoa đã đáp ứng tốt với nhu cầu đào tạo **[H6.06.01.19]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã luôn quan tâm việc phát triển đội ngũ giảng viên nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có tính kế thừa, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng

dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Nhờ có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định, Khoa CNTT đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết lớn và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Giảng viên của Khoa đã thực hiện được các đề tài nghiên cứu các cấp với những kết quả đánh giá tốt.

Ngoài tham gia giảng dạy tại Trường, một số giảng viên còn tham gia hợp tác nghiên cứu, triển khai kết quả nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các doanh nghiệp làm về IT.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Hiện nay, số lượng cán bộ giảng viên trong Khoa vẫn còn ít, đa phần tập trung giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy hằng năm nên thời gian giành cho nghiên cứu hạn chế, việc kết hợp với doanh nghiệp để giảng viên tham gia các dự án chưa nhiều và chưa điều trên các giảng viên nên những học phần cần nhiều thực tế vẫn gặp nhiều lúng túng trong đào tạo. Nhiều giảng viên còn đang thời gian học sau đại học trong và ngoài nước nên chưa tập trung nhiều vào công tác giảng dạy và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút, giữ chân những giảng viên, nhà khoa học được đào tạo chính quy tại các trường đại học lớn, uy tín ở nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020- 2021, Khoa CNTT sẽ định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa. Lãnh đạo Khoa tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đội ngũ giảng viên trẻ kế cận của Khoa được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đảm bảo về năng lực và trình độ trong nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, Khoa kiến nghị với Nhà trường trong việc đề ra các chính sách ưu đãi thiết thực để thu hút những giảng viên, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Thực hiện ba công khai theo quy định của Bộ GD & ĐT với toàn xã hội hằng năm, Trường ĐHQN đã thường xuyên công bố các số liệu liên quan như tổng số giảng viên cơ hữu và tổng số sinh viên để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát [H6.06.02.01].

Hiện nay tổng số cán bộ của Khoa Công nghệ thông tin là 27 giảng viên cơ hữu; trong đó gồm 9 TS, 04 nghiên cứu sinh và 14 Thạc sĩ. Với lực lượng giảng viên như vậy, Khoa là một trong những khoa có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn tốt của Nhà trường [H6.06.02.01]. Số lượng giảng viên quy đổi của ngành CNTT hiện nay là 32 người và số lượng người học chính quy ngành CNTT học năm học 2019 - 2020 là 703 sinh viên. Như vậy, tỷ lệ sinh viên/giảng viên của ngành CNTT là 23/1. Tỷ lệ này được xem là cao so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT về tiêu chí tỷ lệ số sinh viên chính quy tính trên một giảng viên quy đổi (tỷ lệ sau quy đổi của khối ngành V là 20/1) [H6.06.02.02]. Điều này dẫn đến số giờ giảng dạy của giảng viên trong Khoa cho sinh viên ngành CNTT thì nhiều hơn những khoa khác. Từ thực tế này, Khoa luôn có kế hoạch đảm bảo hoàn thành tốt công việc giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành CNTT cũng như đảm bảo được chất lượng giảng dạy các môn Tin học cho các khoa khác trong trường; với chính sách phân bổ hợp lý, công bằng tổng số giờ giảng cho sinh viên thuộc các ngành khác của Trường ĐHQN. Do vậy, các cán bộ giảng viên của Khoa đã thực hiện tốt kế hoạch giảng dạy và hằng năm không phải thiếu giờ định mức về giảng dạy theo quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Bên cạnh đó, với số lượng tuyển sinh Đại học hằng năm cho ngành CNTT là rất lớn nên Khoa đã tích cực, chủ động trong việc xây dựng chương trình đào tạo và tuyển mới bổ sung đội ngũ giảng viên đủ điều kiện để mở thêm các ngành học mới đồng thời Khoa đã đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh ở tất cả các hệ (Đại học, Cao học, vừa làm vừa học) bằng nhiều hình thức để tăng chất lượng của đối tượng tuyển sinh hằng năm nhằm đào tạo ra những sinh viên chất lượng tốt cho xã hội. Điều này đã góp phần quan trọng giúp Khoa có được uy tín trong đào tạo, đội ngũ giảng viên có thu nhập tăng để tập trung giành nhiều thời gian cho giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng theo như những nhu cầu của Xã hội. Đội ngũ giảng viên còn tích cực tham gia và các sự kiện liên quan đến CNTT trong và ngoài Tỉnh để mang CNTT đến gần hơn với người dân, giúp người dân tiếp cận được với máy tính, với CNTT trong thời đại công nghiệp lần thứ 4 này.

Trong công tác giám sát và thi đua, các giảng viên đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ vào cuối mỗi năm học và lập kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của Trưởng bộ môn, Lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, trước tiên cá nhân từng giảng viên tự đánh giá khối lượng công việc, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành. Tiếp theo Trưởng bộ môn đánh giá, Lãnh đạo Khoa đánh giá và cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua **[H6.06.02.03]**. Ngoài ra, một kênh thông tin để giảng viên có thể tham khảo nhằm phát huy mặt tích cực và điều chỉnh những hạn chế trong giảng dạy đó là việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hàng năm **[H6.06.02.04]**. Việc này không chỉ giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình mà còn giúp các cấp Lãnh đạo Khoa nắm được tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, để từ đó đưa ra định hướng thích hợp.

Khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên được thực hiện theo chế độ làm việc đối với giảng viên của Bộ GD&ĐT, Quyết định về việc ban hành Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của giảng viên Trường ĐHQN **[H6.06.02.05]**. Việc thực hiện công tác giảng dạy và NCKH của giảng viên có sự giám sát chặt chẽ của Bộ môn, Khoa và các phòng chức năng của Trường **[H6.06.02.06]**. Giảng viên thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không thực hiện NCKH bị trừ giờ chuẩn theo quy định của Trường **[H6.06.02.05]**. Giảng viên Khoa CNTT giành thời gian nhiều cho công việc giảng dạy bên cạnh đó cũng đầu tư nghiên cứu, tham gia hoạt động NCKH, được thể hiện rõ qua số công trình được công bố hàng năm trên các tạp chí khoa học, các hội thảo chuyên ngành uy tín trên thế giới và trong nước, và là chủ nhiệm, thành viên tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp Cơ sở **[H6.06.02.07]**, **[H6.06.02.08]**, **[H6.06.02.09]**. Chính vì vậy, Khoa và Trường tổ chức ký kết các MoUs với các công ty lớn trong lĩnh vực IT một mặt để sinh viên có môi trường thực tập, thực tế hằng năm, mặt khác bước đầu hình thành các nhóm nghiên cứu có sự kết hợp giữa các giảng viên ngành CNTT với các chuyên gia R&D của các công ty này cùng nghiên cứu đưa ra các giải pháp mới, có khả năng ứng dụng cao phù hợp với nhu cầu của xã hội.

2. Điểm mạnh

Giảng viên trong Khoa không phải lo thiếu giờ dạy trong năm vì thế tập trung cho công việc nâng cao chất lượng giảng dạy, cập nhật chương trình đề cương chi tiết cho môn học gắn kết với ứng dụng thực tế, chủ động mời doanh nghiệp tham gia đào

tạo, tạo điều kiện để đào tạo đội ngũ người lao động trong ngành CNTT ra trường đáp ứng được yêu cầu thực tế, rút ngắn thời gian đào tạo tại công ty.

Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm để giảng dạy cho sinh viên ngành CNTT và học viên cao học ở các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu ứng dụng. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên của Khoa còn đảm nhận việc giảng dạy cho sinh viên thuộc nhiều ngành khác của Trường ĐHQN. Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác giảng dạy, đội ngũ giảng viên của Khoa rất nỗ lực trong công tác NCKH và dần trở thành một đơn vị có năng lực NCKH mạnh không chỉ của riêng Trường ĐHQN mà còn trên phạm vi cả nước.

3. Điểm tồn tại

Giảng viên giành nhiều thời gian cho giảng dạy nên không còn nhiều thời gian để nghiên cứu, thực hiện các đề tài NCKH có tính ứng dụng cao đưa vào thực tiễn, phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, lãnh đạo Khoa sẽ tích cực đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh theo định hướng ứng dụng, trong có sự hợp tác với các tập đoàn lớn trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và các viện nghiên cứu uy tín, để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ cộng đồng.

Giao chỉ tiêu thực hiện đăng ký, triển khai các đề tài nghiên cứu, đăng các báo cáo khoa học hằng năm trên các tạp chí ISI, các Hội thảo khoa học lớn trên thế giới và trong nước.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trường ĐHQN có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên rất rõ ràng, cụ thể (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, kéo dài thời gian làm việc. Trong các điều kiện để được thực hiện công việc thì 02 điều kiện quan trọng nhất chính là tư cách đạo đức và trình độ chuyên môn. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2 - Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi hoặc thạc sĩ trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT

đại học; có bằng tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3 - Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4 - Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5 - Lý lịch bản thân rõ ràng **[H6.06.03.01]**. Trong kỳ thi tuyển dụng, mỗi ứng viên phải trải qua phần thi giảng và trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng tuyển dụng. Nhà trường thông báo công khai điều kiện tuyển dụng cũng như kết quả thi tuyển trên website của Trường ĐHQN và đồng thời niêm yết trên bản tin của Phòng Tổ chức – Nhân sự **[H6.06.03.02]**. Sau khi trúng tuyển, các giảng viên đều phải thực hiện nhiệm vụ biên soạn bài giảng, trợ giảng, thông qua bài giảng ở Tổ bộ môn, giảng trên lớp có hướng dẫn tập sự đi kèm nhằm góp ý chỉnh sửa những sai sót nếu có. Trong một năm thử việc, theo quy định của Nhà trường, Lãnh đạo Khoa cử một giảng viên hướng dẫn trực tiếp cho giảng viên mới được tuyển dụng **[H6.06.03.01]**, **[H6.06.03.03]**.

Ngoài ra, đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (giảng viên chính, giảng viên cao cấp, PGS, GS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trường/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH **[H6.06.03.04]**, **[H6.06.03.05]**, **[H6.06.03.06]**. Giảng viên của Khoa được điều chuyển, bổ nhiệm giữ chức vụ quan trọng trong Nhà trường như: Trưởng Phòng Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Viện Trưởng Viện nghiên cứu và ứng dụng... **[H6.06.03.07]**.

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm và công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường. Trên cơ sở quy định các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ năng lực NCKH, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng về ngoại ngữ. Nhiều giảng viên được tuyển dụng đã được đào tạo sau đại học ở các trường đại học có uy tín của nước ngoài (Pháp, Rumani, Đài Loan, ...). Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực giảng dạy và NCKH, tuân thủ nghiêm chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, giữ gìn đạo đức nhà giáo và đạt nhiều thành tích trong công tác.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm có yêu cầu rất cao nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt nên chưa thu hút được nguồn giảng viên có trình độ cao.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa chủ động tìm nguồn giảng viên chất lượng, đề xuất với Nhà trường những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút nguồn giảng viên có trình độ cao để thực hiện chương trình CNTT có hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Nhà trường và Khoa luôn xem hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy và NCKH của giảng viên là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động này sẽ góp phần nâng cao năng lực, sức sáng tạo trong giảng dạy và NCKH của giảng viên nếu được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và chất lượng.

Trong thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo thì đội ngũ giảng viên là nguồn lực rất quan trọng. Vì vậy, việc đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn được Khoa xem là một trong những mục tiêu then chốt trong định hướng phát triển của Khoa. Mặc dù, ứng viên khi được tuyển làm giảng viên của Trường ĐHQN nói chung và tại Khoa CNTT nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, nhưng sau khi trúng tuyển, các giảng viên vẫn tiếp tục được Khoa và Nhà trường tạo điều kiện tham gia bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức [H6.06.04.01]. Đội ngũ giảng viên của Khoa rất nỗ lực, tích cực tham gia NCKH và điều đó được thể hiện rõ ràng qua số lượng công trình nghiên cứu được công bố hằng năm trên các tạp chí khoa học, tham gia các hội thảo khoa học uy tín trong nước và quốc tế [H6.06.04.02], [H6.06.04.03], cũng như số lượng đề tài NCKH các cấp mà giảng viên của Khoa đã và đang thực hiện [H6.06.04.04]. Vì vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của giảng viên luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng tốt yêu cầu của công việc.

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên [H6.06.04.06]. Do đó, cuối mỗi năm học, các giảng viên đều phải thực hiện nhiệm vụ kê khai số bài báo, số đề tài

NCKH các cấp đã thực hiện và việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh nhiệm vụ được giao [H6.06.04.06]. Hằng năm, sau khi kết thúc năm học Nhà trường đều triển khai tổng kết, đánh giá phân loại viên chức [H6.06.04.07]. Trên cơ sở Bộ môn và Lãnh đạo Khoa đánh giá, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua và ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức [H6.06.04.08]. Kết quả đánh giá hằng năm, đội ngũ giảng viên của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và được các cấp khen thưởng các cấp. Công tác bình xét thi đua – khen thưởng hàng năm không chỉ giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình mà còn giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa, qua đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp [H6.06.04.10], [H6.06.04.11], [H6.06.04.12]. Ngoài ra, GV cơ hữu của Khoa phải thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, theo 4 tiêu chí đánh giá: nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo, quản lý NCKH công nghệ và nhiệm vụ học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ. Dữ liệu giảng viên tự đánh giá sẽ làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo của Khoa. Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Khoa CNTT với đội ngũ giảng viên có độ tuổi trung bình thấp, có nhiều thời gian để tham gia các lớp, khóa học nâng cao trình độ, nhiều giảng viên của Khoa được đào tạo sau đại học ở các trường đại học uy tín ở nước ngoài (4/9 TS được đào tạo tại các nước Pháp, Rumani, Đài Loan, ...) nên có trình độ ngoại ngữ tốt.

Giảng viên trong Khoa có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Trình độ tiếng Anh của đội ngũ giảng viên chưa được đồng đều, ít có cơ hội tham gia được các Hội thảo khoa học quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa tạo mọi điều kiện cử giảng viên tham gia vào các lớp bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm và các lớp bồi dưỡng năng lực Tiếng Anh do Nhà

trường tổ chức, và cử giảng viên có chuyên môn tốt hướng dẫn, kèm cặp thêm cho đội ngũ giảng viên trẻ trong công tác giảng dạy và NCKH, tạo môi trường trao đổi kinh nghiệm, tham gia các dự án thực tế tại doanh nghiệp giúp giảng viên tiếp cận với các nội dung thực tế góp phần nâng cao tính thực tế trong các chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên được coi là nhân tố cực kỳ quan trọng, then chốt giúp cho Nhà trường phát triển và có uy tín cao. Vì vậy Trường ĐHQN xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên, điều đó thể hiện qua: Đề án nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.01]; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.02]; Thông báo công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường ĐHQN [H6.06.05.03]; Thống kê trình độ ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên [H6.06.05.04]. Đồng thời, Khoa cũng đã tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, từ đó lập kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên cụ thể đáp ứng nhu cầu thực tế [H6.06.05.05]. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy được Nhà trường chú trọng nhằm giúp giảng viên rút kinh nghiệm trong quá trình đào tạo sinh viên [H6.06.05.06], [H6.06.05.07].

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, Trường ĐHQN đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực. Hàng năm, Nhà trường đều triển khai các thông báo về chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài của Bộ GD&ĐT đến tất cả các đơn vị trong Trường, và sau đó Khoa phổ biến đến toàn thể giảng viên của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho các giảng viên có nhu cầu học tập, nghiên cứu. Nếu giảng viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh Nhà trường đều cử đi học tập và có chính sách ưu đãi cụ thể cho từng đối tượng theo quy định chung của Trường [H6.06.05.08]. Nhiều giảng viên được đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong nước và tại các nước phát triển [H6.06.05.09]; nhiều giảng viên được tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H6.06.05.10]; được đào tạo nâng cao trình độ từ đại học lên thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước và ngoài nước [H6.06.05.11].

Nhiều giảng viên được cử đi hợp tác NCKH ở các Trường/Viện nghiên cứu trong nước và quốc tế [H6.06.05.12]. Các giảng viên được tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí khi tham gia các hội nghị, hội thảo ở trong nước và quốc tế và được cử đi hợp tác NCKH [H6.06.05.13], [H6.06.05.14]. Đồng thời Nhà trường cũng đăng cai tổ chức thành công nhiều Hội nghị, hội thảo Quốc gia và Quốc tế về CNTT mang lại uy tín khoa học to lớn [H6.06.05.15]. Dựa theo nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, Nhà trường tạo điều kiện cho giảng viên tham gia học các lớp Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, các lớp Bồi dưỡng Giảng viên chính [H6.06.05.16].

Việc tuyển giảng viên của Trường được thực hiện theo nhu cầu nguồn nhân lực thực tế và được thực hiện công khai, minh bạch nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về công tác tại Trường [H6.06.05.17]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn ban hành những chính sách đãi ngộ cụ thể quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn của giảng viên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên [H6.06.05.08], [H6.06.05.18].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN đã xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên và đồng thời thực hiện triển khai nhiều hoạt động, biện pháp để đáp ứng nhu cầu đó.

Nhà trường đã có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích giảng viên, chuyên viên tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Do trình độ ngoại ngữ của một bộ phận giảng viên còn hạn chế nên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển sinh đối với nhiều chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học ở nước ngoài. Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên và chuyên viên hằng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện.

Một số khóa nâng cao trình độ ngoại ngữ được bố trí thời gian học chưa thuận lợi, phù hợp để giảng viên tham gia. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu cấp thiết giảng viên đưa ra còn chưa được triển khai hoặc triển khai bị chậm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa sẽ thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên, đồng thời lên kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hằng năm. Kiến nghị kịp thời về cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc để giảng viên, chuyên viên có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, Khoa CNTT sẽ tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, chuyên viên đầy đủ và toàn diện. Căn cứ vào kết quả phân tích, Nhà trường sẽ thay đổi hình thức tổ chức một số khóa đào tạo ngoại ngữ và bồi dưỡng nghiệp vụ chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Quản trị theo kết quả công việc của giảng viên là việc mà Trường ĐHQN đã triển khai sâu rộng nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành những Quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng cán bộ (giảng viên, chuyên viên). Đối với giảng viên phải đảm bảo số giờ chuẩn theo quy định, bao gồm: số giờ chuẩn giảng dạy và NCKH trong một năm học [H6.06.06.01], [H6.06.06.02]. Dựa vào đó Khoa thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên hằng năm theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Các hoạt động thi đua, khen thưởng được tổ chức nghiêm túc và đạt hiệu quả, thể hiện qua Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN [H6.06.06.03]; Các Quyết định về công nhận, khen thưởng các danh hiệu thi đua của cán bộ quản lý hằng năm [H6.06.06.04]; Các quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng [H6.06.06.05]; Kết quả xếp loại viên chức hằng năm [H6.06.06.06].

Để khuyến khích động viên giảng viên tham gia NCKH có chất lượng cao, Nhà trường đã có Quy định về khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế [H6.06.06.07]. Việc này thật sự có tác dụng đẩy mạnh sự nỗ lực trong công tác NCKH của giảng viên. Nhiều giảng viên của Khoa đã và đang làm chủ nhiệm,

tham gia các đề tài NCKH trọng điểm cấp Bộ, đề tài Nafosted; hằng năm giảng viên có nhiều công trình nghiên cứu được xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế uy tín trong danh mục ISI [H6.06.06.08], [H6.06.06.09], [H6.06.06.10], [H6.06.06.11]. Các đề tài hoàn thành đều được nghiệm thu và đánh giá tốt. Các bài báo khoa học và các đề tài sau khi nghiệm thu được quy đổi điểm cho giảng viên là tác giả bài báo, là chủ nhiệm đề tài hoặc thành viên tham gia nghiên cứu làm cơ sở bình xét thi đua.

Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích đạt được trong quá trình công tác của cá nhân. Những giảng viên hoàn thành tốt công tác giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác, luôn được ghi nhận và khích lệ bằng những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng... Mức độ hoàn thành công việc sẽ là căn cứ để Nhà trường tổ chức họp bình xét thi đua – khen thưởng cấp Trường và các cấp cao hơn, đồng thời xếp loại lao động đối với giảng viên. Dựa vào kết quả xếp loại lao động của cán bộ Nhà trường sẽ chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ theo từng quý và đây thực sự là nguồn động viên, khuyến khích cán bộ nỗ lực hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao [H6.06.06.13]. Đặc biệt, Nhà trường còn thực hiện xét nâng lương trước hạn cho những cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc [H6.06.06.14].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng đã giúp tạo động lực và hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhiều giảng viên của Khoa đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh, bằng khen của Công đoàn ngành Giáo dục ... vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên về NCKH của Nhà trường vẫn chưa được định lượng chính xác. Do vậy, việc khen thưởng chưa có sự khác biệt đối với giảng viên là tác giả chính, tác giả liên hệ của các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng sao cho kịp thời, đúng đối tượng và công bằng.

Nhà trường nghiên cứu đưa ra quy định định lượng cụ thể hơn việc quản trị kết quả công việc của giảng viên về việc khen thưởng các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI. Đồng thời Nhà trường cố gắng cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực lớn cho giảng viên tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Đào tạo ngành CNTT trong thời đại 4.0, thời đại của Trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu và yêu cầu từ nền kinh tế số đang diễn ra nhanh chóng, để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế phù hợp với thực tế trên, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được Khoa và Nhà trường xác lập rõ ràng. Khoa CNTT được xem như một địa chỉ tin cậy cung cấp nguồn nhân lực cao cho các đơn vị sử dụng nguồn lao động CNTT lớn như Công ty TMA Solution, TMA Innovation, FPT Software, FPT QAI, Fujinet Việt Nam, LoginGear, ... nên Lãnh đạo Khoa luôn xem NCKH là hoạt động vô cùng quan trọng và gần như là bắt buộc đối với đội ngũ giảng viên trong Khoa. Đầu năm học, các giảng viên phải đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; đăng ký báo cáo seminar, hướng dẫn sinh viên làm NCKH, khóa luận tốt nghiệp; giảng dạy cho đội tuyển sinh viên tham dự các cuộc thi trí tuệ trong cộng đồng IT; hướng dẫn học viên cao học làm luận văn thạc sĩ) đảm bảo đủ số giờ NCKH phải đảm nhiệm theo chức danh đã được quy định. Cuối mỗi năm học Nhà trường và Khoa luôn tổ chức tổng kết, đánh giá để đảm bảo về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của giảng viên. Điều này được thể hiện qua quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của giảng viên Trường ĐHQN [H6.06.07.01]; các tài liệu quy định về việc tuyển chọn, thực hiện đề tài NCKH các cấp [H6.06.07.02]; Thống kê các đề tài NCKH của đội ngũ chuyên viên [H6.06.07.03]; Thống kê và các báo cáo sáng kiến kinh nghiệm của đội ngũ chuyên viên [H6.06.07.04]; Thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp đã thực hiện giai đoạn 2015-2020 [H6.06.07.05]; Thống kê công bố trong nước và công bố quốc tế 2015-2020 [H6.06.07.06], [H6.06.07.07]; Thống kê số giờ NCKH của giảng viên hằng năm [H6.06.07.08]. Dựa vào đó, Khoa và Nhà trường tiến hành đánh giá và phân loại công chức, viên chức định kỳ hằng năm một cách chính xác, công bằng [H6.06.07.09] đồng thời có những chính sách khuyến khích giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vào trong cuộc sống.

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng khoa học Khoa, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường ĐHQN, Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, và được đánh giá bởi các bên liên quan sử dụng sản phẩm được cán bộ giảng viên trong Khoa phát triển. Các đề tài nghiên cứu các cấp đáp ứng được các yêu cầu đưa ra. Các công trình nghiên cứu của các giảng viên trong Khoa được đăng trên những tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ đảm bảo về chất lượng [H6.06.07.06], [H6.06.07.07]. Khoa và Nhà trường luôn quan tâm, khuyến khích mạnh mẽ cán bộ giảng viên trong Khoa tăng cường trao đổi, hợp tác NCKH với các giảng viên, chuyên gia từ các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu có uy tín trong và ngoài nước để giúp nâng cao trình độ NCKH của giảng viên cũng như nâng cao uy tín NCKH học của Khoa và Nhà trường. Chính vì thế, nhiều năm qua Khoa đã có nhiều giảng viên được mời tham gia hợp tác NCKH, tham gia báo cáo tại các hội thảo khoa học uy tín trong nước và quốc tế [H6.06.07.12].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên Khoa CNTT đã tham gia rất nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ, hợp tác nghiên cứu chuyển giao công nghệ; công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình trong nước.

Một số giảng viên có thành tích NCKH xuất sắc đã được trao tặng các giải thưởng các cấp.

Một số giảng viên trong Khoa tham gia các dự án nghiên cứu với Trường thông qua việc đề xuất hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng giữa Trường và các đối tác Châu Âu, các dự án thực tế giữa Khoa với các công ty IT trong nước.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn chưa nhiều.

Các công trình mang tính liên ngành với các Khoa khác trong Trường và các đơn vị ngoài trường còn chưa phong phú.

Chưa khai thác được hết tiềm năng hiện có của đội ngũ giảng viên trong Khoa tham gia nghiên cứu, ứng dụng vì giảng viên trong Khoa dùng nhiều thời gian cho giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa CNTT sẽ tiếp tục tạo mọi điều kiện để đẩy mạnh nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước; công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; xuất bản sách chuyên khảo trong và ngoài nước. Đặc biệt là khuyến khích, hỗ trợ cho công bố bài báo trên các tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI.

Từ năm học 2020-2021, thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức khác nhau, Khoa sẽ đẩy mạnh, tăng cường sự hợp tác giữa giảng viên của Khoa với các đối tác nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước. Đồng thời, Khoa sẽ chủ động đề xuất với Nhà trường có chính sách hỗ trợ tương xứng cho những đề tài NCKH có tính chất liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Khoa CNTT đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), nhờ đó mà đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên luôn được đo lường, giám sát thường xuyên với mục đích làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành, phổ biến rộng rãi và công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, chuyên viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực chuyên môn) để bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên được đánh giá một cách chính xác và khách quan dựa trên những quy định, quy chế đã xây dựng với sự thống nhất cao trong đội ngũ giảng viên trong Trường. Bên cạnh đó, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên được Trường ĐHQN xác định rất rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, chuyên viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và chuyên viên đã được Trường, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tự đánh giá theo 7 tiêu chí của tiêu chuẩn 6 đã đạt yêu cầu 7/7 tiêu chí trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7, 06 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là vấn đề cốt lõi của một trường đại học nói chung và của Trường đại học Quy Nhơn nói riêng. Chất lượng đào tạo phụ thuộc nhiều vào sự tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, GV không thể hoàn thành tốt công việc nếu như không có sự trợ giúp tốt từ đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ người học khác. Chính vì thế, Nhà trường và Khoa Công nghệ thông tin luôn chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Bên cạnh đó luôn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên bằng cách tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng đột xuất và hằng năm đối với đội ngũ này để tạo động lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã đề ra.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Nhà trường phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự nói chung và đội ngũ viên chức hành chính nói riêng, từ đó xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ này đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01]. Trên cơ sở đề án đổi mới cơ cấu tổ chức của Trường quy định đội ngũ viên chức làm công tác phục vụ và hỗ trợ đào tạo được quy hoạch không quá 25% trên tổng số viên chức của toàn đơn vị [H7.07.01.02]. Việc tuyển dụng viên chức thông qua quy chế tuyển dụng và đề án vị trí việc làm của đơn vị [H7.07.01.03] [H7.07.01.04]. Đồng thời nhà trường cũng có chính sách đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên như: thu nhập tăng thêm; hỗ trợ tiền phục vụ đào tạo; chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước; học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;... Thông qua quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.05].

Đội ngũ nhân viên của Thư viện được quy hoạch trên cơ sở Đề án đổi mới hoạt động Thư viện theo hướng hiện đại **[H7.07.01.06]**. Hiện nay, Thư viện có 15 viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt yêu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình phục vụ công tác đào tạo, NCKH của CB, GV, HV và SV trong toàn trường nói chung và Khoa Công nghệ thông tin nói riêng **[H7.07.01.07]**. Bên cạnh việc phục vụ yêu cầu cho công tác đào tạo và NCKH, đội ngũ nhân viên của Thư viện còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Ngày Hội sách, hướng dẫn bạn đọc tra cứu tài liệu... **[H7.07.01.08]**. Hằng năm Thư viện tổ chức khảo sát ý kiến bạn đọc, kết quả khảo sát cho thấy phần lớn bạn đọc hài lòng với việc hỗ trợ của đội ngũ nhân viên Thư viện **[H7.07.01.09]**.

Khoa Công nghệ thông tin có đội ngũ nhân viên hỗ trợ gồm 01 thư ký và 01 trợ lý giáo vụ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy của GV, học tập của người học: quản lý điểm thi; đăng ký học; xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV; đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV. Trong những năm qua đội ngũ này đã thực hiện tốt những công việc nêu trên, đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên và học viên cao học của Khoa Công nghệ thông tin. **[H7.07.01.10]**.

Để đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu, triển khai ứng dụng của GV, học viên và SV Nhà trường có Khu thực hành máy tính **[H7.07.01.11]**. Cụ thể Khu thực hành máy tính có 1 cán bộ quản lý và quản trị mạng của toàn bộ các phòng thực hành. Gồm có 7 phòng trong đó có 6 phòng chuyên môn và 1 phòng máy chủ.

Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng mục tiêu đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT và công tác hỗ trợ sinh viên trong công tác đào tạo, NCKH kết nối doanh nghiệp và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đủ về số lượng, đảm bảo về phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ và phát triển hệ thống công nghệ thông tin, truyền thông và kết nối doanh nghiệp theo xu hướng hiện đại **[H7.07.01.12]**, **[H7.07.01.13]**.

Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên định kỳ cho thấy người học hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H7.07.01.14]**.

2. Điểm mạnh

Hầu hết đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Chưa triển khai thực hiện việc quản trị nhân viên theo kết quả công việc.

Việc lấy YKPH của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, Nhà trường rà soát lại đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hợp lý hơn. Tiến tới quản trị nhân viên theo kết quả công việc được giao.

Thường xuyên khảo sát YKPH của các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên nhằm có những biện pháp cải tiến kịp thời, hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Để tiến tới thực hiện đề án vị trí việc làm nên trong những năm qua, Nhà trường và Khoa Công nghệ thông tin rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.02.01]. Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H7.07.02.02]. Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về vị trí việc làm như về chuyên môn, nghiệp vụ phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu B1 và có trình độ tin học đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản; có phẩm chất đạo

đức. Mặt khác, việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào các vị trí viên chức quản lý cũng cần đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác,... Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý từ các đơn vị cá nhân trong Trường trước khi chính thức ban hành và phổ biến công khai [H7.07.02.03].

Hàng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, xét nhu cầu tuyển dụng đội ngũ nhân viên của các Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng đội ngũ này với các chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và minh bạch trên trang thông tin điện tử, cũng như bảng tin của Nhà trường/Khoa [H7.07.02.04], [H7.07.02.05]. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng Nhà trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng viên chức có sự tham gia của lãnh đạo, viên chức của các đơn vị có chuyên ngành hoặc chuyên môn liên quan đến vị trí tuyển dụng và các viên chức sát hạch về Ngoại ngữ và Tin học. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số [H7.07.02.06]. Kết quả tuyển dụng được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch [H7.07.02.07].

Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm đều được Nhà trường phổ biến công khai bằng văn bản đến các đơn vị trong Nhà trường [H7.07.02.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch, thông báo cũng như kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc và công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế. Việc bổ nhiệm nhân viên giữ chức vụ lãnh đạo ở các đơn vị còn ít, chưa được quan tâm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường chú trọng việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên và quan tâm hơn nữa đến công tác bổ nhiệm, luân chuyển nhân viên cho phù hợp với nhu cầu của

công việc.

5. *Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.*

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Việc đánh giá, xếp loại viên chức được Nhà trường thực hiện định kỳ cuối năm căn cứ Quy định về công tác khen thưởng của Trường ĐHQN [H7.07.03.01]. Hằng năm căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá xếp loại viên chức và bảng đăng ký danh hiệu thi đua khen thưởng của năm học các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể [H7.07.03.02], [H7.07.03.03]. Việc đánh giá phân loại nhân viên được thực hiện theo tình tự: mỗi nhân viên tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và trình bày báo cáo tại cuộc họp đơn vị để toàn thể đồng nghiệp góp ý. Đồng thời, kết quả khảo sát sự hài lòng của sinh viên và giảng viên về thái độ phục vụ và hoạt động của đội ngũ nhân viên làm công tác hỗ trợ, phục vụ đào tạo cũng được đưa ra xem xét [H7.07.03.04]. Sau khi tiếp nhận các ý kiến của các bên, Trưởng đơn vị quyết định mức đánh giá và phân loại của từng nhân viên trước tập thể và gửi cho trường. Kết quả đánh giá viên chức các đơn vị được Hội đồng xét thi đua khen thưởng cấp trường tổ chức họp bình xét và công nhận [H7.07.03.05].

Hiện nay đội ngũ chuyên viên của Trường và Khoa đều thực hiện tốt nhiệm vụ được giao nên được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [[H7.07.03.06]. Bên cạnh đó có nhiều sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng để nâng cao hiệu quả trong công việc [H7.07.03.07].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa Công nghệ thông tin nói riêng được thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Tuy hàng năm Nhà trường có đánh giá, xếp loại viên chức, có xét tặng các danh hiệu thi đua nghiêm túc nhưng vẫn chưa phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên. Việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên chưa thực hiện thường xuyên và

chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện phân loại, đánh giá nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của viên chức chi tiết hơn và thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thường xuyên và định kỳ nhằm để công tác đánh giá, xét thi đua khen thưởng đạt kết quả cao hơn, phù hợp với từng đối tượng, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ này hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, tác động tới mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Thực tế này đòi hỏi nguồn nhân lực giáo dục Việt Nam phải có sự thay đổi căn bản về tầm nhìn, nội dung cũng như cách tiếp cận trước sự đổi mới không ngừng của xã hội. Một trong những thách thức đặt ra đối với nền giáo dục Việt Nam trong kỷ nguyên số đó là phát triển nguồn nhân lực Việt Nam. Vì vậy, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động rất quan trọng nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV và nhân viên. Xác định được nhiệm vụ của quan trọng của mình, Nhà trường và Khoa có kế hoạch thực hiện công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên thường xuyên, kịp thời. Thực hiện xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức hành chính của các đơn vị và Nhà trường triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.01], [H7.07.04.02].

Trong những năm vừa qua, cũng như các viên chức toàn Nhà trường, các viên chức của Khoa CNTT thường xuyên được Nhà trường và Khoa cử tham gia các đợt học tập, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về chính trị, ngoại ngữ, chuyên môn và nghiệp vụ ngay tại trường hoặc tại các tỉnh/thành phố khác như: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh [H7.07.04.03].

Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường có phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên

[H7.07.04.04], có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường **[H7.07.04.05]**. Điều này góp phần thúc đẩy đội ngũ nhân viên có động lực học tập nâng cao các kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để hoàn thành tốt/xuất sắc nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tại khoa CNTT, hằng năm ngoài nhiệm vụ đưa sinh viên đến các công ty, doanh nghiệp tham quan thực tế quy trình, phương pháp, cơ sở hoạt động của các đơn vị, khoa còn cử nhiều giảng viên tham gia để trao đổi, giao lưu, hợp tác với các đơn vị về kinh nghiệm làm việc chuyên môn và nắm bắt tình hình phát triển công nghệ của ngành.

[H7.07.04.06]

2. Điểm mạnh

Ngành Công nghệ Thông tin làm việc trên máy tính, với sự hỗ trợ của mạng máy tính, cán bộ viên chức dễ dàng cập nhật, học hỏi, trao đổi, hợp tác.

Hiện nay tại địa phương có thêm hai doanh nghiệp xây dựng cơ sở trên địa bàn tỉnh: Công ty TMA và FPT, đây là điều kiện thuận lợi cho sinh viên trải nghiệm thực tiễn và cán bộ giảng viên dễ trao đổi cộng tác trong việc đào tạo chuyên ngành.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên các đơn vị trong trường được xác định mục đích rõ ràng.

Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Tuy Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên nhưng các hoạt động này chưa phong phú và thường xuyên.

Trang thiết bị cho các nhân viên được trang bị chưa kịp thời so với nhu cầu của công việc đòi hỏi công nghệ mới như hiện nay.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa CNTT xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo và NCKH của Khoa và của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Với sứ mệnh: “Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyên gia công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”, bản thân Nhà trường phải có đội ngũ cán bộ, viên chức xứng tầm để hoàn thành nhiệm vụ.

Nhà trường, các Khoa luôn đặt chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ, nhân sự lên hàng đầu, điều đó đóng vai trò rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo và sự phát triển của Nhà trường nói chung, của Khoa CNTT nói riêng.

Để đảm bảo và tăng cường nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ viên chức, Nhà trường có Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN, trong đó xác định các nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng; nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức cá nhân trong công tác này cũng như các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn riêng đối với từng Danh hiệu thi đua của cá nhân như: Danh hiệu Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... **[H7.07.05.01]**.

Mỗi năm, sau khi xác định nhiệm vụ, hướng nghiên cứu, phấn đấu của bản thân cùng với sự phân công của tổ chức và Nhà trường, cán bộ, viên chức đăng ký danh hiệu thi đua. Từ đó, mỗi cán bộ, viên chức cố gắng rèn luyện, học hỏi, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ. Song song, trưởng các đơn vị Phòng/Khoa chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc cụ thể của từng nhân viên theo kế hoạch công tác **[H7.07.05.02]**. Trên cơ sở đó, hàng tháng Khoa tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác và báo cáo Nhà trường bằng văn bản hoặc qua các cuộc họp giao ban **[H7.07.05.03]**.

Tiếp đến vào cuối mỗi năm học, căn cứ các Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản hướng dẫn, triển khai việc bình xét các danh hiệu thi, khen thưởng của Nhà trường, mỗi nhân viên thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, sau đó Khoa tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với từng viên chức; thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với từng cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao

[H7.07.05.04], [H7.07.05.05]. Kết quả này được Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua [H7.07.05.06].

Cụ thể, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ viên chức khoa CNTT đã thực hiện phong trao thi đua và đạt được một số thành tích cao trong những năm vừa qua [H7.07.05.07].

Để nâng cao tinh thần thi đua, không những được công nhận và khen thưởng mà Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với các cán bộ, viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp. Đây là hoạt động thiết thực nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.05.08].

Nhằm đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức trong Nhà trường về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác. Trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý của toàn thể viên chức trong toàn trường cho bản Dự thảo quy định do Phòng chức năng soạn thảo dựa trên các văn bản quy định của cấp trên hoặc tiếp thu ý kiến của các cán bộ viên chức về công tác thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn trong quá trình thực hiện thông qua các Hội nghị CB, công chức, viên chức hàng năm hoặc các kiến nghị từ Công đoàn/Ban Thanh tra Nhân dân để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp [H7.07.05.08], [H7.07.05.09].

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm (KPIs) để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa CNTT đảm bảo về chất và lượng và được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công khai. Trường ĐHQN và Khoa CNTT có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa CNTT hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Trường. Trong năm học tới, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn. chất lượng đào tạo là vấn đề cốt lõi trong các cơ sở giáo dục đại học nói chung và Trường ĐHQN nói riêng. Vấn đề này phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa giảng viên và người học. Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên sẽ không thể thực hiện tốt nhiệm vụ và người học sẽ khó có kết quả học tập tốt nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ người học khác. Vì vậy, trong những năm qua, bên cạnh việc chú trọng công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng và công nhận đối với đội ngũ này để tạo động lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã đề ra.

Ngành CNTT tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn 7 đã đạt yêu cầu 7/7 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt 4/7, 03 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.

Mở đầu

Trong những năm qua, Nhà trường và Khoa Công nghệ thông tin đã xây dựng một chính sách tuyển sinh phù hợp, rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai. Nhà trường cũng thiết lập một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch. Đồng thời các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Ngoài ra, việc xây dựng và duy trì môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan sạch, xanh, đẹp, nhiều tiện ích đã tạo được sự thoải mái cho người học, và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, hoạt động hỗ trợ người học của ngành Công nghệ thông tin nói riêng và các ngành đào tạo khác của Nhà trường nói chung.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

Hàng năm khoa Công nghệ thông tin (CNTT) thực hiện việc tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01]. Hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu, quy trình và các phương thức tuyển sinh được công bố rõ ràng, đầy đủ và chi tiết thông qua đề án tuyển sinh riêng của Nhà trường [H8.08.01.02]. Các thông tin tuyển sinh như xét tuyển thẳng, mức điểm nhận hồ sơ, các thông báo xét tuyển bổ sung luôn được cập nhật và công bố công khai thông qua các thông báo, các kế hoạch tuyển sinh hoặc xét tuyển được đăng rộng rãi trên Website của trường, trên cổng thông tin tuyển sinh của trường, trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT đồng thời được dán tại các bảng tin trong Trường [H8.08.01.03].

Ngoài ra, các thông tin về tuyển sinh hàng năm cũng được cung cấp đầy đủ thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh hàng năm tại các trường THPT trong tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận. Thông qua các buổi tư vấn, đại diện khoa CNTT trong Ban tư vấn đã cung cấp các thông tin cụ thể thông qua các tờ rơi và giải đáp trực tiếp tại buổi tư vấn [H8.08.01.04]. Đồng thời, hàng năm Trường phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức buổi tư vấn tuyển sinh ngay tại trường ĐHQN dưới hình thức ngày hội tư vấn hướng nghiệp-tuyển sinh và ngày hội tư vấn xét tuyển [H8.08.01.05]. Chính sách tuyển sinh ngành CNTT thực hiện theo đúng các quy trình tuyển sinh hiện hành và có sự góp ý của các bên liên quan trong và ngoài trường.

Thông qua các đề án tuyển sinh, số lượng thí sinh được tuyển và số lượng sinh viên theo học trong 5 năm qua như sau:

Bảng 8.1.1. Số lượng tuyển sinh khoa Công nghệ thông tin trong 5 năm

Năm tuyển sinh	Số lượng được tuyển (số lượng nhập học thực tế)
2015-2016	208 (194)
2016-2017	262 (174)
2017-2018	356 (216)
2018-2019	472 (235)
2019-2020	432 (223)

Bảng 8.2.2. Số lượng sinh viên khoa Công nghệ thông tin trong 5 năm học

Năm học	Số lượng				Tổng
	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
2015-2016				41	444
2016-2017				89	506
2017-2018				63	645
2018-2019				212	708
2019-2020				194	831

Dựa vào số liệu các bảng trên cho thấy số thí sinh đăng ký, trúng tuyển vào ngành CNTT ngày càng tăng, điều này phù hợp với xu thế chung của sự phát triển CNTT trong thời đại 4.0 ngày nay. Đồng thời, chính sách tuyển sinh rõ ràng, công khai và cập nhật thường xuyên cũng là yếu tố tiên quyết giúp cho số lượng tuyển sinh ngày càng tăng.

Bên cạnh đó, sự phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, đào tạo, việc làm được phổ biến kịp thời giúp cho thí sinh có sự chắc chắn hơn trong lựa chọn ngành CNTT.

Bảng 8.3.3. Số lượng sinh viên ngành CNTT trong 5 năm học

Năm học	Số lượng				Tổng
	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	
2015-2016				41	444
2016-2017				89	506
2017-2018				63	645
2018-2019				212	708
2019-2020				194	831

2. Điểm mạnh

Hàng năm, chính sách tuyển sinh của khoa CNTT nói riêng cũng như trường ĐHQN nói chung luôn được xác định rõ ràng, công bố công khai và luôn được cập nhật thường xuyên trên các phương tiện khác nhau như bảng tin, cẩm nang tuyển sinh, website Trường, Khoa. Từ đó người học luôn luôn có đầy đủ thông tin về ngành học, mục tiêu, chương trình học, việc làm đầu ra,... Điều này giúp cho người học có nhiều thông tin lựa chọn đúng đắn và xác định được phương hướng học tập cũng như kế hoạch học tập hợp lý và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những điểm mạnh vẫn còn một số điểm tồn tại hạn chế trong công tác tuyển sinh như một số thông tin chưa đến kịp thời tới đối tượng tuyển sinh, các chính sách hỗ trợ người học phụ thuộc vào giai đoạn, thời kỳ, đồng thời nhiều người học còn chưa xác định rõ ràng mục tiêu, lựa chọn theo xu thế, số đông do vậy chưa thu hút được nhiều thí sinh giỏi có năng lực và thực sự yêu thích đam mê ngành CNTT.

4. Kế hoạch hành động

Từ những tồn tại nêu trên, trong năm học 2020-2021, Ban chủ nhiệm khoa cùng toàn thể khoa CNTT phối hợp với một số phòng chức năng liên quan thực hiện các công việc sau: (1) Thay đổi, bổ sung, cập nhật thường xuyên các hình ảnh, thông tin chi tiết về ngành học, các chính sách tuyển sinh, các hoạt động nhằm thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh; (2) Tăng cường tuyên truyền kết hợp trong các giờ giảng, các hoạt động Đoàn-Hội, các buổi nói chuyện, tổ chức nhiều hơn các buổi gặp gỡ doanh nghiệp nhằm quảng bá hơn nữa hình ảnh của Khoa, Trường với người học, từ người học đến các thí sinh; (3) Ban chủ nhiệm khoa theo dõi, phối hợp chặt chẽ với Ban tư vấn tuyển sinh của nhà trường nhằm đưa ra các chiến lược tư vấn, tuyển sinh kịp thời và đầy đủ trong các năm tiếp theo nhằm thu hút hơn nữa các thí sinh giỏi, có năng lực vào học ngành CNTT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Đối với khoa CNTT nói riêng và Trường Đại học nói chung, việc tuyển chọn người học được xác định là một khâu quan trọng góp phần quyết định trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo. Việc tuyển chọn người học được quy định bằng những tiêu chí rõ ràng như quy định về đối tượng, phạm vi và phương thức tuyển sinh. Các tiêu chí

này thể hiện rõ trong các đề án tuyển sinh hàng năm và được cập nhật bổ sung sửa đổi qua các năm.

Dựa trên tình hình thực tế, từ năm học 2015-2016 các tiêu chí tuyển chọn được thay đổi dựa trên đề xuất của khoa. Trong các đề án tuyển sinh, Nhà trường đã bổ sung thêm nhiều phương án tuyển sinh dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, xét tuyển dựa theo học bạ THPT và hình thức xét tuyển thẳng. Đồng thời mở rộng tổ hợp xét tuyển. Theo đó, ngành CNTT xét tuyển dựa trên 03 tổ hợp môn: A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh) và D01 (Toán, Văn, Anh). Bên cạnh đó phương thức nộp hồ sơ xét tuyển cũng được thay đổi, mở rộng linh hoạt bằng các phương pháp khác nhau như: nộp trực tiếp, qua đường bưu điện, nộp trực tuyến. [H8.08.02.01]

Với các tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, các phương pháp tuyển chọn phong phú và linh hoạt như nói trên, số lượng thí sinh được tuyển chọn vào ngành CNTT ngày càng tăng và đáp ứng các tiêu chí đặt ra và đạt chuẩn đầu vào. Dữ liệu tuyển sinh và kết quả tuyển sinh hàng năm được lưu trữ tại Phòng Đào tạo Đại học của Nhà trường [H8.08.02.02]. Trên cơ sở đó hàng năm Ban tuyển sinh của Trường tiến hành rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho năm kế tiếp.

Từ năm 2017, các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh người học được điều chỉnh phù hợp với "Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường Đại học Quy Nhơn" [H8.08.02.03] đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học luôn được xác định rõ ràng và công bố công khai. Các tiêu chí tuyển chọn được đánh giá khách quan và mở rộng thay đổi kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng đầu vào từ các phương pháp tuyển chọn khác nhau (xét học bạ, tuyển chọn từ kết quả thi THPT Quốc gia, tuyển thẳng) không đồng đều. Bên cạnh đó do đặc thù của ngành CNTT luôn luôn thay đổi, cập nhật thường xuyên nên dẫn đến nhiều sinh viên chưa theo kịp tiến độ của chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Để giải quyết những tồn tại trên, trong kỳ tuyển sinh cho năm học 2020-2021, Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Trường, trao đổi thảo luận và đưa ra

các giải pháp như sau: (1) Điểm trúng tuyển được đưa ra phù hợp dựa trên điểm xét của người học; (2) Theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển/số lượng thí sinh nhập học nhằm điều chỉnh và can thiệp kịp thời; (3) Tăng cường các hoạt động quảng bá đa dạng hơn, hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa thí sinh có năng lực theo học ngành CNTT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Công tác đánh giá, giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được khoa phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng liên quan (như phòng đào tạo, phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng,...).

Về học tập: việc giám sát, đánh giá người học dựa trên Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ và đề cương chi tiết của học phần **[H8.08.03.01]**. Điểm đánh giá học phần là tổng hợp của các điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ; với cách đánh giá này, người học được đánh giá, giám sát chặt chẽ trong quá trình học của mỗi học phần. Bên cạnh đó Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý học chế tín chỉ, thông qua đó điểm cũng như mọi thông báo đến người học được cập nhật thường xuyên và liên tục. Ngoài ra các kỳ thi cuối kỳ được tổ chức một cách nghiêm túc và công tâm giúp cho việc đánh giá người học chính xác và khách quan hơn. Nhờ đó tạo cho sinh viên thói quen học tập chuyên cần, chăm chỉ và nghiêm túc. **[H8.08.03.02]**

Về rèn luyện: kết quả rèn luyện của người học được đánh giá hàng kỳ thông qua việc tham gia các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các câu lạc bộ và các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên trong trường. Mỗi kỳ, kết quả rèn luyện được đánh giá đúng theo quy định của nhà trường với nhiều tiêu chí khác nhau giúp đánh giá đúng và sát sao các hoạt động rèn luyện của người học. **[H8.08.03.03]**.

Hàng năm khoa CNTT thành lập danh sách đội ngũ cán bộ giảng viên làm cố vấn học tập các lớp. Đội ngũ cố vấn học tập này chịu trách nhiệm giám sát, tư vấn sinh viên trong các vấn đề liên quan tới học tập (như lựa chọn môn học, hỗ trợ quá trình lựa chọn, đăng ký tín chỉ,...) và rèn luyện. **[H8.08.03.04]**. Hàng tháng, cố vấn học tập thực hiện sinh hoạt lớp nhằm thông báo các nội dung tổng kết hoạt động trong tháng qua của trường, khoa và phương hướng hoạt động của Khoa, Trường trong tháng tới. Đồng thời qua buổi sinh hoạt lớp này, cố vấn học tập nắm bắt đầy đủ tình hình học tập của người

học, đồng thời tiếp thu, giải đáp những thắc mắc, kiến nghị của người học về khoa, trường. **[H8.08.03.05]**. Ngoài ra trong quá trình học tập thông qua các kênh thông tin khác như lập nhóm trên các mạng xã hội, fanpage,... cố vấn học tập luôn nắm được cụ thể tình hình học tập cũng như rèn luyện của người học, qua đó nắm bắt tư tưởng của người học kịp thời đưa ra các biện pháp cố vấn, hỗ trợ người học trong quá trình học tập cũng như rèn luyện.

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng đào tạo Đại học cung cấp cho khoa, cố vấn học tập và sinh viên bảng điểm rèn luyện và bảng điểm tổng hợp các học phần của mỗi sinh viên, trong đó thể hiện rõ số tín chỉ của mỗi sinh viên đã tích lũy, điểm trung bình chung và số tín chỉ nợ, đồng thời thể hiện thông tin tình trạng học tập của mỗi sinh viên (bình thường, cảnh cáo hay trong diện đình chỉ). Thông qua đó giúp cố vấn học tập cũng như Khoa nắm bắt được đầy đủ thông tin liên quan đến từng sinh viên mà mình làm cố vấn, trên cơ sở đó phối hợp cùng khoa giúp sinh viên có lộ trình học tập và đề ra kế hoạch phù hợp nhằm đạt được kết quả tốt nhất. **[H8.08.03.06]**.

Đồng thời kết thúc mỗi năm học, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát ý kiến người học của tất cả các môn trong năm của tất cả các ngành trong đó có ngành CNTT. Kết quả khảo sát được đưa về các khoa, thông qua đó Ban chủ nhiệm khoa có kế hoạch điều chỉnh và đưa ra kế hoạch hành động nhằm rút kinh nghiệm cho năm học tới. **[H8.08.03.07]**

Đối với các chuyên ngành, cuối năm 2 sinh viên sẽ tập trung và nghe giới thiệu thông tin về các chuyên ngành, cùng với sự hỗ trợ tư vấn của đội ngũ cố vấn học tập, thông qua đó giúp sinh viên lựa chọn chuyên ngành phù hợp.

Bảng 8.3.1. Tỷ lệ sinh viên ngành CNTT tốt nghiệp qua các năm

Năm học	Số lượng sinh viên toàn khóa	Số lượng sinh viên hoàn thành CTĐT	Tỷ lệ
2015-2016	41	31	75,6%
2016-2017	89	67	75,3%
2017-2018	63	35	55,6%
2018-2019	212	68	56,2%
2019-2020	194	90	46,4%

Dựa vào bảng trên cho thấy tỷ lệ sinh viên ngành CNTT hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn còn hạn chế. Tuy nhiên điều này không ảnh hưởng nhiều vì hàng năm Trường có 3 đợt xét tốt nghiệp đại học cao đẳng, điều này tạo thuận tiện cho người học kịp thời tốt nghiệp sau khi hoàn thành CTĐT.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo được phân chia giữa các học kỳ tương đối hợp lý và phù hợp nhằm phát huy được tối đa năng lực của người học. Thêm vào đó từ năm thứ 3 người học được chọn chuyên ngành hẹp trong ngành CNTT với những kiến thức phù hợp với chuyên ngành, điều này giúp cho người học phát huy được sở trường, sở thích của mình nhất, từ đó định hướng đúng đắn cho nghề nghiệp sau này. Đồng thời hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau giúp cho Khoa, giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời tình hình học tập của người học từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời nhằm giúp đỡ tối đa cho người học.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh các điểm mạnh, cũng tồn tại một số điểm như sau: (1) Một số học phần thuộc khối kiến thức chung chưa bố trí hợp lý về thời lượng giảng dạy và được bố trí ở năm nhất, điều này làm giảm đi ít nhiều hưng phấn của người học ngay từ khi mới vào nhập học; (2) Cơ sở hạ tầng CNTT còn nhiều hạn chế, bên cạnh đó việc quản lý bằng hệ thống phần mềm đôi khi còn nhiều vấn đề chưa kịp đáp ứng nhu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo, giám sát, theo dõi người học.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, từ những điểm tồn tại trên, Khoa sẽ phối hợp với Trường cân đối, sắp xếp lại CTĐT phù hợp, tạo hứng thú hơn, phát huy hơn năng lực của người học ngay từ khi mới vào học. Đồng thời các kế hoạch đào tạo, CTĐT, các quy chế kiểm tra đánh giá sẽ được phổ biến thường xuyên kịp thời tới người học. Bên cạnh đó đề xuất cải thiện, cập nhật thường xuyên hệ thống phần mềm đào tạo, quản lý, đánh giá, giám sát nhằm thuận tiện hơn cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học được tiến hành liên tục và hiệu quả trong suốt quá trình học tập của sinh viên tại Trường ĐHQN.

Nhà trường đã thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp [H8.08.04.01]. Thông qua trung tâm này, Nhà trường thường xuyên tổ chức các ngày hội việc làm, mời các doanh nghiệp tham gia giới thiệu cho sinh viên những vị trí và cơ hội việc làm. Một số hoạt động tiêu biểu có thể kể đến như: các chương trình Định hướng nghề nghiệp và cơ hội việc làm cho sinh viên, các khóa học ngắn hạn, Ngày hội công nghệ 2019 (TMA Solutions), Hội thảo Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo [H8.08.04.02].

Phòng Công tác chính trị - sinh viên của Nhà trường có hai chức năng nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện các công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong sinh viên và công tác quản lý sinh viên [H8.08.04.03]. Trong đó, về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong sinh viên, Phòng thực hiện tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nội quy, qui định của ngành và của trường đến sinh viên, giúp sinh viên không chỉ hoàn thiện nhiệm vụ học tập mà còn không ngừng tu dưỡng về phẩm chất đạo đức, để trở thành người sinh viên ưu tú vừa hồng vừa chuyên, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của xã hội trong giai đoạn hiện nay. Về công tác quản lý sinh viên, Phòng thực hiện việc tiếp nhận sinh viên khóa mới; thực hiện chế độ chính sách cho sinh viên về vay vốn, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội; Tiến hành, đánh giá kết quả rèn luyện, xét khen thưởng, học bổng theo định kì (học kì I, II, năm học); tổ chức Đại hội Biểu dương Sinh viên tiêu biểu. Xét học bổng từ các nguồn tài trợ của các cơ quan, doanh nghiệp; Tổ chức các công tác hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ - Thể thao trong sinh viên [H8.08.04.04].

Đặc biệt, để nắm bắt và hỗ trợ kịp thời các vấn đề về học tập cho sinh viên còn có Ban chủ nhiệm Khoa và hệ thống cố vấn học tập các lớp. Trường và Khoa giao nhiệm vụ cho các cố vấn học tập chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho sinh viên, phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Công tác cố vấn học tập được phân công và triển khai ngay từ đầu các năm học [H8.08.04.05], [H8.08.04.06],

[H8.08.04.07]. Cố vấn học tập là những giảng viên có kinh nghiệm, hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên các vấn đề liên quan đến học tập như việc lựa chọn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập... Định kì mỗi tháng một lần, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp, trong đó thông tin cụ thể đến sinh viên tình hình hoạt động của Nhà trường, phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của người học **[H8.08.04.08]**. Bên cạnh đó, Khoa còn thành lập Quỹ khuyến học, giúp hỗ trợ các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, những sinh viên đạt kết quả tốt trong học tập và rèn luyện. Vào đầu mỗi năm học, Quỹ thường dành một khoản kinh phí trao học bổng cho các tân sinh viên có kết quả trúng tuyển cao hoặc hoàn cảnh khó khăn **[H8.08.04.09]**.

Ngoài các tổ chức như Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Công tác chính trị - sinh viên, Ban chủ nhiệm Khoa và hệ thống cố vấn học tập, sinh viên còn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ các tổ chức Đoàn thanh niên và Hội sinh viên **[H8.08.04.10]**. Đoàn – Hội các cấp thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và tình nguyện như: Chương trình quan sát nhật thực một phần, Ngày sách Việt Nam, Ngày hội khởi nghiệp, Hội thi sáng tạo kỹ thuật lần thứ XII, cuộc thi tiếng Anh “Star Awards”, cuộc thi ”Code war” (do FPT phối hợp tổ chức), ngày Chủ nhật xanh, Tình nguyện hè... **[H8.08.04.11]**. Đặc biệt, ở cấp Khoa, Liên chi đoàn và Liên chi hội thường xuyên phối hợp tổ chức các hoạt động thiết thực cho sinh viên Ngành CNTT nói riêng và Khoa CNTT nói chung. Đầu năm, Khoa cùng với Liên chi đoàn và Liên chi hội xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm học với các hoạt động tiêu biểu như: chương trình Chào tân sinh viên, các hoạt động chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam, giải bóng đá, cầu lông, các hoạt động chào mừng nhà Phụ nữ Việt Nam và Quốc tế phụ nữ, Ngày hội CNTT (IT Day) và chiến dịch tình nguyện hè **[H8.08.04.12]**. Trong đó, Ngày hội CNTT là một trong những hoạt động lớn với chuỗi các chương trình, cuộc thi như: cuộc thi Phần mềm sáng tạo, cuộc thi Lập trình là chuyện nhỏ, các trò chơi dân gian, văn nghệ, cuộc thi Rung chuông vàng. Các hoạt động trên được tổ chức nhằm phát triển các kỹ năng mềm, xây dựng một môi trường thân thiện, hòa đồng, tạo sự gắn kết giữa mỗi sinh viên với nhau, giữa sinh viên với Thầy/Cô, giữa lớp với lớp, giữa lớp với Khoa, Nhà trường... giúp hỗ trợ tích cực cho việc học tập của sinh viên. Từ đó, đào tạo nên những người vừa tốt chuyên môn, vừa có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội, giúp tăng cơ hội có việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Ngay từ lúc mới nhập học, sinh viên đã được Nhà trường và Khoa tổ chức đón tiếp và tư vấn rất chu đáo về các thủ tục nhập học, thông tin tổng quan về Trường và Khoa, về CTĐT, Quy định và Quy chế đào tạo, phương pháp hòa nhập với môi trường học tập mới thông qua Phương hướng, nhiệm vụ năm học của Nhà trường, Kế hoạch đón tiếp sinh viên đầu khóa của Nhà trường và của Khoa CNTT, Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của Nhà trường **[H8.08.04.12]**, **[H8.08.04.13]**, **[H8.08.04.14]**.

Giữa mỗi năm học, Nhà trường tổ chức đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của sinh viên về tất cả hệ thống quản lý của Nhà trường để có thể làm hài lòng người học. Về phía Khoa, Ban chủ nhiệm Khoa cũng tổ chức chương trình đối thoại với sinh viên nhằm ghi nhận những phản hồi từ sinh viên của Khoa, từ đó đưa ra những giải pháp hỗ trợ những khó khăn, vướng mắc của người học, tăng cường phát huy các điểm mạnh **[H8.08.04.15]**. Ngoài ra, thông qua các hòm thư góp ý, sinh viên có thể tham gia đóng góp ý kiến nhằm cải thiện các hoạt động hỗ trợ học tập cho sinh viên.

Vào năm thứ hai của chương trình học, sinh viên được Khoa đưa đi tham quan thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp có uy tín hoạt động trên lĩnh vực CNTT ở các thành phố lớn như Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Các công ty được lựa chọn kỹ lưỡng phủ hết các chuyên ngành sinh viên theo học. Chẳng hạn với chuyên ngành Mạng máy tính, sinh viên có thể đến thăm công ty KDDI, các công ty FPT Softwares, TMA Solutions phù hợp với các chuyên ngành Hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm và Khoa học máy tính **[H8.08.04.16]**. Hoạt động tham quan thực tế này sẽ giúp cho người học có cái nhìn, sự hiểu biết nhất định về môi trường làm việc sau khi ra trường. Cũng tại đây, sinh viên được giao lưu, nghe chia sẻ kinh nghiệm từ các cán bộ, nhân viên trong công ty, đồng thời nắm bắt những thông tin tuyển dụng. Điều đó giúp tạo động lực cho người học sau khi quay về trường, và là cơ sở để người học lập kế hoạch cho lộ trình học tập cũng như những dự kiến sau khi tốt nghiệp.

Trong quá trình học tập ở các năm cuối, sinh viên luôn được Khoa cung cấp đầy đủ thông tin về các mẫu báo cáo thực tập, thực tế, khóa luận tốt nghiệp. Trong năm học cuối, sinh viên ngành CNTT sẽ được bố trí thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực CNTT ở Quy Nhơn và các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Các cơ quan, doanh nghiệp có uy tín, môi trường làm việc tốt, chất lượng luôn được Khoa kết nối, lựa chọn làm nơi thực tập cho sinh viên như FPT Softwares, TMA Solutions, Fujinet Systems... Trong quá trình thực tập, Khoa cử giảng viên có kinh nghiệm để hỗ trợ, tư vấn và kiểm tra tình hình thực tập của sinh viên **[H8.08.04.17]**.

Thông qua hoạt động thực tập, sinh viên sẽ được tiếp xúc, trải nghiệm thực tế, và học hỏi được nhiều kỹ năng quan trọng liên quan đến nghề nghiệp sau này. Cũng trong năm học cuối này, những viên khá giỏi ngành CNTT sẽ được xét và hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp theo Quy định đào tạo của Trường ĐHQN. Trong thời gian làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên được tiếp xúc và tập làm nghiên cứu với các giảng viên giàu kinh nghiệm nghiên cứu, bước đầu giúp các em có những kỹ năng và niềm đam mê trong nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh các hoạt động học tập theo chương trình đào tạo, sinh viên khá giỏi còn có cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên hàng năm. Đây là hoạt động hỗ trợ nhằm giúp các em làm quen với nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề để các em có thể học lên các bậc học cao hơn sau khi tốt nghiệp đại học.

2. Điểm mạnh

Ban chủ nhiệm Khoa, trợ lý Khoa và cố vấn học tập thường xuyên hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho sinh viên trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập.

Môi trường sinh hoạt lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kỹ năng mềm trong học tập và trong cuộc sống.

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện dưới nhiều hình thức giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm trước khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên còn chưa tích cực, chủ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa.

Sinh viên chưa chủ động tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi học thuật.

Việc tham gia các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi phân bố không đều ở các sinh viên. Các sinh viên học tập tốt thường quan tâm tới các cuộc thi học thuật như Code war, Lập trình là chuyện nhỏ, Phần mềm sáng tạo nhưng lại ít tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao; ngược lại một số sinh viên tham gia tích cực các hoạt động văn nghệ, thể thao lại ít tham gia các hoạt động học thuật.

4. Kế hoạch hành động

Để cải tiến những tồn tại nêu trên, trong năm học 2020-2021, Khoa sẽ thực hiện các giải pháp sau:

(i). Tăng cường khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học thông qua kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài: từ Trường, Khoa, Quỹ khuyến học;

(ii). Tăng cường các hoạt động ngoại khóa phù hợp để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên;

(iii). Xây dựng tốt kênh liên lạc với các lớp đã ra trường, đặc biệt là ban cán sự lớp để thực hiện khảo sát tình trạng có việc làm của người học tốt nghiệp hằng năm.

(iv). Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ với doanh nghiệp cần tăng cường liên kết với nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Khuôn viên của Trường ĐHQN gồm có các khu vực: Khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm; Khu làm việc hành chính; Khu ký túc xá sinh viên và Khu thư viện. Không gian của Trường rất thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, vườn hoa, tượng đài, ghế đá, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân cầu lông, hội trường và nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng. Sơ đồ các khu vực trong Trường rất rõ ràng và được công bố rộng rãi trên website của Trường và trên các pano, áp phích đặt trong khuôn viên của Trường nhằm tạo sự thuận tiện cho sinh viên khi di chuyển trong khuôn viên Trường [H8.08.05.01].

Các giảng đường, hội trường, nhà luyện tập thể dục thể thao luôn được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp. Nhà trường cũng chú trọng đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học. Thư viện của Trường được trang bị nhiều sách giáo trình và tài liệu phục vụ người học. Ký túc xá sinh viên có sức chứa hơn 3000 chỗ ở, được trang bị wi-fi, nước máy và luôn đảm bảo tốt vấn đề an ninh. Các dịch vụ giữ xe, nhà ăn, căn tin, văn phòng phẩm, photocopy được Nhà trường tổ chức đấu thầu với giá cả hợp lý, chất lượng phục vụ tốt. Các khu nhà chức năng được bố trí phù hợp, tiện lợi cho sinh viên trong học tập và sinh hoạt.

Văn phòng Khoa CNTT được đặt ở tầng 10, tòa nhà 15 tầng, một vị trí thoáng mát và đẹp. Từ Văn phòng Khoa, có thể nhìn thấy toàn bộ cảnh quan bờ biển dài và công viên với nhiều cây xanh ở phía trước cổng Trường. Cảnh quan này tạo không khí thoải mái và dễ chịu cho sinh viên và khách đến liên hệ làm việc với Khoa. Bên cạnh Văn phòng Khoa, còn có phòng họp riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt

chuyên môn, họp Tổ bộ môn và các hoạt động nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, các phòng nghiên cứu Dữ liệu lớn, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên cũng là nơi các giảng viên và sinh viên học tập, nghiên cứu, làm việc trên một số lĩnh vực quan trọng, trong xu thế phát triển hiện đại của ngành CNTT.

Để chuẩn bị tốt cho hoạt động học tập, Trường ĐHQN chú trọng đến việc chăm sóc sức khỏe cho sinh viên thông qua các hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên mới nhập học. Trường cũng tổ chức các chương trình tư vấn, chia sẻ kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho các sinh viên nữ [H8.08.05.02].

Trường ĐHQN đã ban hành Quy tắc ứng xử trong Nhà trường, trong đó nhấn mạnh đến quan hệ ứng xử của công chức, viên chức, người lao động trong Nhà trường; quan hệ ứng xử của người học nhằm tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, hợp tác, trách nhiệm, cởi mở, trung thực, văn minh trong nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Nhà trường cũng đã ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy thư viện và nội quy ký túc xá [H8.08.05.03].

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm ở các nhà ăn trong Trường cũng được chú trọng và thường xuyên quan tâm [H8.08.05.04]. Công tác phòng chống cháy nổ cũng được chú trọng đầu tư [H8.08.05.05]. Công tác bảo đảm an ninh trong Trường và trong khu vực cũng được Nhà trường phối hợp với các cơ quan an ninh của khu vực thực hiện nghiêm túc [H8.08.05.06].

Bên cạnh việc học tập, Trường và Khoa còn quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Các giảng viên Khoa CNTT luôn nhiệt tình, thân thiện, và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động, các cuộc thi học thuật.

Nhà trường, Khoa và Đoàn Hội các cấp thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, các cuộc thi bổ ích để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho sinh viên, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng sinh viên trong [H8.08.05.07]. Chẳng hạn, Giải bóng đá truyền thống Khoa CNTT, Giải cầu lông, Cuộc thi văn nghệ chào mừng Ngày nhà giáo Việt Nam, Hội thi nấu ăn, các cuộc thi Ngày hội CNTT, được tổ chức hằng năm luôn tạo được sự thu hút và tham gia của đông đảo sinh viên trong Khoa.

2. Điểm mạnh

Với cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại, Trường ĐHQN luôn đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, sinh hoạt và rèn luyện của người học.

Trong môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp, sinh viên được phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường có hệ thống sân tập và chơi thể thao rất đa dạng cho sinh viên, tuy nhiên, chưa có nơi sinh hoạt văn hóa – văn nghệ. Sinh viên thường tập luyện văn nghệ ở các nơi như giảng đường, hành lang... có thể ảnh hưởng đến các lớp học vào buổi tối.

Sinh viên chưa có nơi học tập ngoài giờ. Hiện sinh viên còn tranh thủ học ở các phòng học trống. Thư viện chưa thu hút được sinh viên đến học tập và nghiên cứu.

Một số nhà vệ sinh chưa đảm bảo. Một số sinh viên chưa có ý thức giữ gìn vệ sinh chung ở các nơi như: phòng thực hành, phòng học, nhà vệ sinh.

4. Kế hoạch hành động

Khoa xây dựng quy chế nề nếp cho sinh viên, nhắc nhở đến sinh viên trong việc giữ gìn vệ sinh chung.

Kiến nghị lên Trường xây dựng các khu sinh hoạt văn hóa – văn nghệ, học tập ngoài giờ, nâng cấp thư viện cho khang trang, cảnh quan hấp dẫn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trong những năm qua, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được Khoa Công nghệ thông tin xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo của Khoa. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công bố công khai, và cập nhật thường xuyên theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đã được Nhà trường phối hợp với Khoa xây dựng và công bố công khai. Khối lượng học tập được phân bổ hợp lý giữa các năm giúp người học có thể tiếp thu tốt nhất các kiến thức, kỹ năng,...trong chương trình đào tạo.

Nhà trường đã có sự đầu tư đáng kể vào cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Giảng đường, thư viện, hội trường, nhà luyện tập thể dục thể thao, KTX,... được xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập, sinh hoạt, và các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của sinh viên. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Trường xanh sạch đẹp đã tạo tâm lý thoải mái, an toàn cho

người học, góp phần phát huy sự sáng tạo của người học. Nhiều hoạt động ngoại khóa được tổ chức, qua đó góp phần giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh và hình thành những kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên.

Trong những năm học tới, Khoa cần có những chiến lược phát huy hơn nữa kết quả đã đạt được trong các tiêu chí của Tiêu chuẩn 8. Khoa cũng sẽ thực hiện các giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được nâng cao, góp phần vào sự lớn mạnh của Khoa.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Công nghệ thông tin đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 03 tiêu chí đạt mức 4/7 và 02 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Mở đầu

Trường ĐHQN có tổng diện tích sử dụng là 240.112m², bao gồm 01 trụ sở chính với diện tích 130.610m² tại 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn và 01 Khu thực nghiệm với diện tích 109.502m² nằm ở xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Nhà trường nói chung và Khoa Công nghệ thông tin nói riêng luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng... Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo, đề cương bài giảng và các loại tạp chí; hệ thống mạng internet được kết nối toàn trường, các phần mềm quản lý đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng. Cảnh quan môi trường trong khuôn viên trường luôn được giữ xanh, sạch, đẹp; các vấn đề an toàn, vệ sinh, an ninh, trật tự luôn được đảm bảo; các sân bóng, nhà thi đấu được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ tốt các hoạt động thể dục, thể thao.

Trong những năm gần đây, Nhà trường tập trung đầu tư, cải tạo, tu bổ các khu giảng đường, thư viện, khu làm việc hành chính, khu rèn luyện thể dục, thể thao,...; chú trọng cải tiến, nâng cấp các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu; cải tạo cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe, trật tự, an ninh, an toàn cho cán bộ, giảng viên, viên chức và người học.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu theo quy định hiện hành. Văn phòng Khoa Công nghệ Thông tin và phòng sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn được Nhà trường bố trí tại phòng 10.7 và 10.8 tầng 10 của nhà 15 tầng [H9.09.01.01]. Văn phòng khoa và phòng sinh hoạt chuyên môn được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ đựng tài liệu, máy tính với các phần mềm quản lý, máy in, máy chiếu, internet và các thiết bị ánh sáng, hệ thống làm mát phù hợp để phục vụ các hoạt động quản lý đào tạo, nghiên cứu và trao đổi khoa học với các nhà khoa học trong nước và quốc tế [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05], [H9.09.01.06], [H9.09.01.07].

Nhà trường có 6 khu giảng đường: A1, A2, A3, A5, A8 và nhà 4 tầng với 144 phòng học có tổng diện tích sàn xây dựng là 25.748m², trong đó có 30 phòng học có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ ngồi, 101 phòng học có sức chứa từ 50 đến 100 chỗ ngồi, 13 phòng học có sức chứa dưới 50 chỗ ngồi [H9.09.01.08], có 2 phòng học tương tác thông minh tại giảng đường A1 [H9.09.01.09]. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, tivi, bảng đen và có hệ thống điện chiếu sáng, quạt thông gió, Internet không dây,... đảm bảo phục vụ tốt nhất hoạt động giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên [H9.09.01.10], [H9.09.01.11]. Sinh viên Khoa Công nghệ thông tin sử dụng các phòng học, các phòng thực hành ở các giảng đường và Khu thực hành Công nghệ thông tin theo bố trí của phòng Đào tạo Đại học [H9.09.01.02], [H9.09.01.12].

Nhà trường có 04 phòng hội thảo và 03 hội trường lớn được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và hệ thống internet [H9.09.01.01], [H9.09.01.06], [H9.09.01.08]. Phòng đọc tại Trung tâm Thông tin tư liệu có 700 chỗ ngồi với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu của cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.01.03], [H9.09.01.06], [H9.09.01.08], [H9.09.01.13].

Hàng năm, Nhà trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ, giảng viên, viên chức và người học về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng [H9.09.01.14]. Kết quả phản hồi là cơ sở để Nhà trường và Khoa điều chỉnh các

biện pháp quản lý, bổ sung trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp các phòng học, hội trường, thư viện,... nhằm đáp ứng các yêu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.01.15], [H9.09.01.16].

2. Điểm mạnh

Các phòng làm việc và phòng học và các phòng chức năng được trang bị các thiết bị phù hợp với yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên khoa Công nghệ thông tin.

Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ, kế hoạch sửa chữa và nâng cấp các trang thiết bị.

3. Điểm tồn tại

Các bộ môn của Khoa Công nghệ thông tin chưa được bố trí phòng làm việc riêng, do đó giảng viên phải sử dụng Văn phòng Khoa và phòng sinh hoạt chuyên môn để làm việc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Công nghệ thông tin đề nghị Nhà trường bố trí cho mỗi tổ bộ môn 01 phòng làm việc với các trang thiết bị phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Thư viện Trường Đại học Quy Nhơn là đơn vị tổ chức và quản lý các hoạt động thông tin - thư viện phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và học viên, sinh viên trong trường. Xác định các học liệu đóng vai trò quan trọng trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành Công nghệ thông tin nói riêng và của cả trường nói chung, nên trong các năm qua, trong nguồn lực hạn hẹp của mình, Nhà trường luôn có sự quan tâm, đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống thư viện nhằm cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

Thư viện tọa lạc trên khuôn viên phía Đông Nam của Trường, với tổng diện tích sàn xây dựng là 3.339 m², bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và dãy nhà trệt nằm liền kề. Thư viện có 1 phòng giáo trình, 2 phòng truy cập Internet với 60 máy tính

được nối mạng tốc độ cao, 12 phòng đọc với 700 chỗ bao gồm 2 phòng đọc mở, 1 phòng đọc thân thiện, 1 phòng mượn, 1 phòng seminar, 7 phòng tự học [H9.09.02.01]. Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, bao gồm chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu [H9.09.02.02], [H9.09.02.03].

Thư viện ban hành đầy đủ các quy định, nội quy sử dụng thư viện [H9.09.02.04]. Các nội dung này được thể hiện qua các bảng hướng dẫn, bảng thông báo gắn tại lối đi, hành lang, bên trong các phòng đọc, phòng truy cập Internet; được đăng tải đầy đủ trên website của đơn vị (<http://lib.qnu.edu.vn/thu-vien>); cũng như giới thiệu đầy đủ đến sinh viên ngay khi nhập học trong các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa. [H9.09.02.05] [H9.09.02.06].

Thư viện mở cửa từ 7h00 sáng đến 17h00 chiều, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và người học khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu. Hàng năm, số lượt bạn đọc đến Thư viện tại các phòng truy cập Internet cũng như các phòng đọc, phòng mượn của Thư viện đều được thống kê, quản lý [H9.09.02.07]. Ngoài ra, để khuyến khích và phát triển văn hóa đọc trong sinh viên, Thư viện phối hợp với Hội sinh viên Trường định kỳ tổ chức “Ngày sách Việt Nam” qua các năm 2015, 2017, 2019 [H9.09.02.08].

Hiện tại, Thư viện đang phục vụ gần 30.000 đầu sách (gồm sách Việt văn và Ngoại văn), hơn 2.500 luận văn, luận án, đồ án các loại, gần 100 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài, hơn 500 tài liệu giảng dạy các học phần [H9.09.02.09]. Giảng viên, người học và sinh viên có thể tra cứu thông tin, mã các tài liệu bằng các hệ thống phần mềm chuyên biệt được cài đặt sẵn trong các máy tính đặt tại các kho phòng, hoặc tại 2 phòng truy cập mạng [H9.09.02.10]. Trong những năm gần đây, Thư viện thường xuyên đề xuất, lập kế hoạch dự toán mua, bổ sung, cập nhật và đa dạng hóa các loại sách, giáo trình, báo, tạp chí, tài liệu nhằm đáp ứng nhu cầu và yêu cầu ngày càng tăng của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên, học viên và sinh viên Nhà trường [H9.09.02.11], [H9.09.02.12]. Đồng thời hàng năm, khoa Công nghệ thông tin đều xác định danh mục tài liệu bổ sung cho từng môn học, từng chuyên ngành đào tạo, và đề nghị Thư viện mua, bổ sung [H9.09.02.13], [H9.09.02.14], [H9.09.02.15]. Nhờ đó nguồn tài liệu, học liệu trong Thư viện về ngành Công nghệ thông tin luôn được bổ sung, cập nhật, cơ bản đáp ứng được hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Công nghệ thông tin [H9.09.02.16].

Nguồn tài liệu điện tử cũng được Thư viện chú trọng xây dựng và phát triển. Hiện tại, Thư viện đã ký thỏa thuận hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử; tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt

Nam [H9.09.02.17]. Thư viện cũng đã mua quyền truy cập và khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung như: Cơ sở dữ liệu MathSciNet (do American Mathematical Society phát hành), Cơ sở dữ liệu ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH & CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu) [H9.09.02.18]. Ngoài ra, Thư viện cũng mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến [H9.09.02.19]. Đây là các nguồn học liệu quan trọng và rất cần thiết cho giảng viên, học viên, sinh viên thực hiện nghiên cứu khoa học.

Hàng năm, Thư viện đều tiến hành khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc [H9.09.02.20]. Nội dung khảo sát tập trung vào việc đánh giá mức độ đầy đủ, phong phú của nguồn sách báo, tài liệu; về thái độ, tinh thần phục vụ của các nhân viên; về mức độ đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Thư viện. Kết quả các cuộc khảo sát cho thấy nhìn chung hơn 65% số lượng bạn đọc đánh giá thư viện có đủ không gian cho học tập và tra cứu tài liệu, đáp ứng đủ tài liệu [H9.09.02.21]; trong đó trên 50% giảng viên, người học, sinh viên cảm thấy hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện và các nguồn học liệu dành cho ngành Công nghệ thông tin; đa số các chuyên ngành đào tạo của ngành đều có đủ nguồn tài liệu để phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu [H9.09.02.22]. Các kết quả khảo sát này giúp Trường và Thư viện đề ra nhiều giải pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ [H9.09.02.23].

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, được bổ sung, cập nhật hàng năm để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và Khoa Công nghệ thông tin.

Thư viện có các nguồn cơ sở dữ liệu khá tốt về học liệu điện tử phục vụ nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động và cách quản lý của Thư viện chưa thật sự theo hướng hiện đại, nên đã hạn chế nhiều đến năng lực khai thác kho học liệu hiện có, cũng như khả năng mở rộng các nguồn học liệu này theo hướng số hóa. Công tác thống kê cũng gặp nhiều khó khăn do không có các hệ thống tự động.

Nguồn học liệu, giáo trình tiếng nước ngoài của khoa Công nghệ thông tin chưa nhiều, nên đã hạn chế khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của giảng viên trong khoa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề nghị Nhà trường triển khai dự án xây dựng thư viện điện tử, phát triển kho tài nguyên số. Tiếp tục mua và bổ sung những đầu sách trong nước và nước ngoài mới xuất bản, đăng ký thêm các cơ sở dữ liệu về CNTT để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHQN đã xây dựng riêng một Khu thực hành Công nghệ thông tin tại tòa nhà 4 tầng với hệ thống phòng thực hành máy tính có trang thiết bị đầy đủ phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Sinh viên ngành Công nghệ thông tin được sử dụng 10 phòng thực hành máy tính tại khu này với hơn 700 máy tính [H9.09.03.01]. Tại mỗi phòng thực hành đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu và có hệ thống điện chiếu sáng, quạt, máy điều hòa, kết nối mạng internet phục vụ tốt nhất nhu cầu thực hành thực nghiệm của sinh viên ngành Công nghệ thông tin [H9.09.03.02]. Phòng thực hành và các trang thiết bị trong phòng thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, cập nhật, bổ sung để phục vụ tốt cho người học.

Nhà trường đã thành lập tổ bảo trì, bảo dưỡng và bố trí chuyên viên phụ trách, ban hành quy định, hướng dẫn sử dụng phòng thực hành tin học, sổ ghi lịch thực hành [H9.09.03.03]. Định kỳ, hàng năm Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng, triển khai khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu của sinh viên, giảng viên về trang thiết bị và chất lượng phục vụ của phòng thực hành tin học [H9.09.03.04], [H9.09.03.05], từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng.

2. Điểm mạnh

Các phòng thực hành tin học được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của sinh viên.

Các thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người học.

3. Điểm tồn tại

Các trang thiết bị thực hành chỉ mới đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên, chưa có phòng máy tính phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Công nghệ thông tin đề nghị Nhà trường đầu tư xây dựng thêm phòng thực hành về mạng máy tính, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên thuộc chuyên ngành mạng máy tính.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường bao gồm: hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, mạng internet, trang thông tin điện tử... đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Nhà trường hiện có 10 phòng máy tính tại nhà 4 tầng với hơn 700 máy tính có kết nối đường truyền internet riêng, 1 phòng máy chủ dùng để quản trị hệ thống cho các phòng máy này, đảm bảo 100% sinh viên có máy tính để thực hành; tại mỗi phòng thực hành các máy tính đã được cài đặt các phần mềm phù hợp và được cập nhật phần mềm thường xuyên nhằm đáp ứng phù hợp với chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin [H9.09.04.01]; 02 phòng máy tính tại Trung tâm Thông tin tư liệu với 60 máy phục vụ nhu cầu khai thác tư liệu của sinh viên, 308 máy tính tại các phòng làm việc của các khoa, phòng và các đơn vị trực thuộc [H9.09.04.02], [H9.09.04.03]. Ngoài ra, các phòng học đều được trang bị máy chiếu, micro, loa để phục vụ học động giảng dạy [H9.09.04.04]. Nhà trường đã mua và sử dụng một số phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH như phần mềm kế toán Misa, phần mềm diệt vi-rút BKAV, phần mềm quản lý đào tạo,...[H9.09.04.05]. Toàn bộ các công nghệ thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động thông suốt [H9.09.04.06]. Quá trình sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin đều được ghi chép trong các sổ theo dõi [H9.09.04.07], [H9.09.04.08], [H9.09.04.09].

Nhà trường đã chú trọng đầu tư hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của cán bộ, giảng viên và sinh viên [H9.09.04.04]. Toàn trường hiện đang sử dụng 02 đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng Lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường [H9.09.04.09]; một đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website, Trung tâm Thông tin tư liệu hay các dịch vụ tiện ích

khác phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.04.09], [H9.09.04.10], [H9.09.04.13].

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin. Nhà trường đã hợp đồng với Công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện website của Trường, Khoa; hoàn thiện và đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo, tính thù lao giảng dạy (PMS), quản trị nhân sự (HRM), khảo sát ý kiến (eSurvey), quản lý tạp chí (JMS), dạy học trực tuyến (eLearning), quản lý tài sản, phần mềm Eoffice, phần mềm Microsoft Office 365 [H9.09.04.03], [H9.09.04.09], [H9.09.04.11], [H9.09.04.12], [H9.09.04.13].

Nhà trường đã cấp tài khoản email với tên miền @qnu.edu.vn cho tất cả cán bộ, giảng viên, viên chức [H9.09.04.14]. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính thông qua việc bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả [H9.09.04.05].

Bên cạnh đó, Khoa Công nghệ thông tin cũng có website của Khoa nhằm phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, giảng viên, và sinh viên [H9.09.04.15].

Mỗi năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên về hệ thống máy tính, phần mềm, website và các trang thiết bị tin học. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ, giảng viên, sinh viên hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [H9.09.04.16].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tăng cường đầu tư hiện đại hóa hạ tầng cho công nghệ thông tin, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Khi có sự cố về máy tính, về mạng internet, cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên luôn được nhân viên kỹ thuật hỗ trợ kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Một số phần mềm được cài đặt tại các phòng thực hành là các phần mềm không có bản quyền.

Chất lượng wifi ở một số khu vực chưa được đảm bảo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề nghị Nhà trường đầu tư mua bản quyền một số phần mềm phù hợp, tiến hành triển khai việc cấp tài khoản cá nhân cho giảng viên,

tạo điều kiện thuận lợi cho việc cập nhật thông tin cá nhân, đồng thời, khi cần có thể truy xuất dữ liệu bài báo, công trình, quá trình công tác,... một cách nhanh chóng và chính xác. Bên cạnh đó, Khoa đề nghị Nhà trường nâng cấp chất lượng wifi ở các khu vực còn yếu.

5. *Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.*

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Với quy mô hơn 14000 sinh viên, học viên, hơn 750 công chức, viên chức, người lao động, Trường Đại học Quy Nhơn là một cơ quan thường xuyên có một lượng lớn người học tập và làm việc. Vì vậy, công tác đảm bảo an toàn, an ninh, môi trường và sức khỏe luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, các quy định của Chính phủ và các bộ ngành liên quan về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn [H9.09.05.01], Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản, quy định về nội quy, quy chế về môi trường, an ninh, an toàn, vệ sinh trong giảng đường, ký túc xá, phòng thí nghiệm thực hành,... [H9.09.05.02]. Nhà trường cũng đã lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đã được UBND Tỉnh Bình Định phê duyệt [H9.09.05.03].

Môi trường, cảnh quan của Trường ĐHQN luôn xanh, sạch, đẹp, và an toàn. Cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ được trồng và chăm sóc chu đáo nhằm tạo không gian thoáng mát, trong lành. Nước thải, rác thải thông thường cũng như rác thải nguy hại trong Nhà trường được thu gom, vận chuyển và xử lý bởi các đơn vị chuyên nghiệp trên địa bàn thành phố, như Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn, Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh [H9.09.05.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ký hợp đồng với Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật và môi trường Trung Việt tiến hành quan trắc môi trường trong khu vực Nhà trường, và có báo cáo thường xuyên với cơ quan chức năng về quản lý chất thải nguy hại trong Trường [H9.09.05.05], [H9.09.05.06].

Hàng năm, Bộ phận y tế Trường phối hợp với các bệnh viện, cơ sở khám bệnh trên địa bàn thành phố, định kỳ khám sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, nữ sinh viên [H9.09.05.07] [H9.09.05.08] [H9.09.05.09]. Đặc biệt, những SV khuyết tật luôn được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần, được tạo điều kiện ở KTX tầng 1, được khám sức khỏe theo nhu cầu [H9.09.05.10]. Từ đó, Nhà trường có các kế hoạch và biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác y tế, giáo dục thể chất, thể thao trong Nhà trường [H9.09.05.11].

Để đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm tại các căn tin trong Trường, trạm y tế Trường phối hợp với Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Định thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại các căn tin, nhà ăn trong khuôn viên Trường **[H9.09.05.12]**. Ngoài ra, để phòng chống các bệnh truyền nhiễm từ muỗi, và các dịch bệnh nguy hiểm khác như Covid-19, Nhà trường phối hợp với các Sở Y tế tỉnh và các cơ quan liên quan tiến hành phun thuốc, khử trùng toàn bộ các khu vực giảng đường, KTX, khu văn phòng,... **[H9.09.05.13]**.

Để đảm bảo an toàn tài sản, tính mạng của con người, Nhà trường ban hành đầy đủ các nội quy, quy chế ở giảng đường, KTX, các phương án PCCC, các Quy định về an toàn trong phòng thực hành thí nghiệm, các nội quy PCCC, cung cấp các thiết bị PCCC tại KTX, các khu giảng đường, khu thí nghiệm... **[H9.09.05.14]**. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo và Đội phòng cháy chữa cháy của trường, phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ **[H9.09.05.15]**.

Đội bảo vệ của Nhà trường được quy định nhiệm vụ cụ thể, có đủ số lượng và công cụ có thể đảm trách tốt công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường **[H9.09.05.16]**. Lực lượng bảo vệ này có trách nhiệm trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết **[H9.09.05.17]**. Nhà trường cũng đã ban hành Quy ước Xây dựng nhà trường an toàn về an ninh trật tự và hoạt động của mô hình “Đội tự phòng, tự quản, tự bảo vệ về an ninh trật tự Ký túc xá”, nhằm đảm bảo an toàn về an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong KTX và trong Trường **[H9.09.05.18]**. Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra, báo cáo công tác bảo vệ an ninh trật tự nội trú trong KTX, Nhà trường cũng đã có quy chế phối hợp với Công an các phường trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, đặc biệt là các phường gần trường, có đông sinh viên lưu trú, thành lập các đoàn phối hợp kiểm tra công tác ngoại trú hàng năm, nhằm quản lý chặt chẽ và đảm bảo công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong và ngoài trường **[H9.09.05.19]**, **[H9.09.05.20]**, **[H9.09.05.21]**.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của cán bộ, giảng viên và sinh viên về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự, hỗ trợ ý tế **[H9.09.05.22]**. Kết quả cho thấy chỉ có 6.8% người được hỏi không hài lòng về sự đáp ứng của phòng y tế, và có trên 68% người được hỏi hài lòng về tiêu chí này. Đây là một cơ sở quan trọng để Nhà trường tiếp tục nghiên cứu, lên kế hoạch, sắp xếp nguồn vốn để đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường ngày càng đẹp, cán bộ, giảng viên,

viên chức và người học được làm việc, học tập và nghiên cứu trong môi trường an toàn, văn hóa.

2. Điểm mạnh

Nhà trường rất quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB và SV; khuôn viên Nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp, tạo môi trường tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Định kỳ Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, phun thuốc tẩy trùng và diệt côn trùng.

3. Điểm tồn tại

Đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở sự bố trí KTX tầng 1 và một số khu vực chính của Trường mà chưa được mở rộng.

Việc khảo sát thu thập các thông tin phản hồi về chất lượng công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường của cán bộ và giảng viên được tiến hành nhưng chưa thường xuyên.

Một số khu vực của Nhà trường còn thiếu cây xanh.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 - 2021, Nhà trường triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật; tăng cường giáo dục ý thức xây dựng, bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa; đồng thời đầu tư sửa chữa, nâng cấp KTX, có biện pháp đổi mới cách quản lý KTX, tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn ở cho SV.

Nhà trường tiếp tục thực hiện theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết, gìn giữ và phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp; trồng thêm cây xanh; tiếp tục thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ và nhân viên tập huấn nghiệp vụ PCCC, đảm bảo an ninh, an toàn trong toàn trường.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường ĐHQN nói chung và Khoa Công nghệ thông tin nói riêng có hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên, học viên, sinh viên. Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp; phòng thực hành được trang bị các thiết bị khá hiện đại; thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo hỗ trợ tốt các nhu

cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên rèn luyện sức khỏe. Công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được Nhà trường quan tâm. Cán bộ, giảng viên, sinh viên được làm việc, nghiên cứu, học tập trong không gian xanh, sạch, đẹp, trật tự và an toàn. Hiệu quả của công tác quản lý và khai thác, sử dụng cơ sở vật chất và các trang thiết bị ngày càng cao. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại về cơ sở vật chất và trang thiết bị mà Nhà trường và Khoa cần khắc phục trong những năm học tới.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.

Mở đầu

Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn được xác định đến năm 2030 sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế. Do vậy, Nhà trường rất chú trọng việc nâng cao chất lượng ở các ngành đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà quản lý, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả

CTĐT ngành CNTT được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu xã hội. Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và của Trường Đại học Quy Nhơn (ĐHQN), CTĐT ngành CNTT được định kỳ điều chỉnh 2 năm/lần. Từ năm 2015 đến năm 2020 Nhà trường đã tiến hành 2 lần cập nhật, điều chỉnh CTĐT ngành CNTT [H10.10.01.01]. Quá trình điều chỉnh CTĐT đều được thực hiện dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học [H10.10.01.02].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, giảng viên (GV), chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu sinh viên (SV) và SV đang học tập tại trường,

được Khoa sử dụng trong quá trình thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành CNTT. Trên cơ sở Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm, Nhà trường tiến hành các loại khảo sát, xác định đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin và báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.01.03]. Việc thu thập ý kiến phản hồi (YKPH) của các bên liên quan gồm: nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại; tổ chức hội thảo,... theo quy định của Nhà trường, cụ thể:

Đối với SV đang học, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát YKPH của tất cả SV về hoạt động giảng dạy học phần của GV [H10.10.01.04] và của sinh viên năm cuối về CTĐT [H10.10.01.05] trên phần mềm khảo sát trực tuyến thông qua tài khoản cá nhân của SV [H10.10.01.06], [H10.10.01.07].

Đối với cựu SV, Khoa xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV bằng các công cụ mạng xã hội. YKPH về CTĐT của cựu SV được Khoa thu thập thông qua fanpage và nhóm Facebook cựu SV của Khoa [H10.10.01.08].

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT, bên cạnh các ý kiến của các chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý và GV trong các bộ môn [H10.10.01.09], Khoa tiến hành thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV bằng nhiều hình thức: gửi phiếu khảo sát trực tiếp, qua email hoặc phỏng vấn qua điện thoại [H10.10.01.10]; tổ chức các hội thảo về đào tạo gắn với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong các hội thảo này, đại diện các cơ sở thực tập - đồng thời là người sử dụng lao động đã, đang sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa hoặc tiếp nhận SV đang học của Khoa đến thực tập - đã nêu các ý kiến và trao đổi trực tiếp với lãnh đạo, GV và SV của Khoa về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H10.10.01.11]. Bên cạnh đó, hàng năm, theo quy định của Nhà trường khi kết thúc mỗi đợt thực tập, các cơ sở thực tập đều gửi nhận xét, đánh giá về CTĐT và năng lực SV để Khoa có cơ sở điều chỉnh CTĐT cho phù hợp thực tiễn [H10.10.01.12].

Trên cơ sở các YKPH của SV được Nhà trường tổng hợp và gửi tới các Khoa, kết hợp với các ý kiến trao đổi, góp ý và nhu cầu của các bên liên quan như các chuyên gia, CB quản lý, GV, cựu SV và nhà tuyển dụng, đồng thời tham khảo các CTĐT ngành CNTT của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước, Khoa đã thực hiện việc rà soát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng.

Khoa duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các doanh nghiệp, cơ sở thực tập trong cả nước và mạng lưới cựu SV. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao.

CTĐT ngành CNTT được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành CNTT chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp chủ yếu là khu vực miền Trung và miền Nam.

Nhà trường chưa có nhiều văn bản kí kết hợp tác với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiến hành khảo sát các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực CNTT trong cả nước. Trên cơ sở thông tin khảo sát Nhà trường tiến hành ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác phù hợp.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa tiếp tục hoàn thiện các kênh thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua các công cụ trực tuyến như website, email và mạng xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Trên cơ sở YKPH của các bên liên quan, CTĐT trình độ đại học ngành CNTT định kỳ 2 năm/lần được điều chỉnh và đánh giá tính phù hợp với nhu cầu xã hội. Theo giai đoạn 5 năm gần đây, CTĐT ngành CNTT đã được Khoa điều chỉnh, cập nhật vào năm 2015 và 2018 [H10.10.02.01], [H10.10.02.02].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường

[H10.10.02.03], [H10.10.02.04]. Trước tiên, Khoa tiến hành khảo sát YKPH của nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ quản lý, cựu SV và SV đối với CTĐT hiện hành. Bộ môn nghiên cứu đề xuất dự thảo CTĐT sửa đổi trên cơ sở tổng hợp các YKPH thu thập được và tham khảo CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước như: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Công nghệ Sydney **[H10.10.02.05]**. Sau đó, Hội đồng Khoa thảo luận để thống nhất bản dự thảo sửa đổi CTĐT. Bước tiếp theo Khoa tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản biện của nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành, cựu SV về các nội dung dự kiến chỉnh sửa trước khi thẩm định **[H10.10.02.06]**. Tiếp theo, Nhà trường lập hội đồng thẩm định nghiệm thu CTĐT sửa đổi, bổ sung và đề cương chi tiết học phần. Hội đồng có nhiệm vụ nhận xét, góp ý và đánh giá CTĐT **[H10.10.02.07]**. Sau khi thẩm định, Bộ môn tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng khoa học cấp Trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Nhà trường chính thức ban hành CTĐT sau khi điều chỉnh **[H10.10.02.08]**.

Kết quả sau quá trình điều chỉnh, CTĐT ngành CNTT được áp dụng từ năm 2015 đã có những thay đổi trong việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý hơn, tăng cường số tín chỉ cho các học phần chuyên ngành và các học phần thực hành, thực tập tại cơ sở. Những học phần không phù hợp đã được lược bỏ khỏi CTĐT. Chương trình được áp dụng từ 2019 cũng có sự điều chỉnh phù hợp hơn với xu thế tăng cường khối kiến thức chuyên ngành, giảm bớt khối kiến thức cơ sở ngành. Bên cạnh đó CTĐT được chỉnh sửa năm 2019 đã bổ sung thêm học phần phát triển kỹ năng mềm cho SV, tích hợp các học phần đồ án và cập nhật một số học phần mới theo xu hướng phát triển của công nghệ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh và phát triển CTĐT theo mô hình CDIO **[H10.10.02.09]**. Khoa CNTT đã ban hành CDR trình độ đại học cho ngành CNTT **[H10.10.02.10]**. Trên cơ sở CDR của CTĐT, Khoa tiến hành đánh giá việc thực hiện CDR trong việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần, giáo trình đáp ứng CDR mới. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, tính hiện đại, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT. Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến của GV và SV về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo CLĐT, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội **[H10.10.02.11]**.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH thường xuyên được đánh giá bởi các bên liên quan và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình chặt chẽ, thống nhất trong toàn trường. Nhà trường đã áp dụng phương pháp tiếp cận CDIO trong việc thiết kế và phát triển CTĐT.

3. Điểm tồn tại

CTDH chưa nhận được nhiều ý kiến xác đáng đánh giá của các chuyên gia trong lĩnh vực CNTT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa tăng cường tổ chức các buổi hội thảo mời các chuyên gia đóng góp ý kiến phản biện để cải tiến CTDH phù hợp với nhu cầu thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một khâu rất quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHQN nói chung và đào tạo ngành CNTT nói riêng. Nó là khâu cuối cùng, không chỉ có ý nghĩa đánh giá độ tin cậy kết quả học tập của quá trình dạy và học mà còn có tác dụng điều tiết trở lại hết sức mạnh mẽ đối với quá trình đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá không chỉ phản ánh năng lực học tập của SV mà còn phản ánh một phần phương pháp dạy học của GV, bởi vì kiểm tra, đánh giá gắn liền và quan hệ trực tiếp với việc đổi mới phương pháp dạy học của GV và đổi mới phương pháp học tập của SV.

Để đảm bảo đáp ứng mục tiêu đào tạo của Nhà trường và Khoa, quá trình dạy và học thường xuyên được rà soát thông qua các đợt khảo sát YKPH của SV về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV vào cuối mỗi học kỳ/1 năm học theo Quy định của Nhà trường [H10.10.03.01]. Theo đó, sau khi nhận được Kết quả khảo sát từ Phòng KT&ĐBCL, Trưởng Khoa tổ chức họp trao đổi với GV về các ý kiến đánh giá, góp ý của người học để có những điều chỉnh, cải tiến hoạt động giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thí nghiệm phù hợp.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường quy định rõ trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy

theo học chế tín chỉ và Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHQN [H10.10.03.02]. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Đề cương chi tiết của các học phần thể hiện rõ phương pháp kiểm tra đánh giá cũng như hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.03].

Bên cạnh đó, Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được Nhà trường xây dựng và công bố vào đầu mỗi năm học. Việc quản lý dữ liệu kiểm tra, đánh giá được thực hiện trên phần mềm tín chỉ UIS của trường, qua đó Nhà trường, Khoa, GV và SV đều có thể xem và theo dõi kế hoạch kiểm tra đánh giá theo từng học kỳ, năm học [H10.10.03.04].

Ngoài ra, căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học, Phòng Thanh tra – Pháp chế xây dựng kế hoạch thanh tra năm học nhằm rà soát kiểm tra công tác quản lý chất lượng trong quá trình dạy – học [H10.10.03.05]. Cuối mỗi năm học, Phòng Thanh tra - Pháp chế đều có báo cáo kết quả công tác thanh tra năm học để báo cáo thanh tra Bộ GD&ĐT, Hiệu trưởng và gửi về các đơn vị, phòng ban trong Trường [H10.10.03.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thành lập Ban tổ chức kỳ thi kết thúc học phần từng học kỳ nhằm tổ chức kỳ thi học phần theo đúng quy chế, quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.07]. Và sau khi kết thúc kỳ thi, Ban tổ chức kỳ thi phải báo cáo với Hiệu trưởng, để Hiệu trưởng và các đơn vị phòng ban liên quan trong Nhà trường kịp thời nhận ra những tồn tại, thiếu sót trong kỳ thi nhằm khắc phục trong các kỳ thi tiếp theo [H10.10.03.08]. Về phía Khoa, hoạt động giảng dạy của GV được báo cáo hàng tháng thông qua các cuộc họp của bộ môn. Qua đó, GV cần giải trình nếu việc giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV không đúng theo kế hoạch để Khoa kịp thời điều chỉnh.

Mặt khác, kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường thành lập Hội đồng tiến hành xét kết quả học tập cho sinh viên. Những SV bị cảnh báo 3 lần liên tiếp sẽ bị buộc thôi học. Đối với những SV bị cảnh báo dưới 3 lần Nhà trường, Khoa và CVHT sẽ có những biện pháp điều chỉnh, hỗ trợ kịp thời để giúp sinh viên tiến bộ [H10.10.03.09], [H10.10.03.10]. Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCL của Nhà trường hàng kỳ đều phối hợp với Khoa tiến hành lấy YKPH của người học về hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành CNTT đều được lấy ý kiến. Kết quả khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa

thông báo đến từng GV để kịp thời điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp [H10.10.03.11].

Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập, việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học cũng được Khoa và Nhà trường thực hiện thường xuyên. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV, sau đó trình Hội đồng xét kết quả rèn luyện của Trường để thông qua. Kết quả phân loại rèn luyện theo học kỳ và năm học là một trong những tiêu chuẩn bắt buộc để xét thi đua khen thưởng, học bổng tài trợ ngoài ngân sách, học tiếp hay dừng học... [H10.10.03.12].

Ngoài ra, hai năm một lần Khoa tổ chức hội thảo về công tác ĐBCL với nội dung bàn về việc đổi mới phương pháp dạy và học, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV. Đại diện các bên liên quan gồm doanh nghiệp, cựu SV, SV và các GV Khoa CNTT đều được mời tham gia hội thảo.

Tất cả các ý kiến phản hồi đều được Khoa tiếp thu để xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng của CTĐT [H10.10.03.13], [H10.10.03.14].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học các học phần trong CTĐT được rà soát và đánh giá thường xuyên theo từng kỳ học, đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá được định kỳ rà soát và điều chỉnh linh hoạt để đảm bảo tính tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT, đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy YKPH của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu, chưa có nhiều YKPH từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục, các cán bộ quản lý.

Các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của nhà trường, Khoa còn chưa đồng bộ, thống nhất.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa tăng cường việc lấy ý kiến của các doanh nghiệp, các chuyên gia giáo dục và các bên liên quan về công tác dạy học, đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với CDR của CTĐT.

Nhà trường và Khoa sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đến các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và cập nhật.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH, Nhà trường và Khoa CNTT luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Theo quy định của Nhà trường, NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả các viên chức giảng dạy [H10.10.04.01], [H10.10.04.02]. Hoạt động NCKH của GV và SV được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết sách tham khảo, hướng dẫn SV NCKH,...

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay các GV của Khoa đã thực hiện khoảng gần 20 đề tài khoa học từ cấp Trường đến cấp Bộ, công bố trên 40 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước [H10.10.04.03]. Trong các đề tài NCKH có nhiều đề tài được Khoa đưa vào ứng dụng trực tiếp trong hoạt động dạy và học của ngành CNTT [H10.10.04.04].

Công tác NCKH cho SV được thực hiện thường xuyên. Hàng năm, Nhà trường thông báo SV đăng ký đề tài NCKH. Các đề tài NCKH được Khoa xét duyệt, phù hợp với chuyên ngành và đáp ứng các yêu cầu liên quan đến việc dạy và học các học phần chuyên ngành CNTT, trong đó có một số đề tài NCKH của SV đạt giải thưởng SV NCKH [H10.10.04.05].

Tổng kết năm học, Nhà trường tổ chức tổng kết kinh nghiệm, phổ biến các kết quả nghiên cứu, đồng thời tuyên dương các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích trong hoạt động NCKH [H10.10.04.06]. Khoa cũng tổ chức các buổi seminar để áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV ngành CNTT [H10.10.04.07].

2. Điểm mạnh

Khoa CNTT đã xây dựng được phong trào NCKH trong toàn thể GV và SV. Các đề tài NCKH của GV có đều ở các cấp (cấp Trường, cấp Tỉnh và cấp Bộ). Hầu hết các GV có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ NCKH và nắm vững các phương pháp NCKH,

tạo điều kiện thuận lợi cho Khoa trong tổ chức và triển khai hoạt động NCKH. Một số đề tài NCKH đã có sự gắn kết chặt chẽ với chuyên ngành đào tạo và phục vụ công việc giảng dạy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học này được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các đề tài và bài báo khoa học của Khoa còn hạn chế. Các đề tài NCKH của Khoa CNTT chủ yếu là đề tài cấp Trường với nguồn kinh phí thấp. Chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế, chưa có đề tài phục vụ trực tiếp cải tiến việc dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa tạo điều kiện và khuyến khích các GV tham gia vào công tác NCKH, nâng cao chất lượng các đề tài bằng cách giảm tải giờ giảng dạy của GV. Khoa tăng cường tổ chức các buổi seminar để tổng kết kinh nghiệm, phổ biến các kết quả nghiên cứu để áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV ngành CNTT.

Năm học 2020-2021, Khoa xây dựng kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu, tập trung các nguồn lực, tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp; tăng cường liên kết với các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, doanh nghiệp đối tác... để có thể thực hiện các đề tài nghiên cứu nhằm cải tiến việc dạy và học với quy mô lớn, nâng cao chất lượng đề tài. Khoa cũng tăng cường các đề tài nghiên cứu về các công nghệ mới để ứng dụng cho việc dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Xác định công tác thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường. Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường xác định rõ nội dung của công tác này trong Kế hoạch ĐBCL giáo dục cấp trường hàng năm và quy định cụ thể trong văn bản Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường Đại học Quy Nhơn [H10.10.05.01]. Trong đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được Nhà trường giám sát, đánh giá thông qua

các đợt khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng CTĐT [H10.10.05.02]. SV sắp tốt nghiệp là người đã trải qua từ 4 - 4,5 năm học tập tại trường nên sự hài lòng và các ý kiến đóng góp của họ là cơ sở thiết thực và quan trọng đối với sự cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Kết quả khảo sát SV năm cuối năm học 2017 - 2018 cho thấy: tỷ lệ SV toàn trường rất hài lòng và hài lòng về các hoạt động hỗ trợ chiếm tỷ lệ 64,7% và tạm hài lòng chiếm 23,1% [H10.10.05.02].

Trong đó, tỷ lệ SV ngành CNTT rất hài lòng và hài lòng về các hoạt động hỗ trợ chiếm tỷ lệ 80% và tạm hài lòng chiếm 15% [H10.10.05.03] kết quả khảo sát sự hài lòng cùng với các ý kiến góp ý khác của SV năm cuối, Nhà trường/Khoa có những biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đáp ứng tốt hơn nhu cầu của SV.

Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của GV và SV các khóa về hoạt động hỗ trợ đào tạo định kỳ trong các đợt tự đánh giá cấp Trường hoặc cấp CTĐT để có được thông tin toàn diện hơn [H10.10.05.04]. Bên cạnh đó, hàng tháng Nhà trường duy trì chế độ sinh hoạt lớp thường xuyên. Trong các buổi sinh hoạt lớp này, các YKPH của SV về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích sẽ được ghi vào biên bản sinh hoạt lớp. Phòng CTSV sẽ tập hợp các YKPH của SV và phản ánh trong các cuộc họp giao ban của Nhà trường [H10.10.05.05]. Nhằm khảo sát, đánh giá tính hiệu quả của phòng thực hành tin học, bên cạnh các ý kiến phản hồi của GV và SV về CSVC của các phòng thí nghiệm, Khoa còn có sổ theo dõi việc GV giảng dạy thí nghiệm - thực hành [H10.10.05.06]. Trên cơ sở đó, Khoa thường xuyên rà soát và kiến nghị nhà trường đầu tư, cải tiến các trang thiết bị phòng thí nghiệm, giáo trình đáp ứng CTĐT của Khoa. Việc bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị phòng thực hành cũng được Khoa đề xuất với Nhà trường thực hiện định kỳ vào thời gian nghỉ hè trong năm hoặc sửa chữa đột xuất kịp thời khi xảy ra sự cố [H10.10.05.07]. Ngoài ra, các thiết bị phục vụ việc dạy và học được bảo quản, sử dụng, thanh lý và thay thế mới theo quy định của Bộ Tài chính. Hàng năm, Nhà trường thành lập Tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới [H10.10.05.08].

Về thư viện, Trường ĐHQN có một Trung tâm thông tin tư liệu với hơn 700 chỗ ngồi (được sắp xếp trong các phòng tự học thoáng đãng, yên tĩnh), 1 kho sách Phòng giáo trình, 1 kho sách Phòng Đọc, 1 kho sách Phòng mượn, 1 kho Báo - Tạp chí, 2 phòng truy cập Internet với máy tính kết nối mạng [H10.10.05.09]. Ngoài ra, Trung tâm còn có các cơ sở dữ liệu điện tử của Trung tâm học liệu - Đại học Cần Thơ; Cơ sở dữ liệu điện tử ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu thư viện Pháp luật online và Pháp lý khởi nghiệp [H10.10.05.10]. Để nâng cao chất lượng phục vụ hàng năm Nhà trường đều có

tổ chức lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của người đọc về các hoạt động của thư viện. Từ đó, Nhà trường có biện pháp cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện [H10.10.05.11], [H10.10.05.12].

Về hệ thống CNTT, Nhà trường đã chú trọng xây dựng hệ thống CNTT để quản lý và phục vụ hoạt động dạy và học. Các văn phòng làm việc của trường đều được trang bị máy tính, máy in cấu hình đồng bộ và kết nối mạng internet tốc độ cao. Các hoạt động tổ chức đào tạo đều được quản lý bằng phần mềm. Năm 2015, Nhà trường đã đầu tư nâng cấp phần mềm Quản trị trường đại học, liên kết sử dụng dữ liệu thống nhất giữa các đơn vị trong trường [H10.10.05.13], [H10.10.05.14].

Nhà trường cũng ký Hợp đồng định kỳ với một số đối tác để cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao cho SV. Mạng WiFi đã được phủ sóng ở tất cả các phòng làm việc, thư viện, giảng đường và KTX. YKPH của người học, GV trong các đợt khảo sát hàng năm sẽ là cơ sở để Nhà trường ký kết Hợp đồng với các công ty cung cấp dịch vụ [H10.10.05.15].

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của SV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc học, Khoa CNTT cũng đánh giá những hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến đời sống của SV [H10.10.05.16]. Những dịch vụ này (như chất lượng phòng ở KTX, hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cho SV, của công tác cố vấn học tập) cũng ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của SV và cảm nhận hài lòng của SV về môi trường đại học nói chung, về Khoa CNTT nói riêng [H10.10.05.17]. Kết quả khảo sát cho thấy, GV và người học hài lòng về sự phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Người học được tạo điều kiện thuận lợi để sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, thư viện, phòng máy tính... để phục vụ cho các hoạt động học tập [H10.10.05.16].

Các dịch vụ hỗ trợ khác trong Nhà trường như căn tin ký túc xá, quây tạp hóa... Nhà trường đều tổ chức đấu giá công khai và rộng rãi qua Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản nhằm đảm bảo giá cả và chất lượng phục vụ cho sinh viên [H10.10.05.18].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho người học được đánh giá thường xuyên theo kế hoạch. Việc đánh giá được thực hiện dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua các cuộc họp, hội nghị, phiếu khảo sát. Trên cơ sở các ý kiến đánh giá Nhà trường đã tiến hành các biện pháp để cải tiến, nâng cao chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho hoạt động dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Tốc độ truy cập mạng WiFi tại các giảng đường còn chậm, không ổn định. Việc cải tiến chất lượng một số dịch vụ hỗ trợ người học như máy chiếu, quạt... còn chậm. Nguồn học liệu phục vụ học tập và giảng dạy ngành CNTT chưa thật sự phong phú và bắt kịp đặc thù sự phát triển của ngành CNTT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiến hành rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học. Khoa CNTT thực hiện thường xuyên các dịch vụ hỗ trợ người học tại các phòng thực hành tin học: mở cửa các ngày trong tuần phòng thực hành dành cho SV vào học tập nghiên cứu. Khoa đề xuất Nhà trường mua bổ sung học liệu chuyên ngành CNTT. Nhà trường phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ Internet cải thiện tốc độ truy cập Wifi tại các giảng đường.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác ĐBCL đối với sự phát triển của Nhà trường, từ năm 2009 Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCL trên cơ sở tách bộ phận Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục ra từ Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học. Phòng KT&ĐBCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác KT&ĐBCL giáo dục của Nhà trường. Hiện nay, Phòng là đầu mối xây dựng các quy định về việc lấy YKPH của các bên liên quan về CTĐT, CDR; chất lượng hoạt động giảng dạy của GV; hoạt động phục vụ và hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên; tình hình việc làm của SV tốt nghiệp ...[H10.10.06.01].

Giai đoạn 2010-2012, việc lấy YKPH của các bên liên quan như: khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp sau một năm ra trường; khảo sát ý kiến của các đơn vị tuyển dụng [H10.10.06.02] và việc khảo sát chủ yếu được các đơn vị chức năng thực hiện thông qua hình thức phát phiếu hỏi, nhập số liệu, tổng hợp kết quả khảo sát và Báo cáo Bộ GD&ĐT hàng năm. Đến năm 2013, nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi từ người học về quá trình dạy-học mang tính hệ thống, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của công tác, Nhà trường đã ban hành Quy định về việc lấy YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, xác định rõ ý nghĩa, mục đích, đối tượng của khảo sát cũng như nội dung, công cụ, phương pháp, quy trình thu thập, sử dụng thông tin phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan [H10.10.06.03].

Qua quá trình khảo sát thực tế, Phòng KT&ĐBCL đã thực hiện việc cải tiến công tác này thông qua đề tài NCKH cấp trường: “Xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng ngành học tại Trường Đại học Quy Nhơn”. Kết quả của đề tài giúp Nhà trường xây dựng được phần mềm thu thập YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng ngành đào tạo một cách hệ thống, khoa học với hình thức online trên trang web của Phòng KT&ĐBCL [H10.10.06.04].

Tuy nhiên, bên cạnh những tính năng hiệu quả, phương pháp khảo sát hoạt động giảng dạy online qua phần mềm cũng bộc lộ những mặt tồn tại như: tỷ lệ SV tự nguyện tham gia khảo sát thấp, tốc độ đường truyền không đảm bảo,... Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL đều báo cáo Nhà trường về tình hình, kết quả khảo sát cùng với các đề xuất, kiến nghị cải tiến công tác này trong thời gian tới [H10.10.06.05].

Cho đến nay, để khắc phục những tồn tại trong công tác lấy YKPH của các bên liên quan, Nhà trường đã đầu tư xây dựng Phần mềm khảo sát E-survey tích hợp cùng với Phần mềm Quản lý đào tạo của Nhà trường giúp cho công tác thu thập thông tin phản hồi mang tính hệ thống và đạt hiệu quả cao hơn [H10.10.06.06]. Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi của các bên liên quan cũng được Nhà trường cụ thể hóa trong văn bản “Quy định lấy YKPH của các bên liên quan tại Trường ĐHQN” nhằm đảm bảo việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học; phương pháp đa dạng; công cụ khảo sát có độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật; có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan trong nhiều năm. Văn bản này quy định mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong công tác lấy YKPH của các bên liên quan tại Trường ĐHQN về chất lượng hoạt động giảng dạy; CTĐT, CĐR; tình hình việc làm; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo một cách rõ ràng, cụ thể và công khai minh bạch [H10.10.06.07].

Đồng thời, Nhà trường còn tiếp nhận YKPH của SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, các buổi đối thoại giữa SV với lãnh đạo Trường, Trưởng các phòng ban chức năng, Ban chủ nhiệm khoa... [H10.10.06.08]. Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành CNTT, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh CĐR... Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng câu hỏi và khảo sát cũng có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thu thập được các thông tin chuẩn xác nhất. Ngoài ra, Khoa còn tiến hành thu thập YKPH của các bên liên quan đối với CTĐT thông qua nhiều hoạt động khác nhau như: Hội thảo, các đợt thực tập tốt nghiệp, các chương trình ngày hội việc làm, tuyển dụng... [H10.10.06.09].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan của Nhà trường được quy định bằng văn bản, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Nhà trường có hệ thống phần mềm hỗ trợ việc lấy YKPH của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống và khoa học.

3. Điểm tồn tại

Ý thức của SV trong việc tham gia các khảo sát của Nhà trường chưa cao; các bên liên quan như nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu SV còn thiếu nhiệt tình tham gia đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiến hành các biện pháp kỹ thuật tích hợp Phần mềm khảo sát E-survey với Cổng thông tin sinh viên. Mỗi sinh viên cần phải thực hiện ít nhất 01 khảo sát để có thể đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên hệ thống. Khoa sẽ tăng cường tổ chức các hội thảo với nhà sử dụng lao động, cựu SV để thu thập các YKPH được đầy đủ hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Khoa CNTT đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình: (i) xây dựng chương trình trên cơ sở so sánh/đối chiếu với chương trình của các trường đại học trong nước và thế giới có thế mạnh về nghiên cứu và giảng dạy CNTT; (ii) lấy thông tin phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên làm cơ sở để điều chỉnh chương trình; (iii) hàng năm có cập nhật các nghiên cứu mới, các học phần mới về CNTT, ứng dụng CNTT trên thế giới (không quá 20% CTĐT); (iv) thường xuyên ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của các cán bộ giảng viên, sinh viên trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CDR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của sinh viên. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có

tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tự đánh giá theo 6 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành CNTT đã đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt 4/7 điểm và có 04 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Khoa CNTT là một trong những cơ sở đào tạo cử nhân CNTT ở khu vực Miền Trung và Tây Nguyên với các chuyên ngành Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính và truyền thông, Trí tuệ nhân tạo. Mỗi chuyên ngành đều xây dựng kế hoạch phát triển rõ ràng, và được giám sát chặt chẽ bởi từng bộ môn để đảm bảo CĐR của CTĐT. Khoa dựa vào CĐR của CTĐT làm trọng tâm để đề ra phương hướng phát triển khoa, từ việc giám sát và đối sánh tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên, tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, thời gian sinh viên tốt nghiệp, loại hình và số lượng của các hoạt động nghiên cứu khoa học, đến mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được quản lý bởi phòng Đào tạo đại học được qui định trong quyết định [H11.11.01.01]. Đơn vị này quản lý việc đào tạo nói chung và kết quả học tập của sinh viên nói riêng bằng phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.01.02]. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và sinh viên thôi học được thông báo hằng năm.

Khi hoàn thành CTĐT, kết quả học tập của sinh viên được trích ra và được Trưởng phòng Đào tạo đại học đề nghị lên Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét để Nhà trường ra quyết định tốt nghiệp cho sinh viên [H11.11.01.03]. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên cũng được Nhà trường tiến hành định kỳ, và quyết định cảnh báo kết quả học tập cũng như quyết định buộc thôi học đều được thông báo kịp thời cho sinh viên [H11.11.01.04].

Cụ thể thông tin về số lượng sinh viên tốt nghiệp và số lượng sinh viên bỏ học của Khoa CNTT trong 5 năm gần đây (2015-2020) [H11.11.01.05] được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020

Năm học	Số lượng sinh viên toàn khóa	Số lượng và tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Tỷ lệ % thôi học			
		4 năm		>4 năm	1 năm	2 năm	3 năm	≥ 4 năm
		SL	%					
2015-2016	41	31	75,6%	18.0%				
2016-2017	89	67	75,3%	18.3%				
2017-2018	63	35	55,6%	30.5%				
2018-2019	121	68	56,2%	30.0%				
2019-2020	194	90	46,4%					

Trên cơ sở các số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học các năm trước, Khoa tiến hành dự báo tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học cho năm tiếp theo. Với việc quan tâm, giám sát của Cố vấn học tập thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng [H11.11.01.06], lập quỹ khuyến học của Khoa và trao học bổng hằng năm cho sinh viên để khuyến khích và động viên các em kịp thời. Mặc dù, Khoa đã thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục tình trạng tỷ lệ tốt nghiệp của năm sau thấp hơn năm trước như: tiến hành trao đổi với các thầy cô trong bộ môn cũng như các cố vấn học tập trong các cuộc họp khoa để tìm ra nguyên nhân và đưa ra các biện pháp cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp.

Khoa đã tiến hành cải tiến cách đánh giá học phần, xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể công khai đến người học để giúp người học, cũng như giáo viên chủ động trong học tập và giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa CNTT luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua cố vấn học tập, trợ lý đào tạo. Ban chủ nhiệm khoa có các buổi họp với cán sự lớp, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV.

Các SV bị buộc thôi học phần lớn là do các em định hướng nghề nghiệp ban đầu không tốt nên thấy chán nản trong quá trình học, hoặc do gia đình có định hướng khác cho SV. Một số trường hợp nghỉ học vì lý do cá nhân. Việc kết hợp giữa cố vấn học tập,

Bộ môn, Khoa và Nhà trường nhằm giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV và có những giải pháp cụ thể để hỗ trợ SV hoàn thành chương trình học như: gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn cho sinh viên khi gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hàng tháng nhằm hạn chế tỷ lệ sinh viên bị thôi học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát kết quả học tập của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.

Nhà trường duy trì cơ chế sinh hoạt lớp hàng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời qua đó các CVHT trao đổi nắm tình hình, hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho các em, cũng như có những đề xuất kịp thời với Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Công tác CVHT còn bị động, chưa phát huy hiệu quả trong việc tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập theo phương thức đào tạo tín chỉ. SV còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường yêu cầu các CVHT thực hiện báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV. Nhà trường tạo điều kiện để SV đăng ký và hoàn thành các học phần còn nợ môn, thống kê số lượng SV năm ba, năm tư đủ điều kiện về CDR như ngoại ngữ, tin học. Từ đó đưa ra các thông báo kịp thời đến SV thông qua các CVHT để đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia chương trình đào tạo, đặc biệt là thông tin về tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình.

Phòng Đào tạo Đại học có nhiệm vụ trong việc giám sát tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và thôi học, Phòng Đào tạo Đại học cũng là bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên [H11.11.02.01]. Thời gian của một khóa đào tạo là

thời gian được thiết kế cho những sinh viên bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian đào tạo trình độ đại học các ngành Công nghệ thông tin được quy định là 4 năm và thời gian tối đa hoàn thành CTĐT là 6 năm [H11.11.02.01].

Từ năm 2010, Khoa Công nghệ thông tin bắt đầu thực hiện quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ [H11.11.02.01]. Số lượng và tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 được thể hiện qua Bảng 11.2.1. Bảng này cho thấy, nhìn chung, tỷ lệ sinh viên ngành Công nghệ thông tin của Khoa hoàn thành CTĐT giao động từ 46% đến 75%. Khoa đã làm tốt công tác đào tạo, rà soát, đánh giá người học; những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp đều được thông báo kịp thời để có kế hoạch chủ động hoàn thành chương trình học [H11.11.02.03].

Bên cạnh đó, thông tin cụ thể về tỷ lệ phần trăm sinh viên hoàn thành CTĐT (*dưới 4 năm, đúng 4 năm, trên 4 năm*) và tỷ lệ sinh viên bỏ học của 5 khóa trong 5 năm gần đây được tổng hợp và thể hiện qua bảng số liệu Bảng 11.2.2.

Bảng 11.2.1. Số lượng và tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020

(thống kê theo số liệu Dữ liệu người học Phòng Đào tạo Đại học cung cấp đến ngày 10.8.2020)

Năm học	Số lượng nhập học khóa tương ứng (người) – Hệ Đại học chính quy	Số lượng người học tốt nghiệp CTĐT (người) – Hệ Đại học chính quy	Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)– Hệ Đại học chính quy
2015-2016	41	31	75,6%
2016-2017	89	67	75,3%
2017-2018	63	35	55,6%
2018-2019	121	68	56,2%
2019-2020	194	90	46,4%

Qua các bảng số liệu về tỷ lệ sinh viên hoàn thành CTĐT trong 5 năm gần đây, có thể thấy: Đa số sinh viên của Khoa đều hoàn thành CTĐT đảm bảo theo các học phần trong CTĐT [H11.11.02.01], [H11.11.02.02]. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp sớm (dưới 4 năm), chậm (trên 4 năm) và thôi học của Khoa chiếm tỷ lệ nhỏ (so với tổng số sinh viên của khóa học) [H11.11.02.02].

Nhìn chung, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của các khóa học chưa được cao, nguyên nhân của việc này có thể được giải thích một phần do nhiều sinh viên mất thời gian làm thêm để tự trang trải cuộc sống với giá sinh hoạt ngày càng tăng, dẫn đến việc chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định để được xét tốt nghiệp. Bên cạnh đó là những ảnh hưởng liên quan đến hoàn cảnh đặc thù của một số sinh viên làm ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành chương trình học tập.

Khoa Công nghệ thông tin luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của sinh viên thông qua Cố vấn học tập, Trợ lý và thư ký Khoa. Ban chủ nhiệm khoa thường xuyên có các buổi họp với Cố vấn học tập, Trợ lý và thư ký Khoa nhằm nắm được tình hình học tập của sinh viên [H11.11.02.03] để kịp thời hỗ trợ sinh viên trong những tình huống cần thiết và đôn đốc, nhắc nhở các bên liên quan trong thực hiện nhiệm vụ cùng với đó là báo cáo với cấp trên những vấn đề liên quan.

Bảng 11.2.2. Tỷ lệ sinh viên hoàn thành CTĐT/thôi học trong 5 năm gần nhất

Năm học	Số lượng sinh viên toàn khóa	Tỷ lệ phần trăm người học hoàn thành CTĐT trong thời gian:			Tỷ lệ phần trăm thôi học			
		Dưới 4 năm	4 năm	Trên 4 năm	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4 hay những năm tiếp theo
2015-2016	41	0	75.6%	18.0%				
2016-2017	89	0	75.3%	18.3%				
2017-2018	63	0	55.6%	30.5%				
2018-2019	121	0	56.2%	30.0%				
2019-2020	194	0	46.4%					

2. Điểm mạnh

Sinh viên ngành Công nghệ thông tin luôn có ý thức học tập tốt. Đội ngũ giảng viên của Khoa, đặc biệt là các Cố vấn học tập, thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của sinh viên, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp sinh viên hoàn thành CTĐT. Khoa luôn phối hợp chặt chẽ với Nhà trường và các đơn vị liên quan để đưa ra các biện pháp giúp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

Về phía Nhà trường, Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo Đại học kịp thời thông báo tới những sinh viên bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... để sinh viên nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, số lượng sinh viên tốt nghiệp của Khoa còn một số tồn tại, cũng giống như các khoa khác trong Trường. Đó là, một số sinh viên chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các học phần trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. Chính vì vậy sinh viên bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với sinh viên ngành Công nghệ thông tin (ít hơn 4 năm) là tương đối khó. Điều này là do đặc thù ngành học Công nghệ thông tin đòi hỏi sinh viên đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng thực hành, rèn luyện thực tế và khối lượng kiến thức chuyên môn nhiều nên sinh viên e ngại (hoặc chưa chủ động) khi đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Ban Chủ nhiệm Khoa sẽ cùng với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành rà soát, nhắc nhở sinh viên kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để việc xét tốt nghiệp của sinh viên được đảm bảo đúng tiến độ. Đồng thời, với CĐR môn ngoại ngữ áp dụng từ khóa 39 trở đi, Khoa sẽ kiến nghị với Nhà trường chủ động lên kế hoạch giảng dạy và tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho sinh viên nhằm làm tăng cơ hội cho sinh viên tham gia thi đạt CĐR theo đúng tiến độ. Bên cạnh đó, Khoa cũng sẽ đề xuất với Nhà trường những học phần phù hợp để cho sinh viên bảo lưu được học thay thế khi quay trở lại tiếp tục học tập (với những trường hợp bị lệch CTĐT).

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Để đánh giá một CTĐT thì khả năng làm việc của SV sau khi ra trường là một thước đo quan trọng để đánh giá. Bên cạnh đó mục tiêu của người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm, có việc làm đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp, môi trường làm việc ổn định và đó cũng là mục tiêu của Khoa và Nhà trường. Nhà trường đã có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp của người học, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Điều đó đã và đang được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau như khảo sát trực tuyến, thông qua các hội nghị, hội thảo. Đồng thời Nhà trường đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp để nắm bắt một cách chính xác số lượng và công việc của SV sau khi ra trường để phục vụ cho công tác điều chỉnh CDR, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học phần [H11.11.03.01], [H11.11.03.02], [H11.11.03.03].

Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV [H11.11.03.02], [H11.11.03.04]. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy người học ngành Công nghệ thông tin nhanh chóng có việc làm sau khi tốt nghiệp và đa phần được làm việc đúng với chuyên ngành đào tạo tại các công ty lớn về công nghệ phần mềm, quản trị mạng hoặc chuyên viên công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị; giáo viên, giảng viên, nghiên cứu viên về công nghệ thông tin tại các trường học, học viện,...[H11.11.03.04], [H11.11.03.05].

Việc kết nối với các doanh nghiệp trong hỗ trợ tham quan, học tập, thực tập, hợp tác đào tạo, tuyển dụng SV ngành Công nghệ thông tin được Khoa và Nhà trường quan tâm, tiến hành thường xuyên, bên cạnh đó là các chương trình ngày hội kết nối việc làm, các chương trình giao lưu định hướng nghề nghiệp cũng được Nhà trường và Khoa tổ chức thường xuyên. Qua các hoạt động trên giúp Nhà trường và Khoa đánh giá được chất lượng đào tạo hiện tại, từ đó có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho SV.

Nhà tuyển dụng hài lòng với kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành, tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay trong 3 năm gần đây là trên 70%.

Bảng 11.3.1. Thống kê tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp đại học hệ chính quy của ngành Công nghệ thông tin

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp	
	2019	2020
1. Tỷ lệ người học có việc làm (%)	86%	88%
2. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	86%	88%

2. Điểm mạnh

Đa số sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp. Môi trường làm việc đa dạng từ cơ quan hành chính sự nghiệp, nhà nước; doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp tư nhân trong nước, nước ngoài; trường học phổ thông, đại học, học viện; kinh tế hộ gia đình; các tổ chức, dự án nước ngoài và môi trường khác,...

Bên cạnh đặc thù về công nghệ thông tin có mặt trong mọi mặt đời sống xã hội và nhu cầu nhân sự về lĩnh vực này trong những năm gần đây và trong tương lai rất cao, Trường Đại học Quy Nhơn, Khoa Công nghệ thông tin luôn chú trọng đầu tư và đảm bảo chất lượng CTĐT, thực hành thực tế, trải nghiệm thực hành nghề nghiệp để sinh viên có nhiều cơ hội việc làm phù hợp.

Mặt khác, Khoa và Nhà trường đã tạo kết nối với nhiều công ty lớn về công nghệ thông tin trong nước và cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn để có nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời tuyển dụng SV của khoa và tuyển dụng trực tiếp đối với SV năm cuối. Đây cũng chính là cầu nối, là cơ hội cho nhiều SV sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định sinh viên ngành Công nghệ thông tin làm trái nghề sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội và thực trạng nhu cầu việc làm của một số sinh viên đặc thù.

Một số sinh viên còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó sinh viên gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên đây cũng chỉ là số lượng rất ít và tạm thời vì sau một khoảng thời

gian, từ những thông tin phản hồi lại thì đại đa số sinh viên đều tìm được việc làm phù hợp cho bản thân mình.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, để sinh viên Khoa Công nghệ thông tin khi ra trường làm đúng ngành đúng nghề đã được đào tạo, trong những năm qua, Khoa luôn tiến hành đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng và môi trường nghề nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa cũng tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các hoạt động Đoàn – Hội. Đồng thời, Khoa cũng sẽ đề xuất với Nhà trường có kế hoạch liên kết, hợp tác nhiều hơn nữa đến các cơ quan, doanh nghiệp về công nghệ thông tin để tạo nhiều hơn nữa về môi trường học tập, thực tập cho sinh viên ngành công nghệ thông tin và cũng là cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp. Đây chính là sự quảng bá tốt nhất về ngành công nghệ thông tin, Trường Đại học Quy Nhơn ra xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHQN được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động khu vực miền Trung - Tây Nguyên và mở rộng ra cả nước theo xu hướng chuyên giao công nghệ [H11.11.04.01].

Nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH, SV của Khoa được khuyến khích tham gia NCKH dưới sự hướng dẫn của GV trong Khoa. Theo định kỳ hàng năm, Nhà trường sẽ thông báo đến toàn bộ SV các khoa về kế hoạch đăng ký đề tài NCKH SV [H11.11.04.02]. Nhà trường ban hành các hướng dẫn để SV triển khai đề tài NCKH theo đúng quy định [H11.11.04.03]. Bên cạnh đó, hệ thống giám sát việc thực hiện đề tài NCKH SV cũng được thực hiện định kỳ thông qua kiểm tra tình hình thực hiện đề tài của các SV [H11.11.04.04].

Các đề tài NCKH được giao cho sinh viên và triển khai thực hiện từ đầu mỗi năm học với sự hỗ trợ kinh phí từ Nhà trường [H11.11.04.05]. Ngoài phần kinh phí hỗ trợ từ Nhà trường, Khoa CNTT cũng dành một phần kinh phí để hỗ trợ cho các đề tài NCKH SV của Khoa không thuộc danh mục hỗ trợ kinh phí của Nhà trường. Các hoạt động nghiên cứu của người học được tổng kết, đánh giá hàng năm thông qua Hội nghị tổng kết công tác NCKH sinh viên của Trường [H11.11.04.06]. Qua đó, Nhà trường khuyến

khích và khen thưởng các sinh viên đạt thành tích cao, đồng thời chỉ ra những điểm tồn tại để có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH sinh viên.

Bảng 11.4. Hoạt động NCKH SV từ năm 2015 đến năm 2020

Hoạt động nghiên cứu	2015-2016	2016 – 2017	2017 -2018	2018 -2019	2019 -2020
Cấp trường	02	01	01	02	03
Giải thưởng	01 Giải Ba	01 Giải Ba	01 Giải Ba	01 Giải Ba	01 Giải Ba

Hàng năm, Khoa tổ chức hội đồng nghiệm thu đề đánh giá kết quả thực hiện của các đề tài NCKH SV. Thông qua đó, Khoa lựa chọn các đề tài xuất sắc để gửi dự thi cấp Trường [H11.11.04.07] và định hướng cho hoạt động NCKH của SV năm tiếp theo cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa. Song song với hoạt động của Khoa, Nhà trường cũng tổ chức Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV [H11.11.04.08]. Qua hội nghị này, Nhà trường tiến hành khen thưởng các SV và GV hướng dẫn đạt giải thưởng SV NCKH các cấp, đồng thời đưa ra các biện pháp nhằm cải tiến chất lượng NCKH trong SV.

2. Điểm mạnh

Khoa CNTT với đội ngũ giảng viên có tuổi trung bình trẻ, năng lực chuyên môn tốt và nhiệt huyết trong giảng dạy, nghiên cứu và yêu nghề. Không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, GV của Khoa còn tích cực tham gia NCKH với những công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế. Do đó, đây là những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn sinh viên NCKH.

Khoa có hỗ trợ về tài chính, tăng kinh phí hỗ trợ sinh viên nghiên cứu, tập trung đầu tư có trọng điểm cho những đề tài nghiên cứu có tính khả thi, được đánh giá cao, tăng số lượng giải thưởng, ... nhằm động viên tinh thần sinh viên.

Nhà trường có kế hoạch phát triển NCKH SV rõ ràng, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV tham gia NCKH chưa cao do một số sinh viên còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH nên chưa hào hứng với hoạt động này.

Kinh phí cho nghiên cứu còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa CNTT đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng một số biện pháp như: Triển khai hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong giai đoạn hiện nay; Có kế hoạch tổ chức các buổi seminar trao đổi về hoạt động NCKH giữa GV và SV nhằm góp phần khơi dậy niềm đam mê NCKH trong SV; Lòng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của Liên chi đoàn Khoa; Tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Chất lượng đào tạo và nỗ lực của các trường đại học trong việc nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đến chất lượng dịch vụ đào tạo là các nhân tố quan trọng quyết định sự tồn tại và thành công của Nhà trường. Trường đại học Quy Nhơn nói chung và Khoa CNTT nói riêng rất chú trọng đến nâng cao chất lượng đào tạo, một trong những căn cứ quan trọng là việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL) có chức năng khảo sát, đo lường và giám sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT [H11.11.05.01], [H11.11.05.02]. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quy định của Trường thông qua tài khoản cá nhân hoặc phiếu khảo sát trực tiếp [H11.11.05.03].

Đối với giảng viên: Nhà trường thường xuyên khảo sát sự hài lòng của GV về CSVC tại trường phục vụ cho hoạt động giảng dạy và NCKH [H11.11.05.04], [H11.11.05.05].

Đối với người học: Hàng năm, Nhà trường đề ra các kế hoạch về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV [H11.11.05.06]. Sau khi kết thúc đợt khảo sát, Phòng KT&ĐBCL tiến hành thu thập, xử lý dữ liệu, phân tích, tổng hợp và báo cáo kết quả khảo sát cho lãnh đạo Nhà trường và gửi kết quả cho các Trưởng khoa [H11.11.05.07]. Căn cứ kết quả đánh giá của SV, Trưởng khoa có biện pháp quản lý cụ thể, giúp GV phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại trong quá trình giảng dạy.

Đối với cựu sinh viên: Nhà trường và Khoa chủ động lập kế hoạch và thực hiện

khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên về CTĐT [H11.11.05.08]. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cựu sinh viên ngành CNTT có sự hài lòng về kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ được đào tạo.

Đối với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng: Hàng năm, Nhà trường thường xuyên tổ chức các chương trình về định hướng nghề nghiệp và tuyển dụng [H11.11.05.09]. Ngoài việc tạo cơ hội cho SV tiếp cận doanh nghiệp và được tuyển dụng thì những thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp cũng là cơ sở quan trọng để Nhà trường và Khoa cập nhật và cải tiến chất lượng đào tạo. Nhìn chung, các kết quả khảo sát cho thấy ý kiến của các nhà tuyển dụng là hài lòng về những kiến thức chuyên môn mà SV tốt nghiệp ngành công nghệ thông tin tại Trường ĐHQN. Trong các buổi hội thảo góp ý về CTĐT ngành CNTT đều có sự tham gia của các nhà tuyển dụng, cựu SV, GV và SV. Đây là nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT cho phù hợp với yêu cầu xã hội.

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa đã tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể là, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT hệ chính quy [H11.11.05.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng lập kế hoạch về việc tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CDR và cử cán bộ giảng viên tham gia khóa tập huấn [H11.11.05.11]. Đồng thời, Nhà trường đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên theo dõi kết quả học tập và chủ động trong kế hoạch học tập [H11.11.05.12].

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành CNTT được các bên liên quan đánh giá cao. Có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho sinh viên có cơ hội được áp dụng kiến thức vào thực tế. Bên cạnh đó, trong quá trình đào tạo, sinh viên của Khoa còn được giới thiệu đến các công ty, doanh nghiệp để tham quan thực tế, thực tập và làm quen với môi trường công việc năng động, sáng tạo. Những kiến thức, kỹ năng về nghiệp vụ mà sinh viên được trang bị có thể đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội hiện nay.

3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường và Khoa chưa được thực hiện thường xuyên.

Điểm hạn chế của sinh viên ngành CNTT khi tốt nghiệp là kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch còn chưa hiệu quả, một số SV còn thiếu tự tin mặc dù được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của sinh viên khi tham gia công việc thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa CNTT phối hợp với Phòng KT&BDCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật hàng năm.

Đưa học phần Kỹ năng mềm vào CTĐT ngành CNTT. Tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng thuyết trình cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

SV ngành CNTT có tỷ lệ tốt nghiệp trung bình nhiều năm là cao, tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng là trên 80%. Trong quá trình học tập, SV ngành CNTT được tạo điều kiện tham gia NCKH SV. Theo kết quả đánh giá chung, SV ngành CNTT nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng tham gia đánh giá để cải tiến CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần tăng cường thời lượng thực tập thực tế, phát triển phong trào NCKH trong toàn thể SV trong khoa, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm nhằm trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng cần thiết để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa CNTT đánh giá tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí đạt 5/5, trong đó có 02 tiêu chí đạt 4/7 và 03 tiêu chí đạt 5/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Công việc triển khai tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNTT dựa trên các tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành có ý nghĩa quan trọng, góp phần nhận diện thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH; qua đó thấy được những mặt mạnh, mặt tồn tại trong công tác quản lý, hoạt động đào tạo, chuyên môn của Khoa CNTT. Trên cơ sở đó, Khoa đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT trong quá trình triển khai giảng dạy. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành CNTT:

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tập thể giảng viên khoa Công nghệ thông tin đã xây dựng CTĐT ngành Công nghệ thông tin dựa trên các triết lý giáo dục hiện đại, có tham khảo nội dung các CTĐT của Khoa CNTT của những trường ĐH uy tín trong nước cũng như qua kết quả điều tra nhu cầu và ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối, cựu sinh viên, giảng viên và các nhà tuyển dụng. Mục tiêu của CTĐT ngành CNTT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT, bao quát các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt với các mức năng lực cụ thể, dễ đo lường và đánh giá mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành CNTT phản ánh yêu cầu đào tạo cử nhân Công nghệ thông tin làm việc tại các công ty chuyên về công nghệ thông tin, các chuyên viên IT trong các doanh nghiệp, cơ sở, ban ngành; được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN và dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan; được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo sự thuận lợi trong tiếp cận, nắm bắt đối với sinh viên, cố vấn học tập và các bên liên quan.

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

CTĐT ngành Công nghệ thông tin đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Bộ GD&ĐT, đảm bảo cơ hội học tập và phát triển học vấn cho người học. Bản mô tả CTĐT chứa đựng đầy đủ thông tin và cập nhật những nội dung mới liên quan; ma trận CĐR của CTĐT thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần, giúp sinh viên có nhiều lựa chọn theo định hướng chuyên môn và thế mạnh của mình. Đề cương chi tiết các học phần thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và CĐR của CTĐT cũng như dựa trên kết quả ý kiến

phản hồi của các bên liên quan. Các thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá được cung cấp đầy đủ để sinh viên lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập theo từng học kỳ, năm học và trong toàn khóa học.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai, rộng rãi dưới nhiều hình thức, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đóng góp ý kiến, để trên cơ sở thông tin phản hồi tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp.

1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học ngành Công nghệ thông tin được thiết kế logic, khoa học, dựa trên CDR và đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Tất cả các học phần trong chương trình dạy học đều được thiết kế bám sát CDR của CTĐT; mối quan hệ giữa các học phần với CDR của CTĐT được khảo sát qua các giảng viên trực tiếp giảng dạy và được thể hiện rõ trong từng học phần của chương trình dạy học.

Đề cương chi tiết mỗi học phần đều được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CDR của CTĐT. Các học phần đều được phân bổ hợp lý giữa giờ lý thuyết, thực hành, bài tập, thảo luận và tự học, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận, lĩnh hội kiến thức đầy đủ, dễ dàng và đạt được mục tiêu CDR của học phần yêu cầu. Phương pháp dạy học tích cực và kiểm tra, đánh giá khách quan, chính xác đều được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết các học phần.

Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic giữa các khối kiến thức theo hệ thống đi từ kiến thức cơ bản đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Trong mỗi học phần hệ thống kiến thức được sắp xếp theo trình tự từ cơ bản đến nâng cao, có sự tích hợp giữa lý thuyết, thực hành với ứng dụng thực tế; nội dung các học phần được cập nhật, tích hợp, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu xã hội sử dụng CNTT, yêu cầu đổi mới công nghệ diễn ra thường xuyên.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục ngành CNTT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới người học, giảng viên, cộng đồng và xã hội thông qua nhiều kênh khác nhau: bản mô tả CTĐT, website chính thức của Khoa, các hoạt động ngoại khóa, hội thảo,...

Các hoạt động dạy và học đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, thường xuyên được cập nhật, giúp người học lĩnh hội kiến thức chuyên môn, công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp. Phương pháp dạy học được đổi mới theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của

người học, vận dụng kiến thức từ lý thuyết, thực hành vào những yêu cầu thực tế nhằm đáp ứng mục tiêu CĐR của CTĐT.

Các hoạt động dạy và học được thiết kế nhằm thúc đẩy, tạo điều kiện cho người học rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Tạo sự công bằng, hợp lý trong việc đánh giá kết quả học tập người học theo CTĐT ngành CNTT, việc đánh giá người học của CTĐT được thiết kế phù hợp với mục tiêu và đo được CĐR của CTĐT; có các văn bản quy định, kế hoạch rõ ràng. Các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng theo các mức đánh giá biết, hiểu, vận dụng, phân tích,...; các học phần thực tập tại doanh nghiệp chuyên về CNTT có thêm sự đánh giá của các chuyên gia tại các công ty, doanh nghiệp về thái độ, kỹ năng nghề nghiệp...

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rõ ràng, được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Khoa Công nghệ thông tin đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết, sẵn sàng thực hiện và đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH. Một số giảng viên thường xuyên tham gia hợp tác NCKH tại các doanh nghiệp, chuyên giao các kết quả nghiên cứu với các bên liên quan trong và ngoài nước. Giảng viên trong Khoa thực hiện đầy đủ số giờ định mức tối thiểu về giảng dạy và NCKH theo quy định; ngoài ra đội ngũ giảng viên rất nỗ lực trong NCKH và tham gia các hoạt động khoa học cộng đồng.

Trên cơ sở các văn bản quy định rõ ràng, công khai các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên của Trường, Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ năng lực NCKH, nghiệp vụ sư phạm và các kỹ năng về ngoại ngữ. Nhiều giảng viên được tuyển dụng đã và đang được đào tạo sau đại học tại các trường đại học có uy tín ở nước ngoài; có đủ năng lực giảng dạy và NCKH.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, chuyên viên được Nhà trường triển khai sâu rộng, tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhiều giảng viên của Khoa đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh,... vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác. Đội ngũ giảng viên trong Khoa tham gia nghiên

cứu đề tài khoa học các cấp: cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước; công bố nhiều bài báo khoa học, sách chuyên khảo trong và ngoài nước.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa CNTT, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường, của Khoa được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể; kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, phù hợp quy định và được công khai, minh bạch.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Công tác đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Khoa CNTT được xác định rõ ràng, cập nhật thường xuyên và công bố công khai trên website của Trường, của Khoa và một số địa chỉ khác. Người học có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học tập, giúp người học xác định ý thức, động lực học tập ngay từ năm thứ nhất.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công khai, cập nhật và được đánh giá khách quan, chính xác. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức, giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Khối lượng học tập được sắp xếp thành các khối kiến thức, giúp người học có cơ hội lựa chọn môn học phù hợp và thuận lợi trong việc giám sát, đánh giá kết quả học tập.

Người học được hỗ trợ và tư vấn kịp thời trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập nghề nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp làm về IT, sử dụng IT uy tín trong nước. Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm,

kết nối doanh nghiệp được thực hiện dưới nhiều hình thức, giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm trước khi ra trường.

Cơ sở vật chất của Trường đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, rèn luyện và sinh hoạt của người học. Môi trường nhà trường, xã hội an toàn, an ninh trật tự; cảnh quan khuôn viên trường xanh - sạch - đẹp, tạo môi trường học tập, sinh hoạt tích cực, lành mạnh, giúp người học phát huy tính năng động và sáng tạo, rèn luyện kỹ năng mềm, khả năng khởi nghiệp trong học tập và cuộc sống, phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được trang bị các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên ngành CNTT và có kế hoạch kiểm tra, sửa chữa, nâng cấp các trang thiết bị. Thư viện của Trường luôn được đầu tư nguồn học liệu; có đủ nguồn tài liệu học tập, tham khảo đa dạng về ngôn ngữ, giúp giảng viên và sinh viên có nhiều lựa chọn tài liệu cho học tập và nghiên cứu.

Các phòng thực hành tin học, thực hành các môn học chuyên ngành với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho hoạt động thực hành, rèn luyện kỹ năng của giảng viên và sinh viên; các thiết bị thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người học.

Nhà trường đã tăng cường đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, khi có sự cố được nhân viên kỹ thuật hỗ trợ kịp thời nên đã phục vụ, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho giảng viên và sinh viên rèn luyện sức khỏe.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, phun thuốc diệt côn trùng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho giảng viên, viên chức và sinh viên làm việc, học tập và nghiên cứu.

1.10. Nâng cao chất lượng

Khoa Công nghệ thông tin thường xuyên liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, công ty, tập đoàn nghiên cứu, sản xuất và sử dụng CNTT trong cả nước. Trong các lần điều chỉnh CTĐT, Khoa đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên có liên quan. CTĐT/ chương trình dạy học ngành CNTT thường xuyên được cập nhật, đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu xã hội, nhu cầu thực tế tại các doanh nghiệp. Nhiều chuyên gia đến từ doanh nghiệp, các cựu sinh viên theo học các chương trình tiên tiến của nước ngoài và có kinh nghiệm trong

công tác, kinh nghiệm thực tế đã trực tiếp đã tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, thiết kế CTĐT.

Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc; các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với quy chế đào tạo tín chỉ và quy định chung của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN. Các kế hoạch nghiên cứu khoa học của Khoa, các nhóm NCKH trong Khoa thu hút được sự tham gia của đông đảo giảng viên và sinh viên trong Khoa. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn chặt chẽ với nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn đối với hoạt động đào tạo và phục vụ cộng đồng. Qua tham gia NCKH, sinh viên hòa nhập tốt với công việc triển khai thực tế, tạo ra những sản phẩm dựa trên những nhu cầu thiết yếu của thực tế và bước đầu tìm hiểu nghiên cứu, ứng dụng CNTT.

Trường có các phòng học, phòng thực hành được trang bị các thiết bị máy chiếu, micro, quạt, ánh sáng... đều đáp ứng được nhu cầu của người học, phục vụ tốt cho việc học tập của sinh viên và luôn được nâng cấp, cải tiến. Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online; cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến thường xuyên, liên tục các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

1.11. Kết quả đầu ra

Các cố vấn học tập, trợ lý đào tạo của Khoa luôn cập nhật tình hình học tập của sinh viên, qua đó báo cáo kịp thời lên Ban chủ nhiệm Khoa để có hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Các sinh viên ngừng tiến độ học tập đều được Khoa trao đổi để nắm khó khăn, vướng mắc, qua đó có những hỗ trợ, tư vấn phù hợp cho sinh viên cũng như có đề xuất kịp thời với Nhà trường. Phòng Đào tạo Đại học cũng kịp thời thông báo tới sinh viên chậm tiến độ, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học để sinh viên nắm bắt thông tin và có kế hoạch hoàn thành CTĐT.

Đa số sinh viên tốt nghiệp ngành CNTT đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp: làm việc tại các công ty, tập đoàn làm việc về IT, làm chuyên viên IT trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, ngân hàng, và tham giảng dạy ở các trường trường đại học, cao đẳng hoặc tiếp tục học sau đại học. Nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời sinh viên của Khoa tham gia tuyển dụng, tạo cơ hội cho sinh viên sớm tìm được việc làm.

Đội ngũ giảng viên của Khoa có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm và thành quả trong nghiên cứu vì thế có điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn sinh viên NCKH. Hằng năm Khoa luôn khuyến khích sinh viên tham gia NCKH và có các hoạt động hỗ trợ như tư vấn, tặng kinh phí hỗ trợ nghiên cứu, đầu tư có trọng điểm các

đề tài được đánh giá cao...

CĐR của CTĐT ngành CNTT được các bên liên quan đánh giá tốt về nội dung. Những kiến thức và kỹ năng về nghề nghiệp được trang bị cho sinh viên có thể đáp ứng tốt yêu cầu của các công ty, doanh nghiệp làm về IT và yêu cầu của xã hội hiện nay.

2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Để thực hiện có hiệu quả CTĐT ngành CNTT, Khoa chưa xây dựng được quy trình chặt chẽ để thực hiện việc đo lường, đánh giá CĐR của CTĐT; việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đến CĐR còn chưa rộng rãi; chưa triển khai được việc lấy ý kiến online về CĐR dành cho sinh viên sau mỗi năm học/khóa học. Khoa cũng chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo chuyên đề thảo luận và góp ý về việc xây dựng CĐR.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Việc cập nhật, rà soát CTĐT chưa được tổ chức thường xuyên (có khi tới 3 năm 1 lần). Việc lấy ý kiến phản hồi từ các nhà sử dụng lao động chưa được thực hiện định kì trên quy mô rộng, đa dạng các doanh nghiệp.

Các đề cương chi tiết học phần chưa chú trọng đến bố trí thời gian, tính hiệu quả tự học của người học. Một số giáo trình bằng tiếng Anh được giới thiệu trong các đề cương chi tiết học phần chưa được phổ biến, một số chưa có nguồn gốc rõ ràng và thời gian xuất bản đã lâu.

Việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách chuyên nghiệp, các đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa phong phú. Điều này có ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng của công tác rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần của Khoa.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động khi xây dựng chương trình dạy học chưa được thực hiện thường xuyên. Ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần trong việc đạt được CĐR chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc đề cương chi tiết học phần trong CTĐT.

Chương trình dạy học chưa quản lý được thời gian tự học và đánh giá kết quả tự học của sinh viên.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, ... đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp. Chất lượng đầu vào không đồng đều là một rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

Phòng học, bàn ghế, thiết bị máy tính, phần mềm thực hành chưa tạo được sự linh động cho việc di chuyển, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu để giải quyết các bài toán thực tế. Nhiều môn học chưa phát huy được sự tự giác và tính tích cực của sinh viên trong quá trình tương tác với giảng viên do số lượng sinh viên trong một lớp học quá đông.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Chưa có sự thống kê phân tích định lượng các đề thi theo các mức độ năng lực để phân loại, đánh giá kết quả học tập của sinh viên có độ tin cậy, chính xác. CĐR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá qua 10% điểm chuyên cần.

Việc phối hợp các kênh triển khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa thật sự đồng bộ. Trường và Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút, giữ chân những giảng viên, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao. Kinh nghiệm giảng dạy còn có phần hạn chế ở một số giảng viên trẻ của Khoa.

Nhiều đề tài NCKH của giảng viên trong Khoa còn nặng về lý thuyết chưa tạo được nhiều sản phẩm sử dụng mang lại hiệu quả cho công việc thực tế nên tính ứng dụng vào thực tiễn và phục vụ cộng đồng chưa cao.

Trình độ tiếng Anh của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều, năng lực giảng dạy, nghiên cứu của đội ngũ giảng viên trẻ còn hạn chế.

Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên và chuyên viên hằng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu cấp thiết giảng viên đưa ra còn chưa được triển khai hoặc triển khai bị chậm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên về NCKH của Trường ĐHQN vẫn chưa được định lượng thật chính xác trong việc khen thưởng giữa tác giả chính và tác giả liên hệ của các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa lấy ý kiến giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên. Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để tuyển dụng và sử dụng một cách hợp lý.

Việc khảo sát sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện chưa thường xuyên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được nhiều thí sinh giỏi, có năng lực và yêu thích ngành CNTT học tại Khoa. Phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia và xét học bạ đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của ngành CNTT yêu cầu ngày càng nâng cao để đáp ứng được các xu hướng phát triển của công nghệ, dẫn đến tình trạng một số sinh viên không theo kịp CTĐT của Khoa.

Một số học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành chưa có thời gian nhiều cho những bài tập xuất phát từ những nhu cầu thực tế tại các doanh nghiệp CNTT, thời lượng lý thuyết còn nhiều làm cho người học giảm hứng thú học tập ngay thời gian mới nhập học. Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Sinh viên chưa chủ động trong việc tiếp cận giảng viên để làm NCKH và làm khóa luận tốt nghiệp, thụ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa. Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giảng viên phụ trách thực tập chưa được thực hiện đầy đủ.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Các tổ bộ môn của Khoa CNTT chưa được bố trí phòng làm việc, làm hạn chế việc tối ưu hóa thời gian và chất lượng nghiên cứu của giảng viên.

Hoạt động của Thư viện Trường chưa thật sự theo hướng hiện đại. Nguồn học liệu tiếng nước ngoài còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu quốc tế của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên. Các trang thiết bị thực hành chỉ mới đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên; Nhà trường chưa có phòng máy phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của giảng viên.

Nhà trường chưa cấp tài khoản cho mỗi cán bộ, giảng viên, viên chức để cập nhật thông tin cá nhân. Chất lượng wifi ở một số khu vực chưa được đảm bảo. Những chính sách, cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ người khuyết tật tại Trường đã có nhưng còn hạn chế.

2.10. Nâng cao chất lượng

Khoa còn thiếu sự chủ động trong việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức, được tiêu chuẩn hóa qua các bộ câu hỏi Trường đang thực hiện.

Việc tiếp cận các phương pháp dạy học hiện đại đặt ra nhu cầu có những tài liệu hiện đại nhưng những tài liệu này bằng tiếng Anh, chưa được chuyển ngữ nên gây khó khăn cho sinh viên khi tiếp cận, tham khảo.

Việc lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa được tiến hành đối với 100% học phần. Phần lớn các đề tài NCKH sinh viên chưa thực sự có đóng góp lớn trong việc sáng tạo sản phẩm có thể ứng dụng được vào thực tiễn. Một số thông tin phản hồi từ các bên liên quan chưa được đáp ứng kịp thời. Việc ý thức của sinh viên trong phản hồi ý kiến chưa cao; phần mềm khảo sát online còn nhiều hạn chế khi vận hành.

2.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường chưa có một hệ thống cập nhật lý do sinh viên thôi học một cách hiệu quả. Một số sinh viên chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CDR. Chính vì vậy sinh viên bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với sinh viên ngành CNTT là tương đối khó. Điều này là do ngành học CNTT đòi hỏi sinh viên đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên sinh viên e ngại khi đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ. Một số sinh viên còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề

nghiệp chưa rõ ràng.

Hoạt động NCKH của sinh viên của Khoa còn một số tồn tại nhất định. Tỷ lệ sinh viên tham gia từ khi đăng ký đề tài cho đến thời hạn báo cáo đề tài nghiên cứu bị giảm; việc triển khai nghiên cứu thực tế một số đề tài gặp khó khăn, kinh phí cho nghiên cứu còn hạn chế.

Số đông sinh viên ngành CNTT khi tốt nghiệp có trình độ tiếng Anh còn hạn chế, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch còn chưa hiệu quả, do đó ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của sinh viên khi tham gia công việc thực tế.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Để khắc phục các tồn tại trên, Khoa Công nghệ thông tin và Trường ĐHQN lên kế hoạch cải tiến chương trình bắt đầu từ năm học 2020 - 2021 như sau:

3.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo

Tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, với Luật GDDH sửa đổi, bổ sung năm 2018 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2019) và nhất là phù hợp với nhu cầu thực tế tại các doanh nghiệp; rà soát toàn diện CĐR của CTĐT so với các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của sinh viên cần đạt được; đề xuất Nhà trường từng bước xây dựng bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên với CĐR được đặt ra trong từng năm học và đưa ra quy trình chặt chẽ để đo lường, đánh giá CĐR.

Tổ chức một hội thảo với đại biểu mời là đại diện các thành phần liên quan để lắng nghe ý kiến phản hồi, góp ý về CĐR của CTĐT ngành CNTT, nhất là trong thời kỳ chuyển đổi số đang diễn ra ở mọi lĩnh vực, nhu cầu về CNTT xuất hiện ở mọi nơi. Trên cơ sở đó Khoa CNTT sẽ điều chỉnh, bổ sung để CĐR của CTĐT ngành CNTT cập nhật, hoàn thiện hơn nữa.

Tăng cường hơn nữa việc công khai CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn để sinh viên nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động, thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đơn vị sử dụng lao động trên hệ thống website, trang fanpage của Khoa một cách đều đặn và thường xuyên hơn.

3.2. Cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tổ chức thường xuyên và trên quy mô rộng việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên và các chuyên gia của các doanh nghiệp IT về chất lượng của

sinh viên ra trường để kịp thời chỉnh sửa CTĐT phù hợp với xu thế mới; đẩy mạnh việc xuất bản và quảng bá bản mô tả CTĐT tới các bên liên quan một cách bài bản hơn, chuyên nghiệp hơn.

Triển khai việc rà soát, viết lại đề cương chi tiết của một số học phần, phân bổ thời gian cho tính toán và thực hành; tiếp tục kiến nghị Nhà trường bổ sung các đầu sách ngoại văn cần thiết để đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập; tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan một cách chuyên nghiệp và thường xuyên hơn để có thêm thông tin cho việc viết lại đề cương chi tiết học phần.

Tiếp tục kết hợp với Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng và Phòng Công tác sinh viên của Nhà trường mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng (50 nhà tuyển dụng), giảng viên trong và ngoài khoa (25 giảng viên), cựu sinh viên (80 sinh viên), học viên cao học (50 học viên) và sinh viên năm cuối (70-80 sinh viên) về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CĐR của ngành CNTT và quốc tế hóa CTĐT; tổ chức các hội nghị, tọa đàm chuyên môn để rút kinh nghiệm trong công tác dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy.

3.3. Đánh giá kết quả học tập của người học

Tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT rõ ràng hơn. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học cho phù hợp với yêu cầu của xã hội dựa trên các khảo sát về người học, người dạy, cựu sinh viên,... kết hợp với tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành CNTT trong thời đại công nghiệp 4.0.

Phối hợp với các phòng ban có liên quan sẽ đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức một cách khoa học việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các nhà tuyển dụng, các cơ sở giáo dục phổ thông, giảng viên cũng như cựu sinh viên cho mục tiêu giáo dục của ngành đào tạo của Khoa; chú trọng công tác hoàn thiện, cải tiến CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn từ các doanh nghiệp, xã hội; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về chuyên môn, kỹ năng mềm, tạo môi trường khởi nghiệp, các hoạt động hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Kiến nghị với các giảng viên bổ sung tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch,...” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên.

Kiến nghị Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, vấn đáp, đồ án môn học nhằm đáp ứng CĐR; tiến hành tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR; ban hành các quy định mới về việc tổ chức thi kết thúc học phần, quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, vấn đáp, đồ án môn học nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng hơn trong đánh giá kết quả người học;

Cập nhật chương trình và điều chỉnh đánh giá kết quả học tập dựa trên toàn bộ quá trình học tập, và điều này được thông báo cho sinh viên ngay từ khi bắt đầu học phần; tăng cường sử dụng website để đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong tiến trình học cho người học chủ động học tập và nghiên cứu. Nhà trường, Khoa và các bộ môn tiếp tục phối hợp thực hiện tốt hơn nữa quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo đồng bộ các kênh công khai cho người học.

Nghiên cứu đa dạng hóa các hình thức quảng bá tuyển sinh, tích cực hỗ trợ Chương trình tổ chức trong cộng đồng: Các Hội thi liên quan đến CNTT tổ chức ở các đơn vị khác nhau: Cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp thành phố, quận, huyện và các trường PTTH; Liên chi Đoàn thanh niên và Liên chi Hội sinh viên Khoa lập kế hoạch tăng cường các câu lạc bộ sinh hoạt chuyên môn nghiệp vụ cho sinh viên.

3.4. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên

Định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa. Lãnh đạo Khoa tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đội ngũ giảng viên trẻ kế cận của Khoa được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đảm bảo về năng lực và trình độ trong nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; kiến nghị với Nhà trường trong việc đề ra các chính sách ưu đãi thiết thực để giữ chân, thu hút những giảng viên, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao.

Tích cực đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh theo định hướng ứng dụng, trong có sự hợp tác với các tập đoàn lớn trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và các viện nghiên cứu uy tín, để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ cộng đồng; chủ động đề xuất với Nhà trường những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút nguồn giảng viên có trình độ cao.

Tăng cường tạo mọi điều kiện cử giảng viên tham gia vào các lớp học bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức và cử giảng viên có chuyên môn tốt hướng dẫn, kèm cặp thêm cho đội ngũ giảng viên trẻ trong công tác giảng dạy và NCKH.

Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hợp lý hơn; thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên, đồng thời lên kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hằng năm. Kiến nghị kịp thời về cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc để giảng viên, chuyên viên có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng sao cho kịp thời, đúng đối tượng và công bằng.

Nhà trường nghiên cứu đưa ra quy định định lượng cụ thể hơn việc quản trị kết quả công việc của giảng viên về việc khen thưởng các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI.

Khoa thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức để đẩy mạnh, tăng cường sự hợp tác giữa giảng viên của Khoa với các đối tác nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước. Đồng thời, Khoa chủ động đề xuất với Nhà trường có chính sách hỗ trợ tương xứng cho những đề tài NCKH có tính chất liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

3.5. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khoa Công nghệ thông tin cần bổ sung hình ảnh, thông tin chi tiết, số liệu liên quan về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh. Lãnh đạo Khoa phối hợp chặt chẽ với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra các chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học đồng thời tuyển được sinh viên có chất lượng; kết hợp với doanh nghiệp trong đào tạo giúp sinh viên tiếp cận đến các vấn đề thực tế ngay còn ngồi trên ghế nhà Trường.

Thường xuyên phổ biến rộng rãi CTĐT, quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đến người học; đề xuất Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tin chỉ để người học cập nhật được thông tin kịp thời.

Tăng cường khuyến khích sinh viên NCKH thông qua kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài; tăng thêm các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp trong sinh viên.

Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ với doanh nghiệp tăng cường liên kết với nhà tuyển dụng, xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với nhu cầu tuyển dụng thực tế cho sinh viên các ngành CNTT

Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giảng viên phụ trách thực tế, thực tập nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, các chuyên gia tại doanh nghiệp hướng dẫn sinh viên thực tập tại công ty để kịp thời có những điều chỉnh cần thiết.

Phát động và khuyến khích Liên chi đoàn, Hội sinh viên của Khoa tổ chức thêm các hoạt động sinh hoạt chuyên môn như các cuộc thi về chuyên môn CNTT, các cuộc thi Hackathon nhằm tạo động lực thúc đẩy sinh viên đam mê học tập và NCKH.

3.6. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Đề nghị Nhà trường bố trí cho mỗi tổ bộ môn 01 phòng làm việc với các trang thiết bị phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của giảng viên; đầu tư kinh phí mua cơ sở dữ liệu, mua những đầu sách nước ngoài mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Cán bộ, giảng viên Khoa CNTT triển khai thực hiện kế hoạch biên soạn và cập nhật tài liệu, giáo trình để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học.

Đề nghị Nhà trường đầu tư xây dựng phòng máy phục vụ cho các môn chuyên ngành trong Khoa: phòng máy tính thực hành mạng máy tính, thực hành lập trình di động trên các nền tảng khác nhau, phòng máy tính toán năng suất cao để thực hiện các thực nghiệm học máy, khai phá dữ liệu lớn đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên ngành CNTT.

Cấp tài khoản cá nhân cho giảng viên, viên chức tạo điều kiện thuận lợi cho việc cập nhật thông tin cá nhân khi cần có thể truy xuất dữ liệu bài báo, công trình, quá trình công tác,... một cách nhanh chóng và chính xác; nâng cấp chất lượng wifi ở một số khu vực còn yếu.

Sau khi có quy hoạch tổng thể, Nhà trường đầu tư trồng các loại cây xanh; triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.7. Nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra

Từ năm học 2020-2021, Khoa CNTT triển khai hoàn thành ngân hàng câu hỏi cho các học phần có hình thức thi vấn đáp, thực hành trên máy tính sau đó hoàn thành ngân hàng câu hỏi cho các học phần còn lại. Xây dựng cách đánh giá người học phù hợp tạo động lực học tập và NCKH trong sinh viên.

Phối hợp với các doanh nghiệp là đối tác của Trường, Khoa bổ sung các nội dung học tập trong các học phần tăng cường tính thực tế thông qua cách gửi sinh viên tham

gia các dự án với doanh nghiệp, doanh nghiệp cử chuyên gia tham gia giảng dạy các học phần cho sinh viên, tổ chức đa dạng các hình thức, thời gian thực tập tại các doanh nghiệp khi có nhu cầu từ phía doanh nghiệp, hoặc từ phía sinh viên.

Tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng và môi trường nghề nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa cũng tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các hoạt động Đoàn – Hội. Đồng thời, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường có kế hoạch quảng bá về ngành CNTT và CTĐT đối với xã hội.

Các nhóm nghiên cứu của Khoa chủ động đưa ra kế hoạch và mục tiêu nghiên cứu để đáp ứng được nhu cầu thực tế, tiến hành tìm hiểu, triển khai các công đoạn chuyên giao sản phẩm nghiên cứu đến các bên liên quan. Đồng thời, Khoa đề nghị Nhà trường rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt. Thành lập bộ phận sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Hơn nữa, từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục công việc hoàn thiện phần mềm khảo sát ý kiến sinh viên; Các cố vấn học tập các lớp, Phòng Công tác sinh viên tăng cường việc nâng cao ý thức của sinh viên trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường nhằm giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin hơn để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Chỉ đạo Cố vấn học tập và Trợ lý đào tạo tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên, tìm hiểu lý do thôi học của sinh viên để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho sinh viên khi nhập học. Có sự báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của sinh viên, qua đó nhắc nhở sinh viên hoàn thành các điều kiện CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn; cùng với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành rà soát, nhắc nhở sinh viên kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để việc xét tốt nghiệp của sinh viên được đảm bảo đúng tiến độ; kiến nghị với Nhà trường chủ động lên kế hoạch giảng dạy và tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho sinh viên nhằm làm tăng cơ hội cho sinh viên tham gia thi đạt CĐR theo đúng tiến độ.

Đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia, đồng thời cũng khuyến khích các đề tài tự giác không cần hỗ trợ tài chính từ Khoa và Trường. Bên cạnh đó, thông qua Đoàn – Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho sinh viên về vai trò của NCKH trong sinh viên; có kế hoạch tổ chức nhiều hơn nữa các bài giảng đại chúng và seminar khoa học của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường, góp phần khơi dậy lòng say mê khoa học trong sinh viên.

Tăng cường khuyến khích sinh viên học tiếng Anh, khuyến khích sinh viên trình bày báo cáo bằng tiếng Anh, đọc dịch tài liệu bằng tiếng Anh qua các buổi ngoại khóa, NCKH hay báo cáo khóa luận tốt nghiệp. Điều này sẽ giúp sinh viên củng cố kiến thức và có môi trường học tập. Tăng cường kết hợp với Đoàn – Hội, tổ chức các buổi tọa đàm trao đổi với các chủ đề về tiếng Anh.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy 50 tiêu chí đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thông tin

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Quy Nhơn

Mã: DQN

Tên CTĐT: Công nghệ thông tin

Mã CTĐT: D480201

Bảng 4.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thông tin

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5.00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5.00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4.67	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								4.67	3	100
Tiêu chí 4.1					5					

Tiêu chí 4.2				5				
Tiêu chí 4.3			4					
Tiêu chuẩn 5								
Tiêu chí 5.1				5				
Tiêu chí 5.2				5				
Tiêu chí 5.3				5			4.80	5
Tiêu chí 5.4				5				
Tiêu chí 5.5			4					
Tiêu chuẩn 6								
Tiêu chí 6.1				5				
Tiêu chí 6.2				5				
Tiêu chí 6.3				5				
Tiêu chí 6.4				5			4.86	7
Tiêu chí 6.5				5				
Tiêu chí 6.6			4					
Tiêu chí 6.7				5				
Tiêu chuẩn 7								
Tiêu chí 7.1				5				
Tiêu chí 7.2			4				4.60	5
Tiêu chí 7.3				5				
Tiêu chí 7.4				5				

Tiêu chí 11.1			4			4.60	5	100
Tiêu chí 11.2				5				
Tiêu chí 11.3			4					
Tiêu chí 11.4				5				
Tiêu chí 11.5				5				
Đánh giá chung CTĐT						4,79	50	100

Bình Định, ngày 29 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/8/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHQN

Tiếng Anh: QNU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: BỘ GD&ĐT

5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 056.3846156 Số fax: 0563846089

7. E-mail: dqn@moet.edu.vn Website: www.qnu.edu.vn

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1982

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tiếng Anh: DEPARTMENT OF INFORMATION

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: K.CNTT

Tiếng Việt: K.CNTT

Tiếng Anh: DEPT. OF IT.

14. Tên trước đây (nếu có): KHOA TIN HỌC

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Công nghệ thông tin
 - Tiếng Anh: Information Technology
16. Mã CTĐT: D480201
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 10 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
19. Số điện thoại liên hệ: 02563646072 Số fax:
20. E-mail: kcntt@qnu.edu.vn Website: <http://www.kcntt.qnu.edu.vn>
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1999 (theo Quyết định số 1649/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục).
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1999
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2003

III. Giới thiệu khái quát về Khoa Công nghệ thông tin

24. Lịch sử phát triển

Để đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng về nhân lực Tin học, sự gia tăng nhanh chóng về số lượng sinh viên theo học ngành Tin học, ngày 14 tháng 5 năm 1999, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra Quyết định số 1649/QĐ-BGDĐT về việc thành lập Khoa Tin học, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn. Lúc đầu thành lập đội ngũ giảng viên của Khoa chủ yếu là các giảng viên từ tổ Toán ứng dụng thuộc khoa Toán được cử đi đào tạo về Tin học và một số sinh viên Tin học giỏi sau khi tốt nghiệp được giữ lại Khoa. Năm học 1999 - 2000, sau 7 năm liên kết đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn chính thức được tuyển sinh đào tạo và cấp bằng cử nhân Tin học. Đây là bước ngoặt lớn có ý nghĩa tác động mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Khoa sau này.

Cùng với sự phát triển của Trường Đại học Quy Nhơn và sự phát triển nhanh chóng của CNTT, đến năm 2010, Khoa đổi tên thành Khoa CNTT nhằm định hướng đào tạo gắn với công nghệ và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Đến nay, sau một thời gian xây dựng và phát triển, vượt qua những khó khăn ban đầu, Khoa CNTT đã và đang khẳng định vị thế trong đào tạo lĩnh vực CNTT ở Việt Nam. Hiện nay, Khoa CNTT được biết đến như một đơn vị với đội ngũ trẻ, năng động, đoàn kết, với chiến lược đào tạo và quyết tâm phát triển hướng tới tiêu chuẩn chất lượng và đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội. Từ chỗ chỉ có một ngành đào tạo trình độ đại học, đến nay Khoa đã đào tạo thạc sĩ ngành Khoa học máy tính, 2 ngành đào tạo trình độ đại học là CNTT (với 4 chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo, Hệ thống thông tin, Công nghệ

phần mềm, Mạng máy tính), Kỹ thuật phần mềm (hệ kỹ sư) và hỗ trợ tham gia đào tạo ngành Sư phạm Tin học của Khoa sư phạm. Để đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngoài việc đào tạo sinh viên chính quy, Khoa còn tham gia đào tạo hình thức vừa làm vừa học liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học ngành CNTT, Sư phạm Tin học cho các tỉnh trong khu vực miền Trung và Tây nguyên như Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng, góp phần quan trọng vào đào tạo nhân lực CNTT cho các tỉnh trong khu vực và trên cả nước.

Để phát triển và hội nhập Khoa CNTT luôn đặt ra những mục tiêu để thực hiện. Sự phát triển đó trước hết là phát triển của đội ngũ cán bộ về cả trình độ, đạo đức và số lượng. Khoa Toán hiện nay có 27 cán bộ giảng viên (kể cả cán bộ kiêm nhiệm tại các phòng chức năng khác trong trường), bao gồm 9 TS, 14 thạc sĩ, và 04 nghiên cứu sinh. Hơn 40% tiến sĩ tốt nghiệp từ các nước các nền giáo dục tiên tiến ở Châu Âu và Châu Á, 04 nghiên cứu sinh sắp hoàn thành và 70% giảng viên có thâm niên công tác trên 10 năm và có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy.

Khoa CNTT hiện có các nhóm nghiên cứu khoa học với nhiều hướng nghiên cứu hiện đại, tiếp cận với thế giới và là một địa chỉ nghiên cứu có uy tín trong và ngoài nước như Nhóm nghiên cứu về Điện toán đám mây và Dữ liệu lớn, Nhóm nghiên cứu về Xử lý ngôn ngữ tự nhiên, Nhóm nghiên cứu ứng dụng AI. Từ năm 1999 đến nay, có hơn bài báo khoa học cán bộ giảng viên của Khoa CNTT được đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, các kết quả nghiên cứu của cán bộ, giảng viên Khoa cũng được tham gia báo cáo tại các Hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước.

Các danh hiệu thi đua và khen thưởng chính của Khoa Toán

- Hằng năm Khoa CNTT đều đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động xuất sắc
- Nhiều bằng khen của các cá nhân và tập thể Khoa CNTT các cấp: Bộ, Tỉnh.
- Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa đầu tiên (của CTĐT): 2003

25. Cơ cấu tổ chức hành chính

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn



Danh sách các đơn vị trong Trường

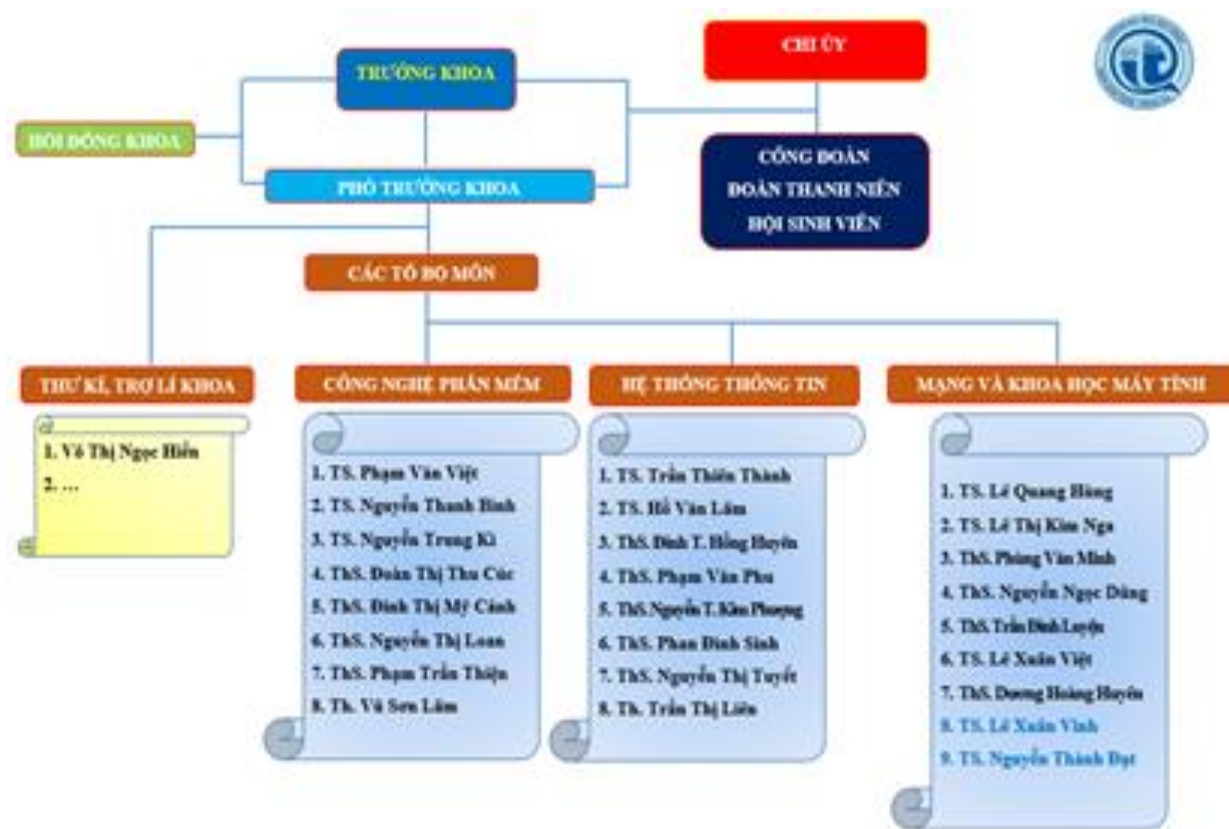
No.	Introduce to Departments	Website	Email	Tel.
1.	Khoa Sư phạm	http://ksp.qnu.edu.vn	ksp@qnu.edu.vn	(+84) 256 3746158
2.	Khoa Khoa học Tự nhiên	http://ns.qnu.edu.vn	khtn@qnu.edu.vn	(+84) 256 3847567
3.	Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn	http://khxhvn.qnu.edu.vn	khxhvn@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846834

4.	<u>Khoa Toán và Thống kê</u>	http://math.qnu.edu.vn	kt@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846824
5.	<u>Khoa Ngoại ngữ</u>	http://knn.qnu.edu.vn	knn@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846823
6.	Khoa Công nghệ thông tin	http://kcntt.qnu.edu.vn	kcntt@qnu.edu.vn	(+84) 256 3646072
7.	Khoa Lý luận chính trị - Luật & Quản lý Nhà nước	http://kgdctqlnn.qnu.edu.vn	klct@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846818
8.	Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng	http://kgdctcp.qnu.edu.vn	kgdct@qnu.edu.vn	(+84) 256 3647570
9.	Khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non	http://kgdthmn.qnu.edu.vn	kgdth@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846866
10.	Khoa Tài chính ngân hàng & Quản trị kinh doanh	http://fbm.qnu.edu.vn	kqtkd@qnu.edu.vn	(+84) 256 3847845
11.	Khoa Kinh tế & Kế toán	http://fea.qnu.edu.vn	kkt@qnu.edu.vn	(+84) 256 3547569
12.	Khoa Kỹ thuật & Công nghệ	http://kktcn.qnu.edu.vn	kktcn@qnu.edu.vn	(+84) 256 3847010
13.	<u>Phòng Đào tạo đại học</u>	http://pdtah.qnu.edu.vn	pdt@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846803

14.	<u>Phòng Đào tạo sau đại học</u>	http://pdtsaudaihoc.qnu.edu.vn	psdh@qnu.edu.vn	(+84) 256 3518070
15.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	http://pktdbcl.qnu.edu.vn	pkt@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846798
16.	Phòng Tổ chức - Nhân sự	http://ptccb.qnu.edu.vn	ptccb@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846806
17.	Phòng Khoa học công nghệ & Hợp tác quốc tế	http://pqlk-htqt.qnu.edu.vn	pkhcn@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846817
18.	<u>Phòng Công tác sinh viên</u>	http://pctsv.qnu.edu.vn	pctsv@qnu.edu.vn	(+84) 256 3646142
19.	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	http://lib.qnu.edu.vn	tttl@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846623
20.	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ với doanh nghiệp	http://hotrosinhvien.qnu.edu.vn	hotrosinhvien@qnu.edu.vn	
21.	Trung tâm Công nghệ thông tin & Truyền thông	http://ict.qnu.edu.vn	ict@qnu.edu.vn	(+84) 256 3636126
22.	<u>Viện Khoa học giáo dục</u>	http://viennncsp.qnu.edu.vn	spgd@qnu.edu.vn	
23.	<u>Viện Nghiên cứu ứng dụng Khoa học và Công nghệ</u>	http://aristqnu.edu.vn		

24.	Phòng Thanh tra - Pháp chế	http://pthanhtra.qnu.edu.vn	ptt@qnu.edu.vn	(+84) 256 3646300
25.	<u>Phòng Cơ sở vật chất</u>		pcsvc@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846838
26.	<u>Văn phòng Đảng ủy</u>	http://danguy.qnu.edu.vn/	vpdanguy@qnu.edu.vn	(+84) 256 3846819
27.	Đoàn Thanh niên	http://doanthanhnien.qnu.edu.vn	dtn@qnu.edu.vn	
28.	<u>Trung tâm Ngoại ngữ</u>	http://ttnn.qnu.edu.vn		
29.	Trung tâm Tin học	http://ttinhoc.qnu.edu.vn		

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa CNTT



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hiệu trưởng	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TS	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2.	Phó hiệu trưởng	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS	0903599502	nguyendinhkien@qnu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1.	Trưởng Khoa	Lê Xuân Việt	1976	TS	0905532296	lexuanviet@qnu.edu.vn
2.	Phó Trưởng Khoa	Hồ Văn Lâm	1978	TS	0919391719	hovanlam@qnu.edu.vn
3.	Phó Trưởng Khoa	Nguyễn Thanh Bình	1984	TS	0983331601	nguyenbinh@qnu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Chi bộ	Lê Quang Hùng	1981	TS	0983444056	lequanghung@qnu.edu.vn
2.	Công đoàn	Phùng Văn Minh	1978	Th.S	0982033722	phungvanminh@qnu.edu.vn
2.	Liên Chi đoàn	Vũ Sơn Lâm	198	Th.S	0986131673	vusonlam@qnu.edu.vn

3.	Hội sinh viên	Lê Minh Nam	199	Sinh viên	0332605868	
III. Các phòng, ban						
1.	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	GVC. TS Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
2.	Phòng KT&ĐBCL	Nguyễn Hữu Tiến	1962	GVC.ThS Trưởng phòng	0914060611	nguyenhuutien@qnu.edu.vn
3.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Tiến Trung	1979	GVCC. PGS.TS Trưởng phòng	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn
4.	Phòng Công tác sinh viên	Hồ Văn Phi	1967	GVC. TS Trưởng phòng	0905021688	hovanphi@qnu.edu.vn
5.	Phòng Cơ sở vật chất	Đoàn Đức Tùng	1976	GVCC. PGS.TS Trưởng phòng	0905799386	doanductung@qnu.edu.vn
6.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7.	Phòng Thanh tra – Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	1975	Trưởng Phòng		nguyenthikimoanh@qnu.edu.v n

8	Phòng Tổ chức - Cán bộ	Hà Thanh Hải	1969	TS. Trưởng phòng	0983443902	hathanhhai@qnu.edu.vn
9	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Mai Xuân Miên	1961	TS. Trưởng phòng	0905291966	maixuanmien@qnu.edu.vn
10	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang	1973	PGS.TS. Trưởng phòng		psdh@qnu.edu.vn
11	Viện NCSP&KHGD	Nguyễn Phi Hùng	1967	PGS.TS, Viện trưởng	0931906721	nguyenphihung@qnu.edu.vn
12	Thư Viện	Lê Thanh Hải	1982	ThS. Giám Đốc		lethanhhai@qnu.edu.vn

IV. Các bộ môn

1.	Mạng và Khoa học MT	Lê Quang Hùng	1981	TS, Tổ trưởng Bộ môn	0983444056	lequanghung@qnu.edu.vn
2.	Hệ thống thông tin	Trần Thiên Thành	1970	TS, Tổ trưởng Bộ môn	0989161116	tranthienthanh@qnu.edu.vn
3.	Công nghệ phần mềm	Phạm Văn Việt	1981	TS, Tổ trưởng Bộ môn	0367574755	vietphv@gmail.com

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa CNTT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 02 (01 chuyên ngành phối hợp với các Khoa Toán & Thống Kê, Khoa Công nghệ kỹ thuật)

Số lượng ngành đào tạo đại học: 06

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 06

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	16	11	27
I.1	Cán bộ trong biên chế			
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	16	11	27
II	Các cán bộ khác			
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	1	0	1
	Tổng số	1	0	28

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	Ghi chú
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	0	0	0	0	0	
3	Tiến sĩ	9	7	0	2	0	
4	Thạc sĩ	19	17	1	0	1	
5	Đại học	0	0	0	0	0	
	Tổng số	28	27	1	2	1	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 27 người

Tỷ lệ % giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 96 %.

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	3,0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ	2,0	9	7	0	2	0	15.2
4	Thạc sĩ	1,0	18	17	0	0	1	17.2
5	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		27	24	0	2	1	32.4

Cách tính: cột 9 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2* cột 8)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ	9	35,0	8	1	0	3	5	1	0
4	Thạc sĩ	17	65,0	10	7	2	7	7	1	0
5	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	16		18	8	2	10	12	2	0

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 33%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 67%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	20%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	18%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	30%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	2%	
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	480	208	2,31	194	15	16.6	
2016-2017	512	262	1,95	174	15	16.1	

2017-2018	771	356	2,17	216	15.5	20	
2018-2019	642	427	1,50	235	14	19.3	
2019-2020	543	432	1,26	223	14	19.9	

36. Thống kê, phân loại số lượng người học của CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học					
3. SV đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	444	506	645	708	831
Hệ không chính quy	114	24	0	0	0
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: 3

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số lượng (người)	0	3	0	6	8
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0.54%	0	0.70%	0.89%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)					
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)					

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020

Số lượng(người)	18	5	5	12	6
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	3.66%	0.90%	0.70%	1.41%	0.67%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	31	67	35	68	90
Hệ không chính quy	0	74	24	0	0
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	27	22	31	20	4
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(*Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng*)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

	Các tiêu chí	Năm học				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số lượng người học tốt nghiệp	31	67	35	68	90
2	Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	75	75	55	56	46
3	<p>3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
3.1	3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2	3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i>					

	kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3	3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4	4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
	4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
	- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
	- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
	4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
	4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học					

	có việc làm.					
	<p>5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
	5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
	5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
	5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng quy đổi
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0				1	1	2
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	3	2	3	2	6
	Tổng		2	3	3	4	3	8

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 08

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0.3

Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	08	04	03	01	24
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	02	04	03	03	02	14
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		02	12	07	06	03	38

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 38

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.27/1GV

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài	09	36	0
Từ 6 đến 10 bài			
Từ 11 đến 15 bài			
Trên 15 bài			
Tổng	09	36	

48. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo		Số lượng	
----	--------------------	--	----------	--

		Hệ số **	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	01	02	03	01	02	09.0
2	Hội thảo trong nước	0,5	01	02	07	03	02	0.75
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	
	Tổng		02	04	10	04	04	9.75

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0.33/1GV

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.33/1GV

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	02	26	26
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	02	26	26

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của Trường)

50. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2014-2015	

51. Nghiên cứu khoa học của người học

51.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	18	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia	0	0	18	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	02	01	01	01	01
2	Số bài báo được đăng,	0	0	0	01	

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
	công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

52. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 240.112 m².

53. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 130.610 m².

54. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

- Nơi làm việc: 6.855 m², Nơi học: 36.416 m², Nơi vui chơi giải trí: 18.905m².

55. Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: 25.748 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,8 m²/người

56. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Tư liệu: 1.890

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 3.040.

57. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 02

- Dùng cho người học tập: 580

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 27

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 27

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: = 33%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: =67%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người):831

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 27.5 SV / 1GV

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: >54%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 70%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 20%

Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 80.3 %

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 6%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 05 triệu VNĐ

4. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80,3

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 19,7

5. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.3/1GV

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.27/1GV

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.33/1GV

Cơ sở vật chất: Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 3 m²/người học.

Phụ lục 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC

Khoa CNTT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: 841/QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 25 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin****HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng và Trường khoa Công nghệ thông tin,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trường khoa Công nghệ Thông tin, các Trường đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Công bố website Trường;
- Lưu: VT, K.CNTT, KTBĐCL.




HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

(Kèm theo Quyết định số 34/QĐ-ĐHQN ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS. TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS. TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Lê Xuân Việt	TS, Trưởng khoa CNTT	Phó Chủ tịch
4	Ông Hồ Văn Lâm	TS, Phó Trưởng khoa CNTT	Thư ký
5	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng KT&BDCL	Thành viên
6	Ông Lê Xuân Vinh	TS, Thành viên Hội đồng Trường, Trưởng phòng ĐTDH	Thành viên
7	Ông Nguyễn Thanh Bình	TS, Phó Trưởng khoa CNTT	Thành viên
8	Ông Trần Thiên Thành	TS, Trưởng bộ môn, Khoa CNTT	Thành viên
9	Ông Lê Quang Hùng	TS, Trưởng bộ môn, Khoa CNTT	Thành viên
10	Ông Phạm Văn Việt	TS, Trưởng bộ môn, Khoa CNTT	Thành viên
11	Ông Vũ Sơn Lâm	ThS, Giảng viên, Bí thư Liên chi đoàn Khoa CNTT	Thành viên
12	Bà Nguyễn Thị Tuyết	ThS, Giảng viên Khoa CNTT	Thành viên
13	Ông Mai Xuân Miên	TS, Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên
14	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS, Giám đốc TT. Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp	Thành viên
15	Ông Huỳnh Tín Trọng	Sinh viên K41, Khoa CNTT	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người). 

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 841/QĐ-DHQN ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)


STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Hồ Văn Lâm	TS, Phó Trưởng khoa Khoa CNTT	Trưởng Ban thư ký
2	Bà Nguyễn Thị Khánh Linh	ThS, Chuyên viên Phòng KT&BDCL	Thành viên hỗ trợ
3	Bà Nguyễn Thị Tuyết	ThS, Giảng viên Khoa CNTT	Thành viên
4	Ông Vũ Sơn Lâm	ThS, Giảng viên Khoa CNTT	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Loan	ThS, Giảng viên Khoa CNTT	Thành viên
6	Bà Đinh Thị Mỹ Cảnh	ThS, Giảng viên khoa CNTT	Thành viên
7	Bà Võ Thị Ngọc Hiền	ThS, Chuyên viên Khoa CNTT	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người).

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 844/QĐ-ĐHQN ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	1. Ông Trần Thiên Thành	TS, TBM, Khoa CNTT	Trưởng nhóm
	2. Bà Nguyễn Thị Tuyết	ThS, GV Khoa CNTT	Thư ký
	3. Ông Dương Hoàng Huyền	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
	4. Bà Đinh Thị Hồng Huyền	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
	5. Ông Phạm Trần Thiện	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
	6. Bà Lê Thị Xinh	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
Nhóm 2	1. Ông Phạm Văn Việt	TS, TBM, Khoa CNTT	Trưởng nhóm
	2. Bà Nguyễn Thị Loan	ThS, GV Khoa CNTT	Thư ký
	3. Ông Nguyễn Ngọc Dũng	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
	4. Ông Lê Xuân Việt	TS, Trưởng khoa CNTT	Thành viên
Nhóm 3	1. Ông Lê Quang Hùng	TS, TBM, Khoa CNTT	Trưởng nhóm
	2. Bà Đinh Thị Mỹ Cảnh	ThS, GV Khoa CNTT	Thư ký
	3. Ông Phùng Văn Minh	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
	4. Bà Lê Thị Kim Nga	TS, GV Khoa CNTT	Thành viên
	5. Bà Đoàn Thị Thu Cúc	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
Nhóm 4	1. Ông Hồ Văn Lâm	TS, PTK. Khoa CNTT	Trưởng nhóm
	2. Bà Võ Thị Ngọc Hiền	ThS, CV Khoa CNTT	Thư ký
	3. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
	4. Bà Trần Thị Liên	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
	5. Ông Phạm Văn Phú	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
Nhóm 5	1. Ông Nguyễn Thanh Bình	TS, PTK Khoa CNTT	Trưởng nhóm
	2. Ông Vũ Sơn Lâm	ThS, GV Khoa CNTT	Thư ký
	3. Ông Phan Đình Sinh	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
	4. Ông Trần Đình Luyện	ThS, GV Khoa CNTT	Thành viên
	5. Ông Huỳnh Tín Trọng	SV K41, Khoa CNTT	Thành viên

(Danh sách gồm có 25 người). 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: 787/KH-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 10 tháng 6 năm 2020

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Công nghệ thông tin (CNTT) và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục tiên tiến đánh giá ngoài và đề nghị công nhận CTĐT ngành CNTT đạt tiêu chuẩn chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Khoa CNTT thực hiện CTĐT ngành CNTT theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trong một chu kỳ kiểm định chất lượng ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Công cụ tự đánh giá

1- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

2- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

3- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

4- Công văn số 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

5- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

6- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

7- Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT (Kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng).

8- Thông tư 38/2013 về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thông tin được thành lập theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHQN ngày 25/5/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn, Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Công nghệ thông tin được thành lập theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHQN ngày 25/5/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 1 TS. Trần Thiên Thành (Trưởng Nhóm)	Từ ngày 01/6/2020 đến 31/7/2020	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2 TS. Phạm Văn Việt (Trưởng Nhóm)	Từ ngày 01/6/2020 đến 31/7/2020	
3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 10	Nhóm 3 TS. Lê Quang Hùng (Trưởng Nhóm)	Từ ngày 01/6/2020 đến 31/7/2020	
4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 4 TS. Hồ Văn Lâm (Trưởng Nhóm)	Từ ngày 01/6/2020 đến 31/7/2020	
5	Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5 TS. Nguyễn Thanh Bình (Trưởng Nhóm)	Từ ngày 01/6/2020 đến 31/7/2020	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1, 2, 11	Thu thập minh chứng	Các phòng ban liên quan trong Trường, các công ty, doanh nghiệp liên quan, các cựu sinh viên, giảng viên, sinh viên	01/6/2020 31/7/2020	
		Xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình	Hội đồng khoa, Hội đồng tự đánh giá	01/6/2020 31/7/2020	
		Mô tả CTĐT	Thành viên Nhóm 1	01/6/2020 31/7/2020	
		Đánh giá kết quả đầu ra	Thành viên Nhóm 1	01/6/2020 31/7/2020	
		Viết báo cáo	Thành viên và thư ký Nhóm 1	01/8/2020 15/8/2020	
2	3, 4	Thu thập minh chứng	Thành viên Nhóm 2, Phòng ĐTDH, Phòng KT&BDCL, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên	01/6/2020 31/7/2020	
		Đánh giá thiết kế cấu trúc và nội dung CTĐT	Thành viên Nhóm 2	01/6/2020 31/7/2020	
		Đánh giá phương pháp tiếp cận trong dạy học và học	Thành viên Nhóm 2	01/6/2020 31/7/2020	
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 2 và thư ký nhóm	01/8/2020 15/8/2020	

3	5, 10	Thu thập minh chứng	Thành viên Nhóm 3, Phòng ĐTDH, Phòng KT&BDCL, Phòng CTCT&SV, TT Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp.	01/6/2020 31/7/2020	
		Đánh giá kết quả người học	Thành viên Nhóm 3	01/6/2020 31/7/2020	
		Đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo	Thành viên Nhóm 3	01/6/2020 31/7/2020	
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 3 và thư ký nhóm	01/8/2020 15/8/2020	
4	6, 7	Thu thập minh chứng	Thành viên Nhóm 4, Phòng TCNS, Phòng KHCVN&HTQT, các Phòng ban liên quan, cựu sinh viên sinh.	01/6/2020 31/7/2020	
		Đánh giá đội ngũ Giảng viên và nghiên cứu viên	Thành viên Nhóm 4	01/6/2020 31/7/2020	
		Đánh giá đội ngũ nhân viên	Thành viên Nhóm 4	01/6/2020 31/7/2020	
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 4 và thư ký nhóm	01/8/2020 15/8/2020	

5	8, 9	Thu thập minh chứng	Thành viên nhóm 5, phòng Cơ sở vật chất, Thư viện, Phòng CTCT&SV, TT.CNTT & TT, TT. Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên	01/6/2020 31/7/2020	
		Đánh giá người học và hoạt động hỗ trợ người học	Thành viên nhóm 5	01/6/2020 31/7/2020	
		Đánh giá cơ sở vật chất và trang thiết bị	Thành viên nhóm 5	01/6/2020 31/7/2020	
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 5 và thư ký nhóm	01/8/2020 15/8/2020	

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)

6.1. Các chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin của các trường, các khoa trong và ngoài nước.

6.2. Thống kê số lượng tuyển dụng, kế hoạch tuyển dụng, hồ sơ đánh giá nhân viên là cựu sinh viên ngành Công nghệ thông tin từ các cơ quan, công ty trong khu vực và trong cả nước.

6.3. Phỏng vấn lãnh đạo các công ty, cơ quan và cựu sinh viên

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia về kiểm định chương trình, tư vấn, tập huấn, góp ý chỉnh sửa.

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT 06 tháng, theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 2 (25/5/2020 07/6/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; □ Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 – 4 (08/6/2020 21/6/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.

Tuần 5 - 8 (22/6/2020 19/7/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 15 (20/7/2020 06/9/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 (07/9/2020 13/9/2020)	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17-18 (14/9/2020 27/9/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.

Tuần 19-21 (28/9/2020 18/10/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 22-23 (19/10/2020 31/10/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. 3. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 4. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Phòng KT&BDCL;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: VT, VP.Khoa CNTT.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ